

REBECCA STEAD

người
bạn
bí
ẩn

Giải thưởng
đóng góp xuất sắc nhất cho
VĂN HỌC THIẾU NHI MỸ 2010



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Người Bạn Bí Ẩn

Rebecca Stead

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Lời cảm ơn
Những Thứ Bạn Cất Trong Hộp
Những thứ bị mất
Những Thứ Bạn Giấu Đi
Vòng Tốc Độ
Những Thứ Biết Đá
Những Thứ Lộn Xộn
Những Thứ Bị Vấy Bẩn
Những Nguyên Tắc Của Mẹ Khi Sống Ở Thành Phố New York
Những Thứ Bạn Mong Ước
Những Thứ Rón Rén Đến Bên Bạn
Những Thứ Nảy Tung Tung
Những Thứ Bị Rộp
Vòng Chiến Thắng
Những Thứ Bạn Giữ Bí Mật
Những Thứ Bốc Mùi
Những Thứ Bạn Không Quên
Lá Thư Đầu Tiên
Những Thứ Xiên Xiên
Những Thứ Màu Trắng
Lá Thư Thứ Hai
Những Thứ Bạn Vén Lên
Những Thứ Bạn Đếm
Những Thứ Rắc Rối
Những Thứ Vô Hình
Những Thứ Bạn Vẫn Làm
Những Thứ Mẫn Mẫn
Những Thứ Bạn Giả Vờ
Những Thứ Rạn Vỡ
Những Thứ Được Để Lại
Lá Thư Thứ Ba
Những Thứ Vô Nghĩa
Bằng Chứng Thứ Nhất
Những Thứ Bạn Cho Đi

[Những Thứ Bể Tắc](#)
[Những Thứ Cột Ruy-băng](#)
[Những Thứ Đỏ Hồng](#)
[Những Thứ Sụp Đổ](#)
[Kỳ Nghỉ Giáng Sinh](#)
[Bằng Chứng Thứ Hai](#)
[Những Thứ Trong Thang Máy](#)
[Những Điều Bạn Nhận Ra](#)
[Những Thứ Bạn Nài Xin](#)
[Những Thứ Đảo Ngược](#)
[Những Thứ Ngọt Ngào](#)
[Lá Thư Cuối cùng](#)
[Những Điều Khó Khăn](#)
[Những Thứ Được Hàn Gắn](#)
[Những Thứ Bạn Bảo Vệ](#)
[Những Thứ Xếp Hàng](#)
[Trò Chơi Kim Tự Tháp 20.000\\$](#)
[Sợ Chỉ Thần Kỳ](#)
[Những Thứ Mở Ra](#)
[Những Thứ Gió Cuốn Đi](#)
[Sal và Miranda, Miranda và Sal](#)
[Những món quà chia tay](#)

Giới thiệu

Người bạn bí ẩn là tác phẩm đoạt giải thưởng John Newberry - giải thưởng cho tác phẩm đóng góp xuất sắc cho văn học thiếu nhi Mỹ - năm 2010. (Kira-Kira là tác phẩm đoạt giải thưởng này năm 2005).

Truyện lấy bối cảnh nước Mỹ những năm bảy mươi của thế kỷ 20, kể về cuộc sống của hai mẹ con cô bé Miranda 12 tuổi. Câu chuyện được kể dưới dạng một lá thư, đồng thời cũng như là nhật kí viết cho một người bí ẩn của Miranda, mà lúc viết, cô chưa thể nhận ra ai sẽ là người nhận bức thư của mình. Miranda sống cùng với mẹ trong một chung cư cũ, cuộc sống hai mẹ con cứ trôi qua lặng lẽ. Đến một ngày, hai mẹ con phát hiện ra chìa khoá dự phòng căn hộ của họ giấu ở ống cứu hoả bị mất. Họ phát hiện ra có người đột nhập vào nhà mà không hề mất thứ gì.

Sau đó, Miranda nhận được những lá thư bí ẩn, chữ viết tay nguệch ngoạc. Cô bé nhận ra, người viết lá thư này là người biết rất rõ về cuộc sống của cô, biết cả những chuyện chưa xảy ra. Những lá thư tiếp tục được gửi tới, vào những trường hợp mà cô bé không ngờ đến. Những lá thư cho Miranda những chi tiết rời rạc về một chuyện kinh khủng sắp xảy ra, đầy bí ẩn, dần dần cô bé có đủ thông tin để tin tưởng mình là người duy nhất có thể ngăn chặn một cái chết bi thảm sẽ xảy đến nhưng không biết nạn nhân sẽ là ai. Rồi cô bé đã tự mình nối kết những thông tin, làm sáng tỏ mọi chuyện.

Câu chuyện được thể hiện qua giọng kể của cô bé 12 tuổi với cái nhìn trong trẻo, những cảm nhận rất trẻ con nhưng cũng rất sâu sắc về cuộc sống, về tình bạn và những vấn đề xã hội đáng để chúng ta suy nghĩ. Độc giả sẽ không khỏi ngạc nhiên và xúc động trước quyết tâm chuộc lỗi của “người bạn bí ẩn” trong tác phẩm này, và tự hỏi “Sao một đứa trẻ lại có thể hành động với tinh thần trách nhiệm cao như thế?”

*Gửi Sean, Jack và Eli,
các nhà vô địch những trận cười nghiêng ngả,
tình yêu mãnh liệt
và những câu hỏi vô cùng sâu sắc.*

Điều tuyệt vời nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm chính là sự bí ẩn

- Albert Einstein

The World As I See It (1931)

Lời cảm ơn

Tôi đã được “cứu nguy” rất nhiều lần khi viết cuốn sách này, và tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến: biên tập viên Wendy Lamb, trợ lý biên tập Caroline Meckler, vì những câu hỏi, những lời khuyên, và sự tin tưởng; đại diện của tôi - Faye Bender - vì những hiểu biết và sự hỗ trợ không mệt mỏi của cô ấy; những độc giả bản nháp thông thái và vị tha - Deborah Stead, Karen Romano Young, Robert Warren, Jack O'Brien, Sean O'Brien, Samantha Kish-Levine, Michelle Knudsen, Alison James, và Daphne Grab - vì sự giúp đỡ và khích lệ; những tài năng - Colleen Fellingham và Barbara Perris - vì đôi mắt tinh tường và những chuẩn mực biên tập không nhân nhượng; và giám đốc nghệ thuật Kate Gartner - vì thiết kế tuyệt vời cô ấy dành cho cuốn sách. Đặc biệt cảm ơn Randi Kish, người đã giúp tôi ghi nhớ mọi thứ, và David Stead, người đã giúp tôi hiểu được câu chuyện của chính mình qua những bữa ăn sáng.

Mỗi nhà văn đều học hỏi từ nhiều nhà văn khác, nên nếu nói cảm ơn hết tất cả thì vô cùng. Tuy nhiên, tôi muốn bày tỏ lòng ngưỡng mộ đặc biệt với trí tưởng tượng phi thường và sự lao động miệt mài của Madeleine L'Engle, cuốn sách của bà đã quyến rũ tôi khi tôi còn nhỏ (đến nay vẫn thế), và khiến tôi muốn bước vào những bí mật của vũ trụ này.

Những Thứ Bạn Cất Trong Hộp

Hôm nay mẹ nhận được một tấm thiệp. Tấm thiệp viết một dòng chữ lớn bay bướm: Chúc mừng. Phía trên góc trái là địa chỉ người gửi: Trường quay TV-15, đường số 58 Hướng Tây. Sau ba năm cố gắng, cuối cùng mẹ đã thành công. Mẹ sẽ trở thành một trong những người tham gia trò chơi truyền hình *Kim Tự Tháp 20.000\$* của Dick Clark.

Trên tấm thiệp liệt kê một số món đồ cần mang theo. Mẹ cần mang thêm một số quần áo để thay nếu chiến thắng vào vòng trong. Dù khi phát sóng họ giả vờ như đó là ngày tiếp theo nhưng thật ra thì họ quay tất cả chỉ trong một buổi mà thôi. Tấm thiệp không yêu cầu mang theo kẹp tóc, nhưng tôi chắc chắn mẹ sẽ đem theo vài chiếc. Không giống tóc tôi, mái tóc đỏ bồng bênh nếu để xõa có thể che lấp gương mặt với những nét đặc trưng Mỹ của mẹ.

Phía dưới tấm thiệp là một dòng chữ ghi vội bằng viết mực xanh, ngày mà mẹ phải có mặt: *Ngày 27 tháng 4 năm 1979*. Đúng như bạn đã nói.

Tôi kiểm tra cái hộp dưới gầm giường. Tôi cất tất cả những lá thư của bạn trong đó suốt mấy tháng qua. Nó đây rồi: *Ngày 27 tháng Tư: Trường quay TV-15*, dòng chữ nhỏ xíu viết nguệch ngoạc như thể bạn đã viết trên xe điện ngầm. “Bằng chứng” cuối cùng của bạn.

Tôi vẫn còn suy nghĩ về lá thư mà bạn muốn tôi viết. Nó cứ ám ảnh tôi mãi, dù bạn đã ra đi và tôi không còn ai để trao lá thư đó nữa. Đôi khi tôi cố gắng hình dung lại câu chuyện bạn bảo tôi phải kể, về những gì xảy ra trong những tháng vừa qua. Mọi thứ vẫn ở đó, như một bộ phim có thể xem lại bất cứ khi nào, dù muốn hay không. Và tôi biết mình sẽ không bao giờ muốn xem lại.

Những thứ bị mất

Mẹ mang về một cuốn lịch lớn từ công ty và dán tờ lịch tháng Tư lên tường nhà bếp. Mẹ dùng một cây viết lông màu xanh, cũng lấy từ công ty, vẽ một chiếc kim tự tháp lên ngày hai mươi bảy, với ký hiệu đồng tiền và những dấu chấm than bao quanh. Mẹ ra ngoài mua một chiếc đồng hồ quả trứng ngộ nghĩnh có thể đếm chính xác đến từng giây. Chiếc tủ chứa đồ dự trữ ở công ty mẹ không có đồng hồ quả trứng.

Ngày hai mươi bảy tháng Tư cũng là sinh nhật của chú Richard. Mẹ nghĩ có lẽ sự trùng lặp đó là một điềm lành. Chú Richard là bạn trai của mẹ. Chú ấy sẽ cùng tôi giúp mẹ luyện tập mỗi tối, đó là lý do tại sao lúc này tôi đang ngồi trên bàn thay vì nằm vờn xem ti-vi sau giờ học, vốn là một đặc quyền của những đứa trẻ giữ chìa khóa. “Đứa trẻ giữ chìa khóa” là từ người ta thường dùng để gọi những đứa trẻ có chìa khóa vào nhà mỗi khi đi học về và tự xoay sở một mình cho đến khi người lớn về chuẩn bị bữa tối. Mẹ không thích gọi như thế. Mẹ bảo nó khiến mẹ nghĩ đến một cái nhà tù - hẳn cái từ đó được nghĩ ra bởi một người nghiêm khắc và đáng sợ. “Có thể là một người Đức,” mẹ vừa nói vừa nhìn chú Richard. Chú là người Đức nhưng không hề nghiêm khắc hay đáng sợ tí nào.

Mà cũng có thể lắm chứ. Trong tiếng Đức, chú Richard nói, tôi được gọi là một Schlüsselkinder, nghĩa là “đứa trẻ giữ chìa khóa.”

“Cháu may mắn lắm,” chú bảo, “Chìa khóa chính là sức mạnh. Trong chúng ta có người phải đến gõ cửa đấy.” Đúng là chú ấy không có chìa khóa. Thật ra, chú ấy có chìa khóa để vào nhà của chú ấy, nhưng không có chìa khóa vào nhà *của chúng tôi*.

Chú Richard trông giống những chàng thủy thủ tôi thường vẽ trên chiếc thuyền buồm: cao lớn, tóc vàng và luôn bỏ áo vào quần, ngày thường cũng như cuối tuần. Hoặc có thể tôi vẽ các chàng thủy thủ của mình như thế bởi vì chú Richard rất thích thuyền buồm. Hai chân chú dài đến mức không thể xếp gập dưới gầm bàn nhà tôi được, vì vậy nên chú phải ngồi nghiêng một bên, xoay đầu gối ra phía phòng khách. Chú trông rất to lớn, nhất là khi ngồi cạnh mẹ, còn mẹ thì nhỏ bé đến mức dây nịt mẹ phải mua ở cửa hàng quần áo trẻ em, còn dây đồng hồ thì phải đục thêm vài lỗ để không bị tuột.

Mẹ gọi chú Richard là Ngài Hoàn Hảo, bởi vì ngoại hình của chú, cũng như cái cách mà chú biết tất cả mọi thứ. Mỗi khi mẹ gọi chú là Ngài Hoàn Hảo, chú Richard lại vỗ vỗ vào đầu gối bên phải. Chân phải của chú ngắn hơn chân trái. Tất cả mọi chiếc giày bên phải của chú đều độn gót cao lên khoảng năm xen-ti-mét để hai chân bằng nhau. Khi đi chân trần, chú hơi khập khiễng.

“Anh phải cảm ơn cái chân ấy đấy,” mẹ bảo chú, “Nhờ nó mà anh mới mon men đến với mẹ con em được.” Chú Richard đã “mon men” đến nhà tôi khoảng chừng hai năm rồi.

Chúng tôi có chính xác hai mươi một ngày để chuẩn bị cho mẹ tham gia trò chơi. Vì vậy nên thay vì xem tivi, tôi ngồi chép các từ để mẹ luyện tập tối nay. Tôi viết mỗi từ vào một tấm thẻ màu trắng mà mẹ đem từ công ty về. Cứ mỗi bảy từ, tôi lại cột các tấm thẻ với nhau bằng một sợi dây thun, cũng do mẹ lấy từ công ty về.

Nghe tiếng chìa khóa của mẹ lách cách ngoài cửa, tôi vội vã lật úp các tấm thẻ xuống để mẹ không nhìn trộm được.

“Miranda ơi?” mẹ đi lộp cộp qua phòng khách và bước vào phòng tôi - gần đây mẹ thường mang một đôi guốc gỗ, “Con đói bụng không? Mình đợi chú Richard về rồi ăn tối nhé?”

“Dạ con đợi được.” Thật ra tôi vừa mới ăn nguyên cả gói bánh Cheez Doodles. Ăn vặt sau khi đi học về là một đặc quyền khác của đứa-trẻ-giữ-chìa-khóa. Tôi dám chắc ở Đức cũng thế thôi.

“Con thật sự không đói à? Mẹ cắt cho con một trái táo nhé!”

“Ở Đức người ta ăn vặt món gì nhỉ? Khoai tây chiên ư?” Mẹ nhìn tôi: “Mẹ không biết. Sao con

hỏi thế?” “Dạ không sao cả.”

“Con có ăn táo hay không nào?”

“Dạ không, mà mẹ ra ngoài đi - con đang viết từ cho mẹ đấy.”

“Tốt,” mẹ mỉm cười đút tay vào túi. “Chụp này!” mẹ ném cái gì đó về phía tôi, và tôi chụp lấy cái thứ đó, hóa ra là một bó viết màu mới toanh, được cột bằng một sợi thun lớn. Mẹ quay lưng, lộp cộp đi vào bếp.

Từ lâu rồi, tôi và chú Richard đã hiểu rằng mẹ càng lấy nhiều đồ từ chiếc tủ dự trữ của công ty về thì nghĩa là mẹ càng ghét làm việc ở đó. Tôi ngắm những cây viết màu một chút rồi quay lại với đồng từ ngữ.

Mẹ phải chiến thắng bằng được khoản tiền này.

Những Thứ Bạn Giấu Đi

Tôi được đặt tên theo tên một kẻ tội phạm. Mẹ bảo đó là một cách nhìn đầy kịch tính, nhưng đôi khi sự thật cũng đầy kịch tính.

“Cái tên Miranda tượng trưng cho nhân quyền,” mẹ nói thế vào mùa thu năm ngoái, khi tôi bực bội vì Robbie B. bảo tôi trùng tên với một kẻ bắt cóc trẻ con.

Tôi để quên chìa khóa ở trường nên phải chờ mẹ gần hai tiếng rưỡi đồng hồ ở cửa hàng của chị Belle trên Đại lộ Amsterdam. Chờ một chút cũng chẳng sao. Tôi giúp chị Belle trông cửa hàng một lúc. Và dĩ nhiên, tôi cũng có mang theo sách để đọc nữa.

“Em vẫn còn đọc cuốn sách đó à?” chị Belle hỏi khi thấy tôi ngồi xuống chiếc ghế xếp kế bên quầy tính tiền, “Trông nó toi tả quá.”

“Không phải là em vẫn còn đọc nó,” tôi đáp, “Em đang đọc lại đấy chứ.” Có lẽ tôi đã đọc cuốn sách này cả trăm lần rồi, đó là lý do vì sao trông nó khá nhàu nát.

“Ok. Thế em kể chị nghe xem. Dòng đầu tiên là gì nào?” chị Belle nói, “Chị không bao giờ đánh giá một cuốn sách qua bìa sách cả. Nhưng chị có thể đánh giá nó qua dòng đầu tiên.”

Tôi thuộc đến mức có thể đọc ngay dòng đầu tiên của cuốn sách mà không cần nhìn: “Đó là một đêm tối trời giông bão.”

Chị Belle gật đầu: “Kinh điển đấy. Chị thích thế. Câu chuyện nói về cái gì?”

Tôi suy nghĩ một chút: “Truyện kể về một cô gái tên là Meg - cha cô ấy bị mất tích và cô ấy phải đến một hành tinh khác để cứu cha.”

“Rồi sao nữa? Cô ấy có bạn trai không?”

“Cũng có,” tôi trả lời, “Nhưng đó không phải là vấn đề chính.”

“Cô ấy bao nhiêu tuổi?”

“Mười hai.” Thật ra cuốn sách không nói Meg bao nhiêu tuổi, nhưng tôi mười hai tuổi nên có vẻ như Meg cũng mười hai. Tôi đọc cuốn sách này lần đầu tiên năm mười một tuổi, khi đó Meg dường như cũng mười một tuổi.

“Ồ, mười hai tuổi,” chị Belle thốt lên, “Thế thì còn

khối thời gian cho chuyện bạn trai. Tại sao em không bắt đầu từ đầu?”

“Bắt đầu từ đầu là sao?”

“Câu chuyện ấy. Kể cho chị nghe từ đầu đi.”

Thế là tôi kể cho chị Belle nghe câu chuyện trong cuốn sách - không phải đọc mà chỉ kể lại thôi - bắt đầu từ chương đầu tiên khi Meg thức dậy lúc nửa đêm, hoảng sợ vì cơn bão.

Vừa nghe kể chuyện, chị Belle vừa làm cho tôi một cái bánh sandwich gà tây to và đem cho tôi khoảng mười viên kẹo vitamin C dẻo vì chị ấy nghĩ giọng tôi nghe có vẻ như đang bị nghẹt mũi. Khi chị Belle vào phòng tắm, tôi lấy trộm một chùm nho nhỏ. Tôi rất thích nho nhưng không bao giờ được ăn, vì mẹ không thích cái cách người ta đối xử với những người hái nho ở California nên mẹ không thêm mua nho nữa.

Cuối cùng thì mẹ cũng về. Mẹ ôm chị Belle nói: “Cô nợ cháu đấy!” Mẹ cứ làm như thể tôi là một gánh nặng ghê gớm chứ không phải một người cực kỳ hữu ích vì đã giúp chị Belle mở ba thùng đựng chuối xanh và lau chùi ngăn đá tủ lạnh. Rồi mẹ mua một hộp dâu, dù tôi biết mẹ nghĩ dâu của chị Belle đắt và không ngon. Mẹ gọi chúng là những VHD, nghĩa là “Vật thể Hình trái Dâu.”

“Làm thế nào Robbie B. lại nghĩ ra cái ý tưởng ngớ ngẩn là ai đó có thể đặt tên con gái mình

theo tên một kẻ giết người được?” mẹ nói. Tòa nhà của chúng tôi hãy còn cách một quãng nhưng mẹ đã cầm sẵn chìa khóa trên tay. Mẹ không thích đứng mò mẫm trước cửa để làm mục tiêu cho bọn cướp.

“Không phải là một kẻ giết người,” tôi nói, “Một kẻ bắt cóc. Cha của Robbie B. là ủy viên công tố. Bác ấy nói rằng câu cảnh báo Miranda^[1] được đặt theo tên một người tên là Miranda từng phạm những tội ác kinh khủng. Có phải thế không mẹ?”

“Cũng có thể. Câu ‘cảnh báo Miranda’ rất quan trọng, con biết đấy. Người ta cần biết rằng họ có quyền giữ im lặng và có quyền có luật sư. Hệ thống luật pháp nào mà lại không có...”

“Cũng có thể nghĩa là ‘đúng’ phải không?”

“... và sau này thì có Shakespeare, trong vở kịch Bão tố, Shakespeare đã nghĩ ra cái tên Miranda, con biết đấy.”

Những gì tôi nghĩ rất chính xác: Mẹ muốn trở thành luật sư bào chữa tội phạm - mẹ thi đậu trường luật, học sắp xong năm thứ nhất thì tôi ra đời nên mẹ phải nghỉ học. Hiện nay mẹ đang làm trợ lý luật sư ở một văn phòng luật nhỏ, kiêm cả tiếp tân và thư ký. Chú Richard cũng là luật sư. Mẹ và chú làm rất nhiều công tác luật từ thiện cho những người nghèo, đôi khi, thậm chí cho cả bọn tội phạm. Nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mẹ lại đặt tên mình theo tên một kẻ tội phạm cả.

Mẹ mở khóa cửa vào tiền sảnh. Cánh cửa kiếng khung sắt hằn nặng đến hơn cả trăm ký nên khi cố sức đẩy cửa ra, gót giày mẹ trượt nghe rìn rít trên sàn gạch.

Khi hai mẹ con đã vào nhà, mẹ tì người vào cánh cửa để đóng nó lại cho đến khi nghe cái tách, nghĩa là khóa cửa đã bập vào. Nếu chỉ đóng hờ thì cái khóa thường không ăn, mà như thế sẽ khiến mẹ lo lắng. Mẹ đã nhắc chủ nhà nhiều lần nhưng bác ấy không chịu sửa.

“Thế ông ấy có bắt cóc trẻ con không mẹ,” tôi nhấn nút thang máy.

“Thôi nào,” mẹ bảo, “Mẹ đặt tên con theo tên một con quái vật đấy, Mira. Xin lỗi nhé. Nếu con không thích cái tên đó thì cứ việc đổi tên khác đi.”

Mẹ là thế đấy. Mẹ không hiểu rằng một người sẽ gắn bó với cái tên của họ suốt đời, và biết được sự tích cái tên của mình như thế thì quả là một cú sốc.

Vừa lên lầu, mẹ vội vã vào bếp, cởi áo khoác quăng lên ghế, đổ nước vào nồi spaghetti rồi bật bếp lên nấu. Mẹ mặc một chiếc áo cổ lọ màu cam, váy bông chéo, mang vớ dài có sọc màu đen tím.

“Đôi vớ của mẹ đẹp quá,” tôi khịt mũi. Cũng có thể tôi giả vờ khịt mũi, vì những người trong sách tôi đọc luôn làm thế.

“Sáng nay con mới cần nhần mẹ vì đôi vớ này đấy, Mira.”

“Ồ,” tôi hơi bối rối. Mẹ thường vẫn còn đang ngủ khi tôi đi học, vì vậy nên tôi ít có dịp bình luận về quần áo mẹ cho đến khi mẹ đi làm về. “Thế thì sơn móng tay của mẹ đẹp quá.” Móng tay mẹ sơn màu xanh dương trông khá kỳ quặc. Hẳn mẹ mới sơn móng tay trong lúc làm việc hôm nay.

Mẹ tròn mắt: “Con bị sao thế? Khó chịu vì chờ mẹ ở chỗ chị Belle lâu quá hả? Hôm nay có quá nhiều việc - mẹ không thể về sớm được.”

“Không, con thích ở cửa hàng của chị Belle,” tôi thầm nghĩ không biết mẹ đã sơn móng tay trước, sau, hay là trong khi đang có quá nhiều việc như thế.

“Con cũng có thể tới nhà Sal mà.” Sal sống với mẹ cậu ấy, bác Louisa, trong một căn hộ ngay dưới căn hộ của chúng tôi. Trước đây tôi và Sal chơi với nhau rất thân.

“Con đã nói con thích chờ ở cửa hàng của chị Belle mà.”

“Cũng thế thôi. Mẹ nghĩ mình nên giấu một chìa khóa chỗ ống cứu hỏa, đề phòng lần tới con lại

quên.”

Sau khi xong bữa tối, mẹ giấu chiếc chìa khóa dự phòng vào đầu ống cứu hỏa đầy bụi cuộn tròn ở đầu cầu thang. Cái ống nứt nẻ và bụi bặm, nằm yên như thể cả trăm năm qua. Mẹ luôn bảo rằng nếu lỡ cháy thật thì cái ống đó sẽ chẳng giúp được gì cả, và hai mẹ con sẽ phải nhảy qua cửa sổ xuống vườn nhà bên cạnh. Cũng may là căn hộ của chúng tôi nằm ở tầng hai tòa nhà.

Bạn đừng nhớ viết về chiếc chìa khóa. Nếu tôi quyết định viết cho bạn một lá thư, dù có lẽ tôi sẽ không quyết định như thế, thì đây chính là câu chuyện mà tôi muốn kể.

Vòng Tốc Độ

Trò chơi *Kim Tự Tháp 20.000\$* có hai vòng. Mẹ gọi vòng đầu là Vòng Tốc Độ bởi vì nó đòi hỏi tốc độ thật nhanh. Người dự thi phải cố gắng làm cho đồng đội của mình - một nhân vật nổi tiếng - đoán được bảy từ thông dụng bằng cách đưa ra một số gợi ý. Ví dụ như, nếu từ đầu tiên là “nĩa” thì người dự thi có thể nói: “Bạn dùng nó để cho thức ăn vào miệng nhưng không phải là muỗng mà là...”

Nếu anh ta có cái đầu, mà theo mẹ thì cũng có thể không, người đồng đội nổi tiếng sẽ nói: “Nĩa.” Khi đó sẽ có một tiếng chuông báo hiệu và từ tiếp theo sẽ xuất hiện trên một màn hình nhỏ. Mỗi người có ba mươi giây để đoán bảy từ. Sau đó cái màn hình sẽ xoay đổi hướng và đến lượt người nổi tiếng gợi ý còn người dự thi đoán từ. Bảy từ nữa và ba mươi giây nữa. Rồi màn hình lại đổi hướng, đến phiên người dự thi gợi ý.

Vòng Tốc Độ có tổng cộng cao nhất hai mươi một điểm cho ba lượt, đội nào đạt điểm tối đa sẽ được thưởng hai nghìn một trăm đô-la. Nhưng điều quan trọng nhất là phải đánh bại các đội khác, bởi vì đội đoạt giải nhất vòng tốc độ sẽ được vào Vòng Chiến Thắng, nơi có một khoản tiền lớn đang chờ đợi họ.

Tối nay mẹ không có nhiều thời gian luyện tập vì có một cuộc họp của những người thuê nhà. Hàng tháng, những người thuê các căn hộ trong tòa nhà họp một lần ở phòng khách nhà tôi để phân nản, còn mẹ thì có nhiệm vụ ghi chép. Hầu hết mọi người không buồn đến dự, ngoại trừ những người già ít có dịp đi đâu và luôn cầu nhàu rằng nhà họ không đủ ấm. Mẹ Sal - bác Louisa - làm việc ở một nhà an dưỡng. Bác bảo rằng những người già thường dễ bị lạnh.

Sau mỗi buổi họp như thế, chiếc ghế sofa nhà tôi thường bị thủng thêm một lỗ do điều thuốc của ông Nunzi, còn mẹ thì viết một lá thư sao thành hai bản, một bản gửi cho chủ nhà, một bản gửi cho một cơ quan nhà nước nào đó, có thể họ sẽ quan tâm đến chuyện nhà cửa của chúng tôi, chẳng hạn như thang máy thường bị kẹt giữa hai tầng hay mọi người không có nước nóng khi cửa lớn bị khóa. Nhưng chẳng bao giờ có gì thay đổi cả.

Chuông cửa nhà tôi sấn sàng reo bất cứ lúc nào. Mẹ đang tranh thủ luyện tập vài vòng tốc độ với chú Richard trong khi tôi làm nước chanh và dọn bánh Oreo ra đĩa.

Tiếng gõ cửa quen thuộc của bác Louisa vang lên. Tôi ra mở cửa với đĩa bánh trên tay. Bác thở dài mệt mỏi, nhón một chiếc bánh Oreo. Bác mặc quần jean và vẫn còn mang đôi giày y tá trắng. Bác đá đôi giày rớt xuống ngưỡng cửa rồi bước vào. Bác ghét những cuộc họp thế này nhưng vẫn vì mẹ mà đến. Hơn nữa, cũng cần có người trông chừng điều thuốc của ông Nunzi để khỏi vô tình gây hỏa hoạn.

“Bác dùng nước chanh không ạ?” tôi hỏi. Tôi không thích làm bồi bàn trong những cuộc họp hành của mẹ, nhưng lúc nào tôi cũng sẵn lòng mời nước bác Louisa.

“Có nước chanh thì tuyệt!” Bác theo tôi vào bếp.

Ngay khi bác Louisa vừa cầm ly nước lên thì chuông cửa reo một tràng dài liên tục. Tại sao, tại sao, tại sao họ cứ phải nhấn và giữ chuông như thế?

“Những người già,” bác Louisa lẩm bẩm như thể đọc được suy nghĩ của tôi, “Họ quá quen với việc bị bỏ rơi.” Bác với lấy hai cái bánh nữa rồi ra mở cửa. Bác Louisa thường không ăn những thứ mà bác gọi là thức ăn chế biến, nhưng bác nói bác không thể chịu nổi suốt cuộc họp của những người thuê nhà nếu không có “vị cứu tinh” Oreo.

Mười lăm phút sau, mẹ ngồi bệt dưới sàn phòng khách, ghi chép tốc ký những gì mọi người tranh nhau ca cẩm, nào là thang máy quá bẩn, cầu thang có những mẫu thuốc lá vứt bừa bãi, còn cái máy sấy ở tầng hầm thì nóng quá làm chảy dây thun quần của ai đó.

Tôi đứng dựa vào tường ở phòng khách, nhìn mẹ giơ tay ra dấu cho bà Bindocker nói chậm lại.

Khi bà Bindocker đã bắt đầu “mở đài” thì ngay cả tài tốc ký siêu việt cũng mẹ cũng không cách gì theo kịp.

Lần đầu tiên nhìn thấy căn hộ này, mẹ đã la toáng lên. Mọi thứ đều dơ bẩn, mẹ bảo thế. Sàn nhà gỗ “đen thui đen thui,” cửa sổ “đóng bụi tám lớp,” còn các bức tường thì loang lổ những thứ mà mẹ “thậm chí không dám nghĩ tới.” Luôn luôn là những từ ngữ quen thuộc đó.

Ngày hôm đó tôi cũng có mặt, nằm cuộn tròn trong cái làn em bé. Trời khá lạnh và mẹ mặc một chiếc áo khoác mới. Trong tủ không có móc áo, mà mẹ thì không muốn để chiếc áo lên mặt bàn đầy bụi hay bỏ xuống sàn nhà, vì vậy nên mẹ mặc nó luôn trong khi đi ngắm các căn phòng, tự nhủ cũng không quá tệ.

Lúc này đây, tôi vẫn thường suy nghĩ xem khi đó có chỗ nào cho mẹ để áo khoác không.

“Sao mẹ không vắt nó lên thanh ngang trong tủ quần áo?”

“Bụi lắm,” mẹ đáp.

“Thế thì để trên bậu cửa sổ?”

“Bụi lắm.”

“Thế thì vắt lên cửa phòng ngủ vậy.”

“Mẹ với không tới,” mẹ đáp, “và bụi lắm.”

Ngày hôm đó, gần mười hai năm trước, mẹ vẫn mặc

chiếc áo khoác, nhấc cái làn có tôi trong đó lên, đi ra cửa hàng mua một cây lau nhà, một ít xà bông, túi rác, một cuộn giấy dán kệ, miếng chùi rửa, một chai nước xịt kiếng và một cuộn khăn giấy.

Trở về nhà, mẹ quẳng hết mọi thứ xuống sàn. Sau đó mẹ cởi áo khoác, chuôi nó vào một cái túi rỗng mang về từ cửa hàng. Mẹ treo túi áo khoác lên tay nắm cửa rồi bắt tay vào lau chùi căn hộ suốt buổi chiều. Lúc đó, mẹ kể, tôi chỉ biết rúc vào cái làn say sưa ngủ.

Cũng trong ngày đầu tiên đó, mẹ gặp bác Louisa dưới tiền sảnh khi cả hai cùng đi đổ rác. Bác Louisa cũng là một bà mẹ độc thân. Bác đang ẵm Sal còn Sal thì đang khóc nhè. Nhưng khi vừa thấy tôi, cậu ấy nín khóc ngay.

Tôi thuộc lòng câu chuyện này bởi vì tôi thường đòi mẹ kể đi kể lại - câu chuyện về lần đầu tiên tôi gặp Sal.

Những Thứ Biết Đá

Mất Sal cũng giống như một danh sách dài những điều tồi tệ, và một trong những điều tồi tệ nhất là tôi phải về nhà một mình, đi ngang ông già điên nơi góc phố.

Ông ta xuất hiện vào khoảng đầu năm học, khi tôi và Sal thường đi bộ về cùng nhau. Vài đứa trẻ gọi ông ta là ông Quạc, hay “quàng quạc.” Một số khác gọi ông ta là “gà đá” vì ông ta thường đá chân vung vẩy như thể muốn đá vào những chiếc xe đang lao vun vút trên Đại lộ Amsterdam. Đôi khi ông ta giơ nắm đấm lên trời và gào lên những câu điên khùng như: “Đám cháy lớn cỡ nào? Mái vòm đâu rồi?” Sau đó ông ta ngửa đầu ra sau, bật lên những tràng cười điên dại với cái miệng há to đến mức người ta có thể thấy nguyên hàm răng của ông. Và ông ta luôn đứng ở góc đường của chúng tôi, hoặc đôi khi nằm ngủ, chui đầu phía dưới thùng thư công cộng.

“Đừng gọi ông ấy là Quạc,” mẹ bảo, “Đó là một cái tên kinh khủng dành cho một con người.”

“Ngay cả với những người hay kêu quàng quạc ư?”

“Mẹ không quan tâm. Nhưng gọi như thế vẫn rất kinh khủng.”

“Chà, thế mẹ gọi ông ta là gì?”

“Mẹ không gọi ông ta là gì cả,” mẹ nói, “Nhưng mẹ nghĩ đó là một ông-già-hay-cười.”

Những ngày thường đi học về chung với Sal, tôi dễ dàng giả vờ như ông-già-hay-cười đó không nhìn mình, bởi vì Sal cũng giả vờ như thế. Dù cố gắng không bộc lộ ra nhưng cậu ấy vẫn hoảng sợ khi ông-già-hay-cười giơ nắm đấm lên trời và đá chân ra đường. Tôi có thể thấy rõ điều đó qua nét mặt như đông cứng của Sal. Tôi biết tất cả mọi biểu hiện của cậu ấy.

Tôi thường nghĩ về Sal như một phần của mình: Sal và Miranda, Miranda và Sal. Tôi không thực sự hiểu rõ cậu ấy, nhưng đó là cảm giác của tôi.

Khi chưa đến tuổi đi học, tôi và Sal được gửi đến một cô giữ trẻ ở tầng trệt tòa nhà. Cô ấy nhặt được những mẫu thử ở một cửa hàng bán thử trên Đại lộ Amsterdam và ghi tên mỗi đứa trẻ lên một tấm thử. Sau bữa ăn trưa, cô ấy trải thử cho chúng tôi ngủ ngay phòng khách. Tôi và Sal luôn luôn xếp hai tấm thử tạo thành một góc vuông.

Có lần, Sal bị sốt phải nghỉ học và bác Louisa phải nghỉ việc ở nhà chăm sóc cậu ấy. Vào giờ ngủ trưa, cô bảo mẫu phát thử cho tôi. Sau khi suy nghĩ một chút, cô đưa luôn tấm thử của Sal cho tôi.

“Cô biết con cảm thấy thế nào, bé ạ!” Cô nói.

Và tôi trải hai tấm thử thành góc vuông, nằm đó nhưng không ngủ bởi vì không có ai chơi trò cạ chân với mình cả.

Lần đầu tiên xuất hiện ở góc đường vào mùa thu năm ngoái, ông-già-hay-cười luôn lẩm bẩm trong miệng: Sách - Bao - Túi - Giày - Sách - Bao - Túi - Giày...

Ông ta lẩm nhảm như đọc thần chú: “Sách - Bao - Túi - Giày - Sách - Bao - Túi - Giày...” Và đôi khi ông ta đâm thẳng vào đầu mình. Tôi và Sal thường tỏ ra say sưa nói chuyện và làm như thể chúng tôi không quan tâm đến ông ta. Thật điên khi một người cố gắng tập trung vào chuyện gì đó để giả vờ không quan tâm đến chuyện khác.

“Theo chú thì tại sao ông ta lại chui đầu xuống dưới thùng thư mà ngủ thế?” tôi hỏi chú Richard khi mới gặp ông-già-hay-cười và còn đang cố tìm hiểu về ông ta.

“Chú không biết nữa,” chú Richard rời mắt khỏi tờ báo, ngẩng lên nhìn tôi, “Có thể là để không ai đập vào đầu ông ấy chẳng?”

“Buồn cười thật. Thế còn “Túi Giày” là gì hở chú?”

“Túi Giày,” chú Richard làm mặt nghiêm trọng, “Danh từ: Chiếc túi mà trong đó bạn bỏ một chiếc giày dự phòng, trong trường hợp có người ăn trộm một chiếc giày của bạn trong khi bạn đang ngủ, chui đầu bên dưới thùng thư.”

“Ha ha ha,” tôi bật cười to.

“Thôi nào, Ngài Hoàn Hảo,” mẹ xen vào, “Anh có một bộ óc tự diễn đáng ngạc nhiên đấy...” Ngày hôm đó mẹ đang vui vẻ.

Chú Richard mỉm cười vỗ đầu gối phải của chú rồi quay lại với tờ báo.

Những Thứ Lộn Xộn

May mắn cho mẹ là có một số ông bà cụ ở nhà an dưỡng của bác Louisa rất thích xem trò chơi truyền hình *Kim Tự Tháp 20.000\$* vào giờ ăn trưa nên bác Louisa có dịp ghi chép lại nội dung các chương trình để mang về cho mẹ. Bác tan sở vào lúc bốn giờ, vì vậy nên tôi có thời gian viết lại những từ trong ngày hôm đó vào các tấm thẻ trước khi mẹ về nhà.

Tối nay, mẹ và chú Richard đang tập luyện trong phòng khách. Lẽ ra tôi phải làm bài tập về nhà nhưng tôi không làm. Thay vì thế, tôi ngồi thắt nút dây và suy nghĩ.

Chú Richard đã dạy tôi cách thắt nút dây. Chú học thắt nút khi làm thủy thủ trên tàu lúc còn nhỏ và đến giờ chú vẫn luôn mang theo vài sợi dây dù trong cặp hồ sơ. Chú bảo mỗi khi gặp khó khăn trong công việc, chú thường lấy dây ra thắt nút, gỡ nút rồi lại thắt lại. Việc đó giúp chú lấy lại sự cân bằng tư tưởng để suy nghĩ sáng suốt hơn.

Đêm Giáng sinh hai năm về trước, đó là đêm Giáng sinh đầu tiên của chú với gia đình chúng tôi. Chú Richard cho tôi một sợi dây dù và dạy tôi cách thắt nút dây. Giờ thì tôi có thể thắt được tất cả những loại nút mà chú biết, kể cả nút thuyền chài, dù tôi phải mất vài tháng mới có thể thắt cho thật đúng. Vì thế nên tôi ngồi đây, thắt nút rồi gỡ nút, để xem việc đó có giúp tôi giải quyết được vấn đề của mình hay không. Vấn đề của tôi ư, chính là bạn đấy. Tôi không biết bạn mong đợi gì ở tôi nữa.

Nếu bạn chỉ muốn biết những gì xảy ra vào ngày hôm ấy, mùa đông năm ngoái, thì rất dễ dàng. Không có gì vui vẻ, nhưng dễ dàng. Nhưng trong thư bạn không nói như thế. Bạn bảo tôi viết lại câu chuyện về những gì đã xảy ra và *tất cả những gì dẫn đến chuyện đó*. Như cách mẹ hay nói, đó là cả một vấn đề khác hẳn.

Bởi vì ngay cả nếu bạn vẫn còn ở đây, ngay cả nếu tôi *quyết định* viết lá thư ấy, tôi cũng sẽ không biết phải bắt đầu từ đâu. Ngày mà ông-già-hay-cười xuất hiện ở góc đường của chúng tôi ư? Ngày mà mẹ và bác Louisa gặp nhau dưới tiền sảnh? Hay ngày mà tôi tìm thấy lá thư đầu tiên của bạn?

Không ai trả lời tôi cả. Nhưng nếu có ai gì sủng bắt tôi phải nói ra cái ngày mà mọi chuyện thật sự bắt đầu, tôi sẽ nói đó là ngày mà Sal bị đánh.

Những Thứ Bị Vấy Bẩn

Đó là một ngày mùa thu, khi tôi và Sal còn đi bộ chung từ trường về nhà mỗi ngày: đi qua một khối nhà từ Đại lộ West End đến đường Broadway, một khối nhà từ Broadway đến Amsterdam, đi ngang ông-già-hay-cười ở góc đường, rồi thêm nửa đoạn đường nữa là đến tòa nhà của chúng tôi.

Trên đoạn đường từ Broadway đến Amsterdam có một ga-ra rất lớn. Vĩa hè ở đó bị nghiêng nên chúng tôi phải rất cẩn thận mỗi khi có băng tuyết trơn trượt, nếu không thì chúng tôi sẽ trượt té thẳng vào đám con trai luôn tụ tập ở ga-ra. Nếu chúng tôi té, bọn họ sẽ cười âm lên và đôi khi còn gọi chúng tôi bằng những cái tên có thể khiến tim bạn đập nhanh suốt quãng đường còn lại.

Cái ngày mà Sal bị đánh, đường không có tuyết bởi vì lúc đó chỉ mới tháng Mười. Tôi đang mang theo tấm áp-phích *Những Bí Ẩn Khoa Học* mà tôi đã làm ở trường.

Tấm áp-phích được căng thẳng bằng hai thanh gỗ sồi. Trên đó, tôi vẽ một dòng tiêu đề lớn “*Tại Sao Chúng Ta Ngáp?*”

Có rất nhiều lý thuyết thú vị về cái ngáp của con người. Một số người nghĩ rằng nó bắt nguồn từ việc người nguyên thủy nghe rằng đe dọa để xua đuổi kẻ thù. Một số khác cho rằng đó là một cách căng giãn cơ mặt, hoặc là dấu hiệu để báo với mọi người trong bộ lạc đã đến giờ đi ngủ. Theo lý thuyết của riêng tôi, như tôi ghi trong áp-phích, ngáp là một cách khá lịch sự để thông báo với ai đó rằng họ đang làm người khác chán muốn chết. Còn nếu không thì đó là một cái hắt xì với tốc độ chậm. Nhưng không ai biết chắc chắn cả, đó là lý do vì sao ngáp được xem là một bí ẩn khoa học.

Cái ngày mà Sal bị đánh, đám con trai trong ga-ra đang tụ tập như bình thường. Một ngày trước đó, giữa họ có một cuộc ẩu đả. Một người trong bọn họ đánh một người khác ngã lên nắp xe và tiếp tục đánh anh ta. Người bị đánh giơ hai tay lên trời chơi với như thể muốn kêu lên “Đủ rồi!” nhưng mỗi lần anh ta tìm cách thoát khỏi nắp xe thì lại bị người kia nhấn xuống đánh tiếp. Những người khác đứng xung quanh la hét, còn tôi và Sal thì băng qua bên kia đường để tránh tai bay vạ gió.

Vào ngày Sal bị đánh, bọn họ trông có vẻ bình thường, vì vậy nên chúng tôi vẫn đi bên đường bên ấy như bình thường. Nhưng ngay khi chúng tôi gần qua khỏi ga-ra thì một người trong họ bỗng tách khỏi nhóm. Cậu ta sải bước dài đuổi theo rồi đứng chặn ngay trước mặt chúng tôi. Cậu ta mặc một chiếc áo khoác màu xanh quân đội, trông có vẻ không to con lắm. Rồi cậu ta vùng tay đâm vào bụng Sal nhanh như một làn sóng ủa tới. Cực mạnh. Hự! Sal gập người ôm bụng, miệng phát ra những tiếng ùng ục như thể cậu sắp nôn đến nơi. Rồi cậu ta tát mạnh vào mặt Sal.

“Sal!” tôi hét lên. Tôi nhìn qua cửa hàng của chị Belle bên đường Amsterdam nhưng không có ai ở trước cửa hàng cả. Sal vẫn ôm bụng bất động. Cậu bé kia đứng yên vài giây, nghiêng đầu một bên. Có vẻ thật kỳ quặc nhưng dường như cậu ta đang đọc tấm áp-phích *Những Bí Ẩn Khoa Học* của tôi. Rồi cậu ta quay lại, tản bộ về hướng Broadway như thể không có chuyện gì xảy ra.

“Sal ơ!” tôi nghiêng người nhìn vào mặt Sal. Tất cả có vẻ ổn ngoại trừ một bên má đỏ bừng. “Đi nào,” tôi nói, “Mình sắp về tới nhà rồi.” Chân Sal bắt đầu chuyển động. Tôi bỗng nhận ra đám con trai không cười mà cũng không huýt sáo trên chọc. Tất cả đều im lặng. Tôi quay đầu lại. Bọn họ vẫn đứng đó, nhìn chăm chăm vào cậu bé mặc chiếc áo khoác màu xanh quân đội đang thông thả bước về hướng ngược lại.

“Này!” một người trong họ gọi với theo, “Có chuyện gì thế?” Nhưng cậu ta không buồn quay đầu nhìn lại.

Sal chậm chậm bước đi. Cậu siết chặt hai tay áo chiếc áo Yankees xanh mà bác Louisa tặng cậu nhân ngày sinh nhật, nước mắt chảy thành dòng. Tôi cũng muốn khóc theo nhưng tôi không

khóc. Tôi phải đưa cậu ấy về nhà, và chúng tôi còn phải đi qua ông-già-hay-cười nữa.

Ông-già-hay-cười đứng ở góc đường, đi đều bước thành một vòng tròn và giơ tay chào ai đó. Sal khóc to hơn, vừa đi vừa cúi gập người. Vài giọt máu bắt đầu nhỏ ra từ mũi cậu, và cậu lấy tay áo quẹt mũi. Sal nấc nghẹn liên tục như muốn nôn ọe.

Khi nhìn thấy chúng tôi, ông-già-hay-cười dừng vòng tròn diễu hành lại và đứng nghiêm. Ông ta khiến tôi nhớ đến cái kệp quả hạch bằng gỗ có hình người lính mà bác Louisa trang trí bàn ăn đêm Giáng sinh.

“Đứa bé thông minh!” ông-già-hay-cười bỗng nói. Ông ta bước một bước về phía chúng tôi, và thế là đủ để Sal hoảng hốt ù té chạy về nhà. Tôi vội vã chạy theo, vừa cố gắng giữ tấm áp-phích vừa cố lấy chùm chìa khóa ra khỏi túi quần.

Sau khi hai chúng tôi vào đến tiền sảnh, Sal chạy thẳng lên căn hộ của cậu và đóng sầm cửa lại. Tôi đứng gõ cửa một lúc, nhưng bác Louisa chưa về còn Sal không chịu mở cửa cho tôi vào.

Nếu tôi không lầm, đây chính là lúc bắt đầu câu chuyện mà bạn muốn tôi kể. Và khi đó tôi chưa biết, nhưng đó cũng là lúc kết thúc tình bạn của tôi với Sal.

Những Nguyên Tắc Của Mẹ Khi Sống Ở Thành Phố New York

1. *Luôn luôn* cầm chìa khóa trên tay trước khi đến cửa lớn.
2. Nếu có người lạ lảng vảng trước tòa nhà, *không bao giờ* được đi vào - phải tiếp tục đi vòng vòng khu nhà cho đến khi anh ta đi khỏi.
3. Quan sát phía trước. Nếu có người có thái độ lạ, trông như đang say rượu hoặc có vẻ nguy hiểm, phải băng qua bên kia đường, nhưng *không* được để anh ta biết mình chính là nguyên nhân. Phải làm ra vẻ như bạn có kế hoạch băng qua đường từ trước.
4. *Không bao giờ* lấy tiền ra khi đang ở ngoài đường.

Tôi có mẹo vặt riêng. Nếu tôi thấy sợ ai đó trên đường, tôi sẽ quay sang ông ta (luôn là một người đàn ông) và nói: “Xin lỗi chú, cho cháu hỏi mấy giờ rồi ạ?” Bằng cách đó, tôi muốn nói với ông ta rằng: “Cháu xem chú như một người bạn, đừng làm hại cháu hay lấy đồ của cháu. Thậm chí cháu không có một cái đồng hồ và có lẽ không đáng để mất thời gian móc túi.”

Cho đến giờ thì “tuyệt chiêu” đó vẫn còn hiệu quả. Và tôi phát hiện ra rằng hầu hết những người tôi sợ thật ra đều rất thân thiện.

Những Thứ Bạn Mong Ước

“Miranda ơi?” mẹ ở trong bếp gọi với ra, “Con tính giờ giùm mẹ đi. Tiếng tích tắc của cái đồng hồ quả trứng này làm mẹ muốn điên lên.”

Thế là tôi ngồi canh cây kim giây trên đồng hồ treo tường trong khi chú Richard gợi ý cho mẹ đoán từ. Sau đó tới phiên mẹ gợi ý còn chú Richard đoán từ.

Sau khoảng năm vòng, tôi hỏi: “Cho con chơi với được không?”

“Được chứ. Richard, anh canh giờ giùm em nhé,” mẹ kéo căng chiếc áo len chui đầu màu tím và cởi nó ra. Khi chiếc áo được kéo qua khỏi đầu mẹ, mái tóc mẹ bung ra và rơi xõa tự do xuống hai bờ vai. Mỗi lần như thế, tôi lại thầm bực tức với người cha không tồn tại của mình. Hẳn chính ông ấy đã để lại cho tôi mái tóc nâu thẳng tuột như *để cho có thể này*. Tôi đổ lỗi cho cha về mái tóc nâu thẳng ngu ngốc của mình, nhưng thật sự tôi không có thù hằn gì với ông cả.

Trong cuốn sách của tôi, Meg đi tìm cha. Khi cuối cùng cô đến được Camazotz, một hành tinh ở đâu đó gần Big Dipper, nơi cha cô đang bị giam giữ, một con quỷ với đôi mắt đỏ hỏi Meg vì sao cô muốn có cha, và Meg trả lời: “Ông có bao giờ có cha chưa? Ông không cần lý do gì để có cha cả. Ông muốn có cha vì ông ấy là cha của ông.”

Vì vậy nên tôi nghĩ rằng vì tôi chưa bao giờ có cha nên tôi không muốn có. Một người không thể nhớ một cái gì mà mình chưa bao giờ có.

Chú Richard ngồi nhìn cái đồng hồ treo tường, chờ đến khi chiếc kim giây chạm số mười hai: “Chuẩn bị - Bắt đầu!”

Tôi nhìn xuống tấm thẻ đầu tiên: “Ừm... đây là cái mà mẹ trét lên bánh mì.”

“Bo!” mẹ nói như reo.

Tấm thẻ kế tiếp: “Mẹ uống sữa bằng cái này, mẹ hút sữa qua nó.”

“Ổng hút!” mẹ nói to.

Tiếp theo. “Nó làm bằng da và mẹ đeo nó quanh lưng quần.”

“Dây nịt!”

“Nó ngọt - mẹ uống nó vào mùa đông, sau khi đi trượt tuyết về!”

“Chocolate nóng!”

Chơi trò này thật vui. Bạn không phải suy nghĩ về gì khác ngoại trừ từ tiếp theo và mẹ cũng không nghĩ về gì khác ngoại trừ từ tiếp theo mà tôi sẽ nói ra. Chúng tôi lướt nhanh qua bảy từ trong gói thẻ.

“Con chơi giỏi thật đấy!” mẹ nói khi chúng tôi hoàn thành mà vẫn còn dư năm giây.

Tôi cười bảo: “Con thật sự nghĩ là mẹ sẽ thắng đấy!”

“Đừng hy vọng sớm quá,” mẹ cảnh báo, “Đây chỉ mới là vòng tốc độ thôi. Vòng Tốc Độ là vòng dễ nhất.”

Sự thật là chúng tôi đã hy vọng nhiều lắm rồi. Danh sách những điều mong ước của chúng tôi được đánh lên tủ lạnh bằng một miếng nam châm mà mẹ lấy từ công ty về:

Một chuyến du lịch đến Trung Quốc

Một cái máy chụp hình tốt cho chuyến du lịch Trung Quốc

Một tấm thảm trải phủ hết sàn trong phòng ngủ của Miranda

Một cái TV mới

Và chú Richard viết nguệch ngoạc chữ “*Thuyền buồm*” ở dưới cùng, mặc dù thật khó tưởng tượng chúng tôi có thể neo nó ở đâu.

Dù sao, đó là danh sách chính thức. Tôi và chú Richard có một kế hoạch bí mật của riêng chúng tôi cho khoản tiền này, nếu mẹ chiến thắng.

Những Thứ Rón Rén Đến Bên Bạn

Cái ngày mà Sal bị đánh vào tháng Mười năm ngoái, sau khi ăn tối xong, bác Louisa lên nói chuyện riêng với mẹ trong phòng ngủ. Hai người quyết định sẽ đưa Sal đi bác sĩ, như thế nghĩa là hôm sau cậu ấy được phép nghỉ học ở nhà xem ti-vi.

Thế là buổi trưa ngày kế tiếp, tôi đi bộ về nhà một mình. Tôi nghĩ ngợi trong đầu nhiều đến mức gần như không biết chuyện gì xảy ra cho đến khi đi gần đến góc đường có ông-già-hay-cười. Khi sắp qua khỏi ga-ra thì tôi cảm giác có ai đó đang ở ngay phía sau mình. Tôi liếc về phía sau và nhận ra người đã đánh Sal. Cậu ta chỉ còn cách tôi khoảng một bước, vẫn mặc chiếc áo khoác màu xanh quân đội.

Tôi gần như kinh hoàng. Tôi luôn biết khi nào mình hoảng loạn bởi vì cổ và hai đầu gối của tôi trở nên tê dại. Và khi đó, ngay trước khi thật sự quyết định mình sẽ làm gì, tôi quay lại đối mặt với cậu ta.

“Xin lỗi, cậu có biết mấy giờ rồi không?” giọng tôi nghe gần như bình thường.

“Để xem...” cậu ta quay đầu nhìn về hướng Broadway như thể có một chiếc đồng hồ khổng lồ lơ lửng trong không khí sau lưng chúng tôi, “Ba giờ mười sáu phút.”

Tôi gật đầu làm như cũng nhìn thấy chiếc đồng hồ vô hình đó: “Cảm ơn.” Trông cậu ta không có vẻ như sắp đánh tôi, nhưng tim tôi vẫn đập thình thịch.

Cậu ta giơ tay chỉ: “Thấy tòa nhà lớn màu nâu đó không? Hôm qua mặt trời bắt đầu đi xuống phía sau nó vào lúc ba giờ mười hai phút. Giờ thì mặt trời đã xuống gần phân nửa rồi,” cậu ta liếc nhìn tôi, “Với lại đó là ngày hôm trước, và giờ đang là tháng Mười nên ngày sẽ trở nên ngắn hơn.”

Tôi nhìn cậu ta chằm chằm. Cậu ta nhìn xuống, tay cậu đang cầm một chiếc chìa khóa. Cậu bỏ tay vào túi quần và nói: “Mình không có đồng hồ.”

“Ồ, mình cũng không,” tôi nói.

Cậu ta gật đầu, và tôi cảm thấy không sợ nữa. Nhưng ngay khi vừa hết sợ, tôi lại có cảm giác tội lỗi. “Xem mày kìa” tôi nghĩ thầm trong đầu, “Nói chuyện với đứa đã đánh Sal ư?”

“Mình phải đi đây,” tôi nói và bước đi. Tôi không dám nhìn lại cho đến khi đi tới góc đường. Khi tôi quay lại, người đánh Sal đã biến mất. Hẳn cậu ta sống ở căn hộ phía trên ga-ra, căn hộ có những cái cây chết đặt dọc lối thoát hiểm và những tấm ra giường treo rũ bên cửa sổ.

Tôi hoàn toàn quên bằng ông-già-hay-cười. Ông ta đang nằm, thò chân ra bên dưới thùng thư, và tôi bước qua thật cẩn thận để không đánh thức ông ta.

Những Thứ Nảy Tưng Tưng

Sau khi bình phục, Sal bắt đầu chơi bóng rổ trong con hẻm phía sau tòa nhà của chúng tôi. Cửa sổ phòng khách nhà tôi quay về hướng đó, tôi nghe tiếng cầu ấy đập bóng mỗi ngày từ ba giờ rưỡi đến năm giờ chiều. Có một cái vòng kim loại rỉ sét và không có lưới. Mỗi lần Sal đập bóng vào, nó lại kêu rền vang.

Căn hộ của Sal và bác Louisa gần như giống hệt căn hộ của chúng tôi. Hai nhà cùng có các phòng ngủ hình chữ nhật, cùng loại đèn trong hành lang, cùng thiết kế phòng bếp và cùng những cái lò hay bị tắt lửa. Căn hộ của Sal ngay bên dưới căn hộ của chúng tôi.

Nhưng cũng có vài chỗ khác biệt. Sàn bếp nhà Sal trải vải lót sàn màu vàng và cam, còn sàn bếp nhà tôi màu trắng với những bông tuyết vàng. Giường của tôi kê ở bên này tường còn giường của Sal thì kê sát tường bên kia. Nhưng chúng tôi có cùng loại gạch phòng tắm - gạch màu trắng hình lục giác. Nếu nhìn chúng một lúc, tôi có thể tưởng tượng ra đủ thứ hình thù: những đường kẻ, mũi tên, thậm chí cả những bông hoa. Chúng dường như luôn luôn sẵn sàng biến hóa thành những bức tranh khác nhau. Thật khó giải thích những điều đó với một người khác, nhưng có một lần, khi chúng tôi còn nhỏ, tôi kể với Sal về chúng, và chúng tôi cùng nhau vào phòng tắm nhà cậu ấy rồi cùng đứng nhìn chăm chăm xuống sàn gạch. Sal và Miranda, Miranda và Sal.

Càng ngày Sal chơi bóng rổ càng nhiều và nói chuyện với tôi càng ít. Tôi hỏi cậu ấy bốn trăm lần xem cậu ấy có ổn không, có chuyện gì xảy ra không, có giận tôi không... và ba trăm chín mươi chín lần, cậu đều trả lời “Không có gì cả.” Thế rồi, lần cuối cùng tôi hỏi, khi đứng ở tiền sảnh tòa nhà, Sal nhìn xuống đất, bảo tôi rằng cậu không muốn ăn trưa và không muốn đi bộ về cùng với tôi nữa.

“Thế cậu có muốn chúng ta làm bạn nữa không nào?” tôi hỏi.

Vẫn nhìn xuống đất, Sal trả lời “Không.” Có lẽ cậu ấy không còn muốn làm bạn với tôi cũng lâu rồi.

Tôi nghĩ thật may mắn khi đó cũng là tuần mà Julia quyết định trừng phạt Annemarie vì lý do gì đó.

Hai cô bạn này thường xuyên hành hạ nhau cả năm trời trước khi Sal nghỉ chơi với tôi. Nhưng mãi đến gần đây tôi mới thật sự chú ý đến họ. Tôi từng thấy họ gán bó với nhau như những người bạn thân thiết nhất, rồi họ bắt đầu chiến tranh, khóc lóc, trả lại quà tặng, làm hòa và rồi lại khoác tay nhau với vẻ hào hứng giả tạo. Tôi từng thấy họ hòa nhau tra tấn Alice Evans. Dù chúng tôi đã lên lớp sáu nhưng Alice vẫn đợi rất lâu mới chịu đi vệ sinh và không bao giờ dám nói ra rằng mình muốn đi vệ sinh cả. Thế nên Julia và Annemarie thường đợi đến khi Alice đã nhìn khá lâu rồi mới bắt đầu nháy nhau cùng hỏi chuyện một lúc, chẳng hạn như “Alice, bạn làm bài tập toán hôm nay chưa? Cái chỗ ‘nhân hai số’ ấy? Chỗ đó làm như thế nào?” Thế là Alice tuyệt vọng vừa cố nhìn tiểu vừa chỉ bài cho họ. Tôi biết bọn con gái bắt cặp với nhau như thế nào. Julia và Annemarie đã chơi với nhau khá lâu. Tôi ghét Julia và chưa bao giờ nghĩ nhiều đến Annemarie.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về Julia là vào năm lớp hai, khi chúng tôi học làm chân dung tự họa bằng cách xé giấy. Julia phàn nàn không có giấy màu “cà phê sữa” để làm da và không có giấy màu “chocolate pha 16% ca cao” để làm mắt cô ta. Tôi còn nhớ lúc đó tôi đã ngồi nhìn Julia chăm chăm và thầm nghĩ “Da bạn màu nâu nhạt, mắt bạn màu nâu sậm. Sao bạn không dùng giấy màu nâu hết đi, ngốc thật!” Jay Stringer không kêu ca gì về chuyện giấy màu, và cũng không ai trong mười đứa trẻ còn lại dùng giấy màu nâu cả. Tôi cũng không than phiền gì về tờ giấy màu hồng chóc mà cô giáo đưa cho tôi. Bộ Julia tưởng da tôi màu hồng chóc thật sao?

Nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng Julia không giống những người còn lại trong chúng tôi. Cô ấy được đi du lịch vòng quanh thế giới với ba mẹ. Cô ấy biến khỏi lớp học và hai tuần sau tái

xuất hiện với những chiếc váy thắt nơ bóng, chiếc đầm nhung mới màu xanh đậm, hoặc đeo ba chiếc nhẫn vàng trên một ngón tay. Julia kể rằng cô biết về món chocolate pha 16% ca cao ở Thụy Sĩ, nơi ba mẹ mua cho cô rất nhiều “chocolate pha 16% ca cao” cùng một chiếc đồng hồ bạc nhỏ mà cô ta thường hay gi vào mặt người khác.

Tôi không biết Annemarie đã làm gì sai, nhưng giữa giờ đọc sách ngày thứ Ba, Julia tuyên bố rằng để trừng phạt Annemarie, cô ta sẽ không ăn trưa với Annemarie suốt “những ngày còn lại trong tuần.” Julia nói to đến mức tất cả mọi người đều nghe. Vì thế nên vào thứ Tư, tôi hỏi Annemarie xem cô ấy có muốn ra ngoài ăn trưa với tôi không, và Annemarie trả lời có.

Ở lớp sáu, những ai có tiền, dù chỉ một chút, cũng đều thích ra ngoài ăn trưa, trừ khi có chuyện gì xảy ra khiến chúng tôi không được phép ra ngoài, chẳng hạn như vào tuần lễ đầu tiên của năm học, có một người đàn ông không mặc quần áo chạy trên đường Broadway khiến chúng tôi phải ăn trưa ở căn-tin trường trong khi cảnh sát tìm cách bắt giữ ông ta.

Hầu hết mọi người thường đến tiệm pizza hoặc McDonald. Nhưng tất cả mọi người đều ít nhất một lần đến tiệm Jimmy, một tiệm bánh sandwich có tên hàng hoàng nhưng chúng tôi thường gọi là tiệm Jimmy vì ở đó chỉ có duy nhất một anh phục vụ béo ú tên là Jimmy.

Pizza là món hời nhất - một đô-la rưỡi mua được hai miếng pizza, một lon soda, và một cây kẹo Blow Pop ở xô kẹo kế bên quầy tính tiền. Ngày đầu tiên đi ăn chung, tôi và Annemarie may mắn tìm được hai chiếc ghế cao kế nhau ở ngay quầy hàng, bên dưới lá cờ nước Ý.

Tôi cảm thấy hơi gớm ghiếc khi ăn pizza với Annemarie vì cô ấy lột lớp pho-mát khỏi miếng bánh như một cái vẩy rồi cho nó vào miệng, còn tất cả những thứ khác thì bỏ lại trên đĩa. Nhưng Annemarie thì cười to với những truyện cười của tôi (hầu hết là do tôi “chôm” của chú Richard - chú kể chuyện không hay nhưng biết rất nhiều truyện cười). Annemarie vui đến nỗi mời tôi về nhà sau khi tan học. Tôi sẽ thoát khỏi một buổi chiều ngồi nghe tiếng banh của Sal. Còn ông-già-hay-cười thì có lẽ đã lăn ra ngủ bên dưới thùng thư vào lúc tôi trở về nhà rồi.

Những Thứ Bị Rộp

Tòa nhà của Annemarie không cần chìa khóa. Thay vì thế, có một người gác cửa chơi trò đập tay với cô ở tiền sảnh và cha cô mở cửa trên lầu.

“Hôm nay cha bạn nghỉ làm à?” tôi thì thầm.

“Không,” Annemarie nói, “Cha mình làm việc ở nhà, làm minh họa cho các tạp chí y học.”

“Mẹ bạn cũng ở nhà chứ?”

Cô lắc đầu: “Không, mẹ đi làm rồi.”

Phòng ngủ của Annemarie cũng rộng chừng phòng tôi nhưng được trang trí bằng những tấm rèm rất đẹp và trên tường treo rất nhiều tranh ảnh khiến tôi không thể không chú ý. Hẳn có đến cả trăm bức tranh chứ không ít.

“Bọn mình quen nhau lâu lắm rồi,” Annemarie nói, ngồi xuống giường. Khăn trải giường làm bằng một loại vải châu Á gì đó và có đến gần năm mươi cái gối trên giường.

“Ai cơ?”

Cô đỏ mặt: “Ồ, mình tưởng bạn đang xem mấy tấm hình của Julia.”

Đến lúc này tôi mới để ý phòng Annemarie treo đầy hình của Julia. Chính xác không phải toàn hình của Julia nhưng có rất nhiều - hình cả hai đang mặc pyjama, đang chơi ở công viên, hoặc đang đứng bên nhau, hóa trang cho một buổi biểu diễn gì đó.

“Cốc, cốc!” cha của Annemarie xuất hiện với một ít nước sốt trên đĩa. “Bác sắp đến thời hạn nộp bài,” bác bảo tôi, “Mỗi khi sắp đến thời hạn nộp bài, bác lại nấu ăn. Cháu có thích mù tạc không? Nếm thử món sốt này xem. Bác sẽ mang cho cháu chút rượu táo.”

Bác trở lại sau vài phút với một ly rượu táo cho tôi nhưng chỉ cho Annemarie một ly nước trắng. Dường như cô ấy không quan tâm lắm.

Tấm thảm của Annemarie vừa mềm vừa xốp, gần giống như một chiếc giường, và tôi nằm ườn ra trên đó. Mù tạc luôn khiến tôi bị rộp môi, nhưng không sao cả. Cũng đáng để thử.

Vòng Chiến Thắng

Mẹ càng ngày càng giỏi Vòng Tốc Độ. Gần như mẹ luôn luôn hoàn tất bảy từ trong vòng ba mươi giây, bất kể ai cho gợi ý còn ai đoán từ.

Phần hai của trò chơi *Kim Tự Tháp 20.000\$* gọi là Vòng Chiến Thắng bởi vì bạn phải chiến thắng Vòng Tốc Độ thì mới vào được đây. Ở Vòng Chiến Thắng, nhân vật nổi tiếng sẽ cho gợi ý còn người dự thi phải đoán - không phải đoán từ, mà là đoán các thể loại. Ví dụ như nếu người nổi tiếng nói “Uất kim hương, cúc, hồng” thì người dự thi sẽ nói “các loại hoa.”

Đó là một ví dụ khá dễ. Tuy nhiên, một số thể loại cũng khó đoán, chẳng hạn như “những thứ bạn đọc lại” (thơ, lời thề trung thành với tổ quốc...) hay “những thứ bạn siết chặt” (tuýp kem đánh răng, bàn tay ai đó...)

Thể loại cuối cùng luôn luôn rất khó đoán - có thể là “những thứ bạn kéo dài ra” hoặc “những thứ bị uốn cong.” Thể loại cuối cùng chính là trở ngại cuối cùng ngăn cách người dự thi và khoản tiền lớn. Mẹ bảo sẽ không ích gì nếu người nổi tiếng cùng chơi lại là một người “ngu như lừa.”

Nếu mẹ chiến thắng Vòng Tốc Độ lần thứ nhất và đoán đúng tất cả những thể loại của Vòng Chiến Thắng, mẹ sẽ giành được mười ngàn đô-la. Nếu mẹ chiến thắng Vòng Tốc Độ lần thứ hai, Vòng Chiến Thắng sẽ trị giá mười lăm ngàn đô-la. Và nếu mẹ chiến thắng lần thứ ba, mẹ sẽ giành được hai mươi ngàn đô-la. Chính vì vậy nên tôi gọi đó là một số tiền lớn.

Trong Vòng Tốc Độ, bạn có thể chỉ trở hoặc làm điệu bộ. Nếu từ được cho là “mũi,” bạn có thể chỉ vào mũi mình. Nhưng Vòng Chiến Thắng thì khác. Bạn không được có bất kỳ cử động tay nào. Chính vì vậy nên lúc này tôi đang cột tay chú Richard vào ghế. Tôi sử dụng nút thuyền chài.

“Cháu lại làm ngược nữa rồi,” chú Richard nhìn tôi cột dây và nói, “Phải cho đầu dây đi qua cái vòng... Như thế - đúng rồi!”

Mẹ nhìn như thể hai chúng tôi sắp phát điên đến nơi: “Có cần thiết phải làm vậy không?”

“Cô bé cần phải luyện tập,” chú Richard bảo mẹ, “Phòng khi em chiến thắng và mua chiếc thuyền buồm.”

Mẹ nhướn mày.

Tôi đã chuẩn bị những tấm thẻ sẵn sàng - tôi viết mọi thứ bằng chữ hoa thật to để chú Richard có thể đọc được từ xa. Tôi sẽ giơ chúng lên ở sau lưng mẹ cho chú Richard nhìn thấy. Trong chương trình thật sự, họ có những tấm bảng lớn xoay vòng tròn phía sau đầu người dự thi để cho thấy thể loại tiếp theo, nhưng dĩ nhiên ở nhà chúng tôi không có loại công nghệ đó.

Những ghi chú trong giờ nghỉ trưa của bác Louisa rất hữu ích - thậm chí bác còn ghi lại những gì Dick Clark nói vào lúc bắt đầu mỗi Vòng Chiến Thắng. Ông ấy thường nói cùng một câu: “Đây là chủ đề đầu tiên của bạn... Bắt đầu!”

Chúng tôi đặt chiếc đồng hồ quả trứng báo hiệu một phút. Mẹ phải đoán sáu thể loại trước khi hết giờ. “Đây là chủ đề đầu tiên của bạn,” tôi nói, cố bắt chước giọng Dick Clark, “Bắt đầu!” Tôi giơ tấm thẻ đầu tiên lên để chú Richard nhìn thấy.

Tấm thẻ ghi “Những thứ bạn leo lên.” Chú Richard gật đầu và bắt đầu ra gợi ý cho mẹ.

“Khung leo trèo cho trẻ con, ngọn núi...”

“Những thứ cao?” mẹ đoán.

Chú Richard lắc đầu. “Ừm... cầu thang...”

“Những thứ đi lên.” mẹ hét to.

Chú lại lắc đầu. “... Cái thang...”

“Những thứ bạn leo lên!”

“Tính tang!” tôi nói, và giơ cái thẻ tiếp theo lên.

“Được rồi,” chú Richard nói, “Paris, phô-mai, rượu...”

“Những thứ hấp dẫn!” mẹ kêu to, “Những thứ lãng mạn!”

“... Khoai tây chiên...”

“Những thứ của Pháp!”

“Tính tang!” Cái thẻ tiếp theo.

“Một cái gối,” chú Richard nói, “Một con mèo.”

“Những thứ mềm?”

“... Một trái banh bằng vải bông...”

“Những thứ phòng - những thứ có lông mịn!”

“Tính tang!” Tấm thẻ kế tiếp.

“Xe nô em bé, xe đẩy siêu thị...”

“Những thứ mang theo thứ khác?” mẹ đoán, “Những thứ có bánh xe?”

Chú Richard lắc đầu, suy nghĩ rồi nói: “Một cái cửa.”

“Những thứ bạn đẩy!”

“Rennggg!”

Cái đồng hồ reo chuông báo hiệu hết giờ. Tất cả chúng tôi nhìn nhau - mẹ chỉ đoán được có bốn trên sáu thể loại. Không ai nói gì cả.

Cuối cùng mẹ bảo: “Thôi được rồi, chúng ta vẫn còn hai tuần nữa.”

Những Thứ Bạn Giữ Bí Mật

Không lâu sau, tôi nhận ra người đánh Sal học cùng trường với chúng tôi. Chúng tôi đang làm các dự án cho Đường Chính, xây dựng phía sau lớp học mô hình thu nhỏ của các khối nhà trong thành phố. Năm nào lớp của thầy Tompkin cũng phải nghiên cứu về các tòa nhà. Mẹ bảo thầy ấy là một kiến trúc sư “thất thời.”

“Tại sao thầy ấy lại ‘thất thời’ hả mẹ?” tôi hỏi.

“Khó nói lắm,” mẹ bảo điều đó có liên quan đến chiến tranh, “Giáo viên không phải đi chiến đấu ở Việt Nam. Vì không muốn đi chiến đấu nên rất nhiều thanh niên trẻ trở thành giáo viên.”

Thay vì trở thành người họ muốn - ý mẹ là thế.

Jay Stringer, một thiên tài mười hai tuổi, người đứng đầu ủy ban Quy hoạch Đường Chính, đã xây dựng xong một tòa nhà bằng bìa cứng, hoàn thiện với lối thoát hiểm và tháp nước. Cậu vừa bắt đầu làm tiếp hai trạm điện thoại mà theo thiết kế của cậu là sẽ có những cánh cửa nhỏ xúu đóng mở được.

Annemarie thì bận rộn với những hòn sỏi và chất keo siêu mạnh, xây dựng một bức tường đá cho công viên mà Jay Stringer đã chấp thuận vào tuần trước. Julia thì đang làm một UFO - vật thể bay không xác định - bằng những lá thiếc. Cô nói nó có thể bay lên xuống con đường trên một sợi dây vô hình. Ý tưởng về vật thể bay không xác định chưa được phê chuẩn, nhưng Julia vẫn tiến hành. Cô viết ba chữ “Kế hoạch treo” lên một mẫu giấy và dán nó vào một hộp giày chứa đầy các lá thiếc và dây câu cá. Alice Evans thì đang cố nặn các ống nước cứu hỏa bằng đất sét, nhưng chúng trông như những cục bướu thảm hại. Có lẽ việc nín tiểu quá lâu khiến cô khó tập trung tốt.

Tôi đang làm việc trên một sơ đồ thiết kế sân chơi. Sơ đồ của tôi ban đầu thì quá dốc, sau đó quá phẳng, và cuối cùng thì quá bẩn thỉu vì tôi tẩy xóa quá nhiều. Tôi phải hỏi xin một tờ giấy vẽ sơ đồ khác, việc này khiến Jay Stringer thở dài vì những tờ giấy đó cậu ấy phải mang từ nhà lên.

Chuông điện thoại trong lớp reo vang. Sau khi nghe điện thoại xong, thầy Tompkin hỏi có ai muốn làm trợ lý văn phòng một lúc không. Tôi giơ tay xung phong. Cô thư ký trường thường cho các em trợ lý văn phòng một ít kẹo Bit-O-Honey hoặc Hershey's Kisses.

Tôi chụp cuốn sách và chạy vội xuống lầu một. Cô “Bánh-xe” đang ngồi trong văn phòng. Cô mang danh là thư ký trường, nhưng theo tôi biết, về cơ bản cô chính là người điều hành toàn bộ trường học. Cô luôn cố gắng làm mọi việc mà không phải rời khỏi chiếc ghế có gắn bánh xe, vì vậy nên mọi người gọi cô là cô Bánh-xe. Cô lẩn vòng vòng trong văn phòng cả ngày bằng cách đẩy chân xuống sàn cho chiếc ghế lăn đi.

“Chú nha sĩ cần một trợ lý,” cô bảo tôi, đạp chân xuống sàn để đẩy chiếc ghế đến gần bàn và cầm lên một xấp giấy.

Thật kỳ quặc khi đi học ở trường gần bảy năm rồi mới phát hiện ra trường có Phòng Nha. Nhưng chính xác là thế đấy. Cô Bánh-xe đứng lên, dắt tôi đi theo hành lang đến một ngõ cụt nhỏ mà tôi chưa bao giờ bước vào. Có một cánh cửa mở và bên trong là một phòng nha thật sự.

Chúng tôi bước vào phòng chờ. Tôi có thể nhìn thấy ở căn phòng phía trong có một chiếc ghế khám răng thông thường. Nó được gắn một bồn nước màu trắng và một ngọn đèn lớn bằng bạc chiếu sáng từ phía trên. Trên tường dán những tấm áp-phích in hình một hàm răng ăn táo, bị dính bọt, sau đó phải đi đánh răng.

Cô Bánh-xe gọi to: “Anh Bruce?”

Một người đàn ông với bộ râu quai nón xám lơ đầu ra. Ông đội một chiếc nón màu xanh như nón bác sĩ và nhe răng cười hết cỡ với tôi.

“Xin chào, em là bệnh nhân đầu tiên của tôi ư?”

“Không, đây là Mirandar cô Bánh-xe nói, “Cô bé là trợ lý của anh. Tôi có danh sách bệnh nhân đây.” Và cô đưa tôi một tờ giấy.

Tôi đọc thấy một loạt tên và số phòng học. “Họ đi khám răng ở trường sao?” tôi nói, “Kỳ quặc thật!”

Cô Bánh-xe giật lại tờ giấy, lạnh nhạt bảo tôi: “Có chín mươi tám học sinh lớp sáu ở trường này. Có tám mươi chín em đi học hôm nay. Vì vậy nên nếu em không thể làm việc này một cách lịch sự thì em có thể về lớp, tôi sẽ tìm một em khác.”

Tôi cảm thấy mặt mình nóng lên và mũi cay xè như muốn khóc. Đôi khi tôi rất dễ khóc, nhiều khi chẳng có lý do gì nghiêm trọng cả.

Chú nha sĩ đặt tay lên vai tôi và mỉm cười. Chú ấy quả là một người-biết-cười-chuyên-nghiep, tôi thầm nghĩ. Cũng dễ hiểu, vì chú ấy là nha sĩ mà. Chú nha sĩ nói: “Chú chữa răng miễn phí, Miranda ạ. Một số gia đình không có đủ tiền để trả cho nha sĩ, hoặc họ có thể để dành số tiền đó vào việc khác.

“Ồ,” tôi thầm nghĩ hẳn tôi không nên để mẹ phát hiện ra chuyện này. Mẹ luôn phàn nàn rằng việc chăm sóc sức khỏe lẽ ra phải được miễn phí cho tất cả mọi người. Nếu biết trường có phòng nha miễn phí, hẳn mẹ sẽ bắt tôi đăng ký khám chữa răng ở trường ngay lập tức.

Chú nha sĩ nhìn cô Bánh-xe, cô nặn một nụ cười rồi đưa tờ giấy lại cho tôi. Sau đó cô rút trong túi ra một cây kẹo Bit-O-Honey cho tôi ngay trước mặt chú nha sĩ, mặc dù bác Louisa từng bảo tôi rằng ăn kẹo Bit-O-Honey cũng chẳng khác nào tự bẻ răng mình vậy.

Tôi bắt đầu với danh sách của mình. “Đừng đưa tất cả bọn nhóc vào cùng một lúc,” chú nha sĩ gọi với theo, “Đưa vào hai bạn một lần thôi.”

Tôi quyết định bắt đầu với những em nhỏ trước. Tôi gõ cửa lớp học, giáo viên trong lớp mở cửa, đọc lướt tờ giấy rồi đưa bọn trẻ ra cho tôi. Tôi dắt hai bé mẫu giáo đến phòng nha, ngồi đọc sách trong phòng chờ một lúc, sau đó đi đón một học sinh lớp hai và một học sinh lớp bốn. Công việc này đòi hỏi phải lên xuống cầu thang rất nhiều lần. Có đến cả triệu năm nữa tôi cũng không thể tưởng tượng cô Bánh-xe có thể tự làm được việc này.

Khi tôi quay lại phòng nha với hai bệnh nhân của lượt thứ hai, một trong hai em bé mẫu giáo đang ngồi đợi tôi đưa về lớp. Trên áo cô bé có gắn một miếng dán hình mặt người đang cười khoe những chiếc răng vui nhộn. Tôi đưa cô bé về lớp và tiếp tục với người cuối cùng trong danh sách, một học sinh lớp sáu bằng tôi: Marcus Heilbroner, lớp sáu - 506. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến cậu ta cả.

Tôi gõ vào cánh cửa sổ nho nhỏ của lớp học, quơ quơ tờ giấy. Giáo viên lớp - thầy Anderson - bước ra, và tôi đưa cho thầy xem danh sách.

“Marcus,” thầy gọi to, và một cậu bé đứng lên.

Đó chính là người đã đánh Sal. Cậu ta cắt tóc rất ngắn, nhưng chắc chắn đó chính là cậu ta. Đầu óc tôi bắt đầu hét lên với chính mình: “Đó chính là đứa đã đánh Sal! Hẳn ta đi học ở *trường* của mình? Đứa bé đánh Sal đi học ở *trường* của mình ư?” Trong khi đó, cậu ta bước lại phía tôi và thầy Anderson.

“Đi khám răng nào,” thầy Anderson thì thầm. Marcus gật đầu, quay lại bàn, cầm lên một cuốn sách, sau đó bước ngang qua mặt tôi và đi ra ngoài. Tôi đi theo sau, cách cậu ta vài bước. Cậu ta biết đường.

“Chào em, Marcus,” chú nha sĩ kêu to từ trong phòng khám như thể quen biết cậu ta từ trước, “Tóc mới đẹp đấy.”

Cậu bé lớp bốn đang ngồi trên chiếc ghế lớn, phun phèo phèo vào bồn súc miệng be bé màu

trắng. Hai em bé kia thì đã được gắn miếng dán và đang ngồi đợi tôi đưa về lớp. Marcus ngồi xuống một cách nặng nề, mở sách ra. Cuốn sách có tựa đề *Những Khái niệm Toán học*.

Thầy Tompkin luôn làm như thể mọi người trong lớp chúng tôi đều yêu thích môn Toán, nhưng không có gì khó khăn để nhận ra rằng có một hệ thống: sách Toán màu đỏ dành cho những thiên tài như Jay Stringer, sách Toán màu cam dành cho những đứa “tàm tạm” như tôi, còn sách màu vàng dành cho những tên phải đi học “phụ đạo” môn Toán hai lần một tuần với cô Dudley. Cuốn sách của Marcus thì khác - nó nhỏ thôi nhưng khá dày và được bọc bìa cứng. Vì vậy nên tôi nghĩ rằng ngay cả nếu như nó màu xanh da trời, thậm chí màu sắc có nhạt nhòa hơn cả màu vàng của cầu vồng thì, ít nhất, “cấp bậc” của nó cũng tương đương màu đỏ.

“Bạn thích môn Toán à?” tôi hỏi.

Marcus nhìn lên, và tôi bỗng có ấn tượng mạnh mẽ rằng cậu ta không hề biết đã từng gặp tôi trước kia, hoặc không hề nhớ đã đánh Sal hay đã từng nói chuyện với tôi về mặt trời chỉ giờ.

“Đúng thế,” cậu nói chậm rãi, như thể tôi là một người ngu ngốc hay đại loại như thế, “Mình thích Toán.” Và cậu cúi xuống đọc sách tiếp.

Tôi đưa hai em bé đang chờ về lớp học. Một trong hai em cầm một tấm thẻ màu bạc có hình trái táo, trên thẻ viết cô bé cần được tái khám và có một dòng trống để mẹ em ký tên vào. Sâu răng! tôi nghĩ chắc chắn là như thế.

Khi tôi quay lại phòng nha, cậu bé lớp bốn vẫn còn ngồi trên ghế khám và Marcus vẫn đang cắm đầu vào cuốn sách Toán. Tốt thôi - tôi ngồi xuống một chiếc ghế trống, cầm quyển sách mà tôi để trên bàn trước khi đi và giờ ra chuẩn bị đọc.

“Bạn biết không, một số người nghĩ điều đó là có thể,” Marcus lầm bầm.

“Điều gì cơ?”

Cậu ta chỉ vào cuốn sách của tôi: “Du hành xuyên thời gian. Một số người nghĩ điều đó là có thể. Ngoại trừ những phụ nữ nói dối, ở đầu cuốn sách.”

“Cái gì?”

“Những phụ nữ trong cuốn sách - Bà Cái-gì, Bà Ở-đâu, và Bà Ai-đó.”

“Bà Cái-gì, Bà Ai-đó, và Bà *Cái-nào*,” tôi chỉnh lại. Cậu ta nhún vai.

“Mà bạn nói gì chứ, họ nói dối à? Họ không bao giờ nói dối,” tôi bắt đầu cảm thấy bực bội. Sự thật là tôi không thích người khác đọc sách của tôi. Cũng giống như tôi không thích người khác lục lọi hộp đồ cá nhân mà tôi cất dưới gầm giường mình.

“Bạn không nhớ à?” cậu ta nghiêng người về phía trước, “Họ đang du hành xuyên thời gian, đúng không? Đi qua vũ trụ, đúng không? Và họ hứa với cô bé đó rằng họ sẽ đưa cô bé quay lại vào thời điểm đúng năm phút trước khi khởi hành. Nhưng họ đã không giữ lời.”

“Làm sao bạn biết họ không đưa cô bé về vào thời điểm đúng năm phút trước khi khởi hành? Ý mình là không có đồng hồ hay gì cả. Họ khởi hành vào buổi tối và họ quay lại cũng trong buổi tối đó. Có thể họ đi lúc tám giờ rưỡi và quay về lúc tám giờ hai mươi lăm.”

Cậu ta cười to: “Bạn không cần có đồng hồ. Suy nghĩ đi nào. Ở đầu cuốn sách, cô bé đó đi ngang một vườn rau...”

“Meg.”

“Hả?”

“Bạn cứ nói ‘cô bé đó’ hoài! Cô bé đó tên là Meg.”

“... Ừ, thế rồi cô bé đó đi ra một góc vườn rau và ngồi lên bức tường đá, đúng không? Vì vậy nên cô ấy có thể nhìn thấy khu vườn từ chỗ cô ấy ngồi và có thể nói chuyện với cậu bé kia, đúng không? Và rồi những người phụ nữ đó xuất hiện và đưa họ đi.”

“Cậu bé kia tên là Calvin. Nhưng nếu họ có thể nhìn thấy vườn rau thì sao?”

“Khu vườn chính là nơi họ xuất hiện khi quay trở về vào cuối cuốn sách. Nhớ không? Họ đáp xuống đám bông cải xanh. Vì vậy nên nếu họ đã quay về vào thời điểm năm phút trước khi khởi hành như những phụ nữ đó đã hứa, thì hẳn là trước khi đi, họ đã phải nhìn thấy chính họ đang quay về.”

Tôi đặt cuốn sách xuống và lắc đầu: “Suy nghĩ đi. Lúc đó họ còn chưa đi nữa mà. Làm thế nào họ có thể quay về được? Thậm chí họ còn không biết là họ có thể trở về được không.”

“Việc họ biết hay không không quan trọng. Chuyện đó không liên quan gì cả.” Cậu ta ngả lưng ra ghế và thọc tay vào túi, “Nếu họ đáp xuống đám bông cải vào lúc tám giờ hai mươi lăm thì họ phải ở đám bông cải xanh vào lúc tám giờ hai mươi lăm. Chấm hết.”

“Như thế không hợp lý,” tôi nói, “Nếu họ không thể cứu cha Meg và quay lại nguyên vẹn thì sao?”

“Thì họ sẽ không thể đáp xuống đám bông cải. Nhưng họ thật sự đã đáp xuống đám bông cải, đúng không?”

“Đúng, nhưng... khúc cuối không thể xảy ra trước khúc giữa được!”

Cậu ta mỉm cười: “Tại sao không?”

“Mình không biết - Lẽ thường là thế!”

“Lẽ thường! Bạn đã đọc về Thuyết tương đối chưa? Bạn biết nó không - của Einstein ấy?”

Tôi trừng trừng nhìn cậu ta.

Marcus tiếp tục: “Einstein nói rằng lẽ thường chỉ là thói quen suy nghĩ. Đó là cách mà chúng ta thường nghĩ về mọi vật, nhưng trong nhiều trường hợp nó lại khiến chúng ta không nhận thức được.”

“Không nhận thức được cái gì?”

“Không nhận thức được sự thật. Ý mình là, trước đây người ta thường nghĩ rằng thế giới phẳng và mặt trời quay quanh trái đất. Nhưng vào một lúc nào đó, phải có ai đó phản đối giả định đó, hoặc ít nhất là đặt câu hỏi về nó.”

“Ừm, dĩ nhiên đã có ai đó làm thế.”

“Ừm, ai mà không biết! Người đó là Copernicus! Nhưng mà, tất cả những gì mình muốn nói là vào cuối cuốn sách này, họ đã không quay lại đúng năm phút trước khi khởi hành. Nếu không thì hẳn họ đã thấy mình đang quay lại - ngay trước khi đi.”

Tôi bỏ cuộc. “Lúc đó ngoài vườn trời rất tối,” tôi nói, “Có lẽ chỉ là họ không thể nhìn thấy chính mình từ chỗ họ đang ngồi.”

“Mình đã nghĩ thế,” cậu ta nói, “Nhưng hẳn họ phải nghe được tiếng hò reo, và còn con chó nữa...”

“Trời ạ, thế thì đã sao nào? Đó là một *câu chuyện* - ai đó đã nghĩ ra câu chuyện đó! Bạn biết điều đó mà, phải không?”

Marcus nhún vai: “Câu chuyện là tưởng tượng. Nhưng việc du hành thời gian là có thể. Trên lý thuyết. Mình đã đọc một số bài viết về nó.”

“Chà, bạn *thật sự thích* môn toán, phải không?”

Cậu mỉm cười lần nữa. Với mái tóc “siêu ngắn,” đầu cậu ta trông như một trái banh tròn vo khi cậu ta mỉm cười. “Chủ đề này thiên về Vật lý nhiều hơn.”

“Ừ, thế thì bạn *thật sự thích* môn *Vật lý*, phải không?”

“Đúng thế,” cậu cầm cuốn sách của tôi lên và búng qua vài trang, “Thật ra, mình cũng từng nói

chuyện tương tự như thế với cô giáo mình ngay sau khi đọc cuốn sách này. Ban đầu cô ấy cũng không hiểu mình nói gì.”

“Cô giáo à? Thầy Anderson là *thầy* chứ. Bạn không thật sự chú ý nhiều đến người khác lắm nhỉ?”

“Không phải thầy Anderson. Cô giáo lớp hai của mình ấy. Mình đã viết một báo cáo sách về nó.”

“Ở *lớp hai* ư?”

Cậu đặt cuốn sách xuống: “Đúng thế, ở Detroit. Gia đình mình sống ở đó và mới dọn đến đây năm ngoái. Nhưng mình không nói về những chủ đề thế này nữa. Thường xuyên như thế.”

“Sao vậy?”

Marcus nhìn tôi: “Người ta không muốn suy nghĩ về nó.”

“Mình có thể hiểu tại sao,” tôi nói, “Nó làm mình nhức đầu.”

“Dù sao, bạn vẫn khá hơn hầu hết mọi người. Bạn là một cô bé khá thông minh đấy.”

Tôi nhướn mày: “Chà, thế à, cảm ơn nhé!”

“Xong rồi, Marcus,” chú nha sĩ kêu to từ phòng bên cạnh, “Tới phiên em.”

Tôi nhìn Marcus leo lên chiếc ghế khám răng và tiếp tục đọc cuốn sách toán. Cậu giữ nó bằng một tay trong khi chú nha sĩ khám răng cho cậu ở phía bên kia. Cậu bé lớp bốn đứng đợi tôi trước cửa với miếng dán mặt cười trên áo.

“Miranda, cháu có thể về lớp,” chú nha sĩ nói, “Marcus sẽ ở đây hơi lâu đấy. Xong việc cậu ấy có thể tự về được.”

Thế là tôi cầm cuốn sách của mình lên và đưa cậu bé lớp bốn về lớp. Khi chúng tôi đến hành lang lớp học của cậu, cậu bé dừng lại, và tôi đứng đợi cậu lật miếng dán khỏi áo, cuộn nó lại rồi nhét vào túi.

Những Thứ Bốc Mùi

Colin học chung lớp với tôi nhiều năm liền. Năm lớp ba, tôi và cậu ấy bỏ ra một tuần để thuyết phục Alice Evans rằng vãi nhung là một loại lông thú, và cô ấy đã không mặc đồ nhung suốt khoảng thời gian còn lại của năm đó. Nhưng ngoài chuyện ấy ra thì chúng tôi không bao giờ chơi chung với nhau cả. Vài lần tôi gặp Colin đang chơi ván trượt trong công viên và cậu ấy luôn luôn cho tôi trượt thử, nhưng chỉ có thể thôi.

Thế rồi bỗng nhiên cậu ấy có mặt khắp nơi. Cậu xuống cầu thang chung với tôi và Annemarie giờ ăn trưa, hoặc kêu to: “Đợi mình với” và cùng chúng tôi đi ra Broadway sau giờ học để đến tiệm sandwich Jimmy uống nước.

Colin chính là người nảy ra ý tưởng xin việc ở tiệm Jimmy. Ban đầu tôi nghĩ cậu ấy chỉ đùa thôi. Colin luôn nói ra những điều kỳ quặc khiến bạn vừa cảm thấy tự hào khi làm bạn với cậu ấy vừa ước gì bạn không phải đứng cạnh cậu ấy. Theo cách nói của Mẹ là “Người thích thu hút sự chú ý.”

Một ngày đầu tháng Mười Một, khi chúng tôi đang trả tiền nước ngọt uống sau giờ tan học, Colin bỗng gọi anh Jimmy: “Này anh, lúc nào anh cũng làm việc một mình ở đây cả. Anh thử hỏi chủ tiệm xem có thể tuyển bọn em vào làm không?”

“Anh là chủ tiệm ở đây,” anh Jimmy nói, “còn ‘bọn em’ là ai?”

Lúc đó chỉ có tôi, Annemarie và Colin. Colin nói: “Bọn em đây, bọn em có thể làm việc sau giờ học.”

Anh Jimmy nhón một miếng dưa chua - mà tôi không biết tên là gì - trên khay đồ ăn, thả vào miệng: “Giờ đó trễ rồi, anh không cần thêm người. Thế còn giờ mở cửa thì sao?”

“Bọn em ăn trưa lúc mười giờ bốn mươi lăm,” Colin nói. Giờ ăn trưa như thế sớm đến mức ngớ ngẩn. Ở trường chúng tôi.

Anh Jimmy gật đầu: “Được đấy.”

Tôi không nghĩ anh Jimmy có ý định nghiêm túc, nhưng Colin bảo chúng tôi nên có mặt vào giờ ăn trưa ngày tiếp theo, trong trường hợp anh ấy cần người.

Và hóa ra anh Jimmy nói nghiêm túc thật. Ba chúng tôi làm việc vào giờ ăn trưa suốt những ngày còn lại trong tuần đó. Chúng tôi rửa những cái khay dính mỡ, cân hàng đồng thịt xắt lát (lát thịt mỏng dính đúng như tên gọi), chắt nước ngọt vào tủ lạnh, xắt cà chua và làm bất cứ việc gì anh Jimmy kêu làm.

Tôi nghĩ có vẻ anh Jimmy khá kỳ quặc bởi vì không ai thuê ba học sinh lớp sáu làm việc bốn mươi lăm phút một ngày cả. Vào ngày đầu tiên của chúng tôi, anh Jimmy bỏ ra năm phút, chỉ vào một cái hộp nhựa có hình nhân vật hoạt hình Fred Flintstone mà anh để trên kệ ở gian phòng phía sau. “Không bao giờ được đụng đến nó,” anh nhấn mạnh, “Không bao giờ.”

Khi tôi nói về sự kỳ quặc của anh Jimmy với Annemarie, cô nói: “Đúng thế, nhưng anh ấy kỳ quặc dễ thương, chứ không kỳ quặc dễ ghét.”

“Bạn nghĩ thế à?” tôi nói, “Thế còn cái hộp nhân vật hoạt hình thì sao?”

Cô nhún vai: “Cha mình cũng sưu tập những thứ như thế. Rất nhiều người giống vậy.”

Hóa ra anh Jimmy không định trả tiền cho chúng tôi. Thay vì thế, anh cho mỗi đứa chúng tôi một lon nước ngọt và được phép tự làm một cái sandwich từ những thứ trên khay đồ ăn. Trên khay chỉ có xà lách, cà chua, hành tây, pho-mát Mỹ, pho-mát Thụy Sĩ, và đồ chua. Các món khác - gà tây xắt lát, giăm bông, bò nướng, xúc xích Ý, cá hồi và thịt viên - thì ngoài phạm vi cho phép.

Mỗi ngày, chúng tôi mang chiếc sandwich pho-mát của của mình về trường ăn trong giờ đọc

sách. Tôi ngồi cạnh Alice Evans, cô ấy không bao giờ phàn nàn chuyện gì. Annemarie ngồi cạnh Jay Stringer, khi đã cắm đầu vào cuốn sách thì không biết đến ai. Nhưng Colin ngồi cạnh Julia.

“Thầy Tompkin ời!” Julia kêu to vào ngày thứ Sáu trong tuần đầu tiên chúng tôi làm việc với anh Jimmy, “Colin lại ăn trưa ở bàn học nữa rồi. Em *ghét* mùi dưa chua của cậu ta.”

Thầy Tompkin cũng đang đọc sách. Thầy nhìn lên, sờ cây tăm xỉa răng đang ngậm, và bảo: “Vậy em thử thở bằng miệng đi!”

Những Thứ Bạn Không Quên

Ngày thứ Sáu hôm đó, khi đi học về, tôi phát hiện ra cửa nhà không khóa. Điều đó rất lạ lùng. Thật sự còn hơn cả lạ nữa, vì chưa bao giờ chúng tôi không khóa cửa. Nhưng tôi nghĩ có lẽ mẹ quên khóa cửa khi đi làm vào buổi sáng. Nghe có vẻ ngốc nghếch nhưng tôi nghĩ vậy.

Tuy nhiên, sau khi bước vào trong, tôi bỗng có một cảm giác rợn người rằng có ai đó đang ở trong nhà mình. Tôi vắt cái ba-lô xuống đất và lao xuống nhà tìm Sal. Sal ra mở cửa nhưng chỉ để cửa hé hé, vừa đủ để lách người ra ngoài.

“Thật kỳ quặc! Cửa nhà mình không khóa,” tôi nói.

“Ừm,” Sal trả lời, “Có thể bạn quên khóa nó.” Cậu ấy đứng chặn cửa, nhất định không mời tôi vào nhà.

“Ừm, có lẽ thế.” Tôi có thể nghe tiếng ti-vi vang vang trong phòng, đang chiếu một chương trình quảng cáo gì đó.

“Ừm,” cậu ấy nhìn lên trần nhà phía sau tôi.

Tôi cảm thấy mình thật ngốc nghếch: “Thôi được rồi. Gặp bạn sau vậy.”

Tôi quay lên nhà, tự làm cho mình một tô bánh Cheerios trộn thật nhiều đường bên trên rồi bật ti-vi lên. Khoảng sáu giờ, mẹ về nhà.

“Mẹ quên khóa cửa sáng nay.” tôi nói.

Cái gì? Không, mẹ có khóa mà.

“Khi con về nhà, cửa không khóa.”

“Không khóa à?” Mẹ bắt đầu đi rảo khắp các phòng, mở mọi ngăn tủ để kiểm tra. Tôi đi theo sau mẹ.

“Không thể được,” mẹ nói, “Mẹ không bao giờ quên khóa cửa cả.”

Có vẻ như mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ của chúng. Mẹ bước vào bếp và dừng lại: “Mẹ không thật sự *nhớ* là đã khóa cửa, nhưng mẹ biết mẹ không bao giờ *không* khóa nó.”

Mẹ đổ nước vào nồi spaghetti và chúng tôi nói chuyện về những chủ đề khác trong khi mẹ dọn bàn còn tôi xắt cà-rốt, nhưng thỉnh thoảng mẹ lại tự hỏi: “Làm thế nào mẹ có thể quên khóa cửa được nhỉ?”

Chúng tôi đang ăn dở bữa tối thì mẹ bỗng đột ngột đứng lên, bước ra ngoài cửa.

Tôi đi theo mẹ ra cầu thang. Mẹ đang đứng nhìn chằm chằm vào đầu ống cứu hỏa. “Mẹ biết mà,” mẹ nói, “Mẹ không bao giờ quên khóa cửa. Không bao giờ.”

Chiếc chìa khóa đã biến mất. Chúng tôi kiểm tra tất cả các phòng một lần nữa nhưng không thấy mất mát gì cả.

“Thật không hợp lý,” mẹ nói. Mẹ đứng nhìn hộp nữ trang với những chiếc vòng vàng mà bà ngoại để lại: “Tại sao phải trộm chiếc chìa khóa, mở cửa, mà không lấy gì cả?”

Đó là chiều thứ Sáu. Tôi tìm thấy lá thư đầu tiên của bạn vào sáng thứ Hai.

Lá Thư Đầu Tiên

Lá thư đầu tiên của bạn được viết bằng chữ nhỏ xíu trên một mẫu giấy vuông nhỏ. Mẫu giấy cứng giòn như thể nó bị ướt và sau đó khô lại. Tôi đang dọn đồ cho vào ba-lô chuẩn bị đi học thì bỗng nhìn thấy một mẫu giấy dính bên ngoài một cuốn sách mà tôi mượn ở thư viện, một cuốn sách về loài sóc đồng hay cũng có lẽ là viết về chuột, nhưng tôi chả buồn đọc nó.

M,

Việc này thật khó, khó hơn tôi tưởng tượng, ngay cả với sự giúp đỡ của bạn. Nhưng tôi đã luyện tập trước, và mọi sự chuẩn bị của tôi đều có ích. Tôi đến để cứu mạng một người bạn của bạn, và cứu chính tôi.

Tôi muốn bạn giúp tôi hai việc.

Thứ nhất, bạn phải viết cho tôi một lá thư.

Thứ hai, nhớ cho tôi biết chỗ để chìa khóa nhà của bạn.

Chuyến đi rất khó khăn. Tôi sẽ không còn là tôi khi đến với bạn nữa.

Tôi kinh hoàng. Mẹ cũng kinh hoàng. Mẹ nghỉ làm buổi sáng để thay toàn bộ khóa nhà, dù mẹ nói rằng “M” có thể là bất cứ ai, chuyện này không liên quan gì đến chiếc chìa khóa bị mất của chúng tôi, và mẫu giấy có thể được một người nào đó dính vào cuốn sách từ nhiều năm trước mà chẳng ai biết tại sao.

“Dù sao, chuyện này thật lạ lùng,” tôi nói, “Nhà mình bị mất chìa khóa vào thứ Sáu, và thứ Hai con tìm thấy một mẫu giấy hỏi chìa khóa đâu.”

“Rất lạ lùng,” mẹ chống hai tay ngang hông và nói, “Nhưng nếu con suy nghĩ, hai chuyện này có thể không liên quan gì với nhau cả. Một người *đang giữ* cái chìa khóa thì sẽ không phải *hỏi* xem nó đang ở đâu. Không hợp lý chút nào.”

Mẹ nói đúng, dĩ nhiên. Bởi vì chuyện đó xảy ra trong quá khứ. Nhưng đâu đó trong đầu tôi, một chiếc chuông nhỏ xíu bắt đầu reo vang. Thậm chí ban đầu tôi còn không để ý đến nó.

Những Thứ Xiên Xiên

Tuần lễ thứ hai, anh Jimmy bảo chúng tôi có thể bắt đầu phục vụ khách hàng.

“Nhưng trước tiên, các bạn phải học nhát-cắt-chữ-V,” anh nói, “Kỹ thuật đó rất quan trọng.” Anh lấy hai ngón tay kéo giãn mí mắt cho nó dài ra và híp lại - một hành động hài hước giả bộ làm người Trung Quốc. Tôi chưa bao giờ thấy một người lớn nào lại làm thế cả. Nếu có mẹ ở đây, hẳn mẹ đã đập cái khay nhựa vào đầu anh ta rồi.

“Nhát cắt gì ạ?” Colin hỏi.

Nhát-cắt-chữ-V là kỹ thuật cắt bánh sandwich đặc biệt của anh Jimmy. “Luôn luôn cắt góc bốn mươi lăm độ,” anh nói. Anh rất nghiêm túc trong việc này, xẻ một cạnh ổ bánh theo hướng xiên xuống, sau đó cẩn thận trượt con dao ra ngoài rồi xẻ chéo xuống từ cạnh bên kia.

Khi đó phần trên ổ bánh sẽ được nhấc lên tạo thành một chữ “V” hoàn hảo, chính vì vậy nên anh Jimmy gọi nó là nhát-cắt-chữ-V. Anh đưa chúng tôi mỗi đứa một ổ bánh mì và quan sát chúng tôi làm thử. Ổ bánh của Annemarie rất tuyệt vời. Ổ bánh của Colin thì tạm được. Còn ổ bánh của tôi là một thảm họa. Khi tôi nhấc phần trên ổ bánh của mình lên, những mẩu ruột bánh dính nhau búng nhùng. Anh Jimmy bảo nó trông không hấp dẫn.

“Em giữ nó cho phần ăn trưa nay của em đi,” anh nhăn mặt trước ổ bánh vụn của tôi, “Ngày mai thử lại nhé.”

Thế là Annemarie và Colin được mặc tạp dề đứng ở quầy phục vụ khách hàng trong khi tôi xếp bánh mì phía sau và đi siêu thị A&P mua khăn giấy khi cần. Sau giờ làm việc hôm đó, Annemarie bảo lẽ ra anh Jimmy phải biết rằng *anh ta* cũng trông rất “không hấp dẫn” trong chiếc sơ-mi trắng nhàu nhĩ với những vết ố vàng dưới nách. Sự an ủi của Annemarie giúp tôi cảm thấy dễ chịu đôi chút, nhưng thật sự không khá hơn bao nhiêu.

Mỗi khi Colin mặc chiếc tạp dề vào, anh Jimmy lại gọi cậu ấy là “quý cô” - “Này quý cô, thêm chút sốt vào đây nào!”, “Này quý cô, đưa anh cái khay kia!” Colin chỉ cười. Colin là như thế đấy.

Tuần lễ đó, ngày nào tôi cũng lao vào cắt bánh mì ngay khi vừa đến tiệm Jimmy, và ngày nào anh Jimmy cũng lắc đầu “chưa được.” Colin và Annemarie làm việc chung ở quầy hàng - anh Jimmy bắt đầu gọi các bạn lên quầy thay anh thường xuyên hơn và khi bước ra, anh thường hôn gió cả hai một cách ồn ào khiến Annemarie đỏ mặt còn Colin thì chỉ cười như một kẻ ngớ ngẩn.

Anh Jimmy bảo trong khi luyện tập nhát-cắt-chữ-V, tôi có thể chịu trách nhiệm món chocolate nóng. Anh mua những gói chocolate Swiss Miss pha sẵn, chỉ cần cho vào nước nóng rồi khuấy lên là xong. Nhưng không ai gọi món đó cả. Và sau vài ngày thì tôi nghĩ có lẽ anh không buồn nhìn đến những ổ bánh mì của tôi nữa. Dù sao thì chúng chỉ ngày càng tệ hơn mà thôi.

Những Thứ Màu Trắng

Lần đầu tiên rủ Annemarie về nhà, tôi chỉ ao ước hai điều. Thứ nhất, tôi ước gì đám con trai đừng tụ tập trước ga-ra. Gần đây bọn họ bắt đầu bắt chuyện với tôi, đôi khi họ gọi tôi là “bé cưng” hay “người đẹp ơi.” Mẹ bảo chuyện này xảy ra cho tất cả các cô gái khi đến một lứa tuổi nào đó, và tất cả những gì bọn họ muốn chỉ là chọc cho chúng tôi phản ứng lại, bất kể phản ứng thế nào.

“Đừng cười, đừng chửi, đừng chạy,” mẹ nói, “Đừng phản ứng gì hết. Cứ làm như thể bọn họ không tồn tại.”

Điều ước thứ hai của tôi là ông-già-hay-cười biến mất, hoặc đang ngủ, hoặc ít nhất là bị ai đó hay cái gì đó làm phân tâm khi chúng tôi đi ngang.

Chúng tôi đến Broadway. “Bạn muốn dừng lại uống chút soda không?” tôi hỏi.

Annemarie nhún vai: “Không, cảm ơn bạn.”

Chúng tôi bắt đầu tiến đến Amsterdam. Tôi cố gắng theo đuổi câu chuyện với Annemarie nhưng luôn ngóng lên phía trước xem đám con trai có ở đó không. Như có phép màu, hôm nay bọn họ không tụ tập trước ga-ra. Tôi thầm cảm ơn trời phạt vì điều đó. Và rồi chúng tôi đến ngã tư đường.

“Thiên thần ơi!” ông-già-hay-cười gọi to. Ông ta nhìn thẳng vào Annemarie, và tôi không thể không nghĩ rằng điều đó phụ thuộc vào ý niệm về thiên đàng của bạn, Annemarie có lẽ trông giống một thiên thần thật. Cô ấy mặc một chiếc áo khoác dài chấm gót thuần màu trắng, dù lúc này chỉ mới vào giữa tháng Mười Một và thật sự không quá lạnh. Làm thế nào cha cô giữ cho chiếc áo trắng sạch đến thế quả là một điều bí ẩn đối với tôi.

“Thiên thần ơi!”

Tôi cười to. Tôi cố gắng thể hiện cho Annemarie thấy thật *buồn cười* khi có một người kỳ quặc vô gia cư đứng ở góc phố.

“Haha... thiên thần,” tôi nói, “Cái này mới đây.”

“Thiên thần ơi!” ông ta kêu to một lần nữa, và *chỉ tay* thẳng vào bạn tôi.

“Ông ấy đang kêu mình ư?” Annemarie hỏi, bước chậm lại.

“Không,” tôi nói, vội vã kéo Annemarie tránh ông-già-hay-cười xa hết mức có thể mà không đẩy cô ấy vào dòng xe cộ đang lưu thông ngoài kia.

Khi chúng tôi lên lầu, một điều kỳ lạ đã xảy ra. Dù đã sống ở đây gần như từ nhỏ đến lớn, nhưng hôm nay tôi bỗng nhìn căn hộ của mình như thể đó là lần đầu tiên tôi đến đây. Tôi để ý tất cả những thứ mà trước giờ gần như vô hình đối với tôi: chiếc ghế sofa bị bụi đường may vài chỗ làm lớp mút bên trong lộ ra ngoài, những vết cháy thủng do thuốc của ông Nunzi, những bông tuyết lớn trang trí trần nhà, và đốm đen kể bên cái lò sưởi nơi nước nhều xuống làm bẩn sàn gỗ.

“Xin lỗi bạn,” tôi nói. “Mình sẽ quay lại ngay.”

Trong phòng tắm, tôi đứng nhìn chằm chằm vào những viên gạch hình lục giác nhưng không thấy gì trừ những vết dơ trên đường nối giữa chúng. Tôi đã giấu lọ vaseline hai-mươi-năm-tuổi của mẹ vào tủ thuốc. Cái tủ bị sơn đi sơn lại quá nhiều lần đến mức cửa tủ không thể đóng lại được nữa.

“Mình thích phòng ngủ của bạn.” Annemarie gọi khi tôi bước ra khỏi phòng tắm. Tôi từ từ bước vào phòng mình và tự nhủ không biết sẽ nhìn thấy điều gì kinh khủng ở đây. Nhưng thật sự mọi thứ có vẻ ổn: không màn, không thảm, chỉ có những thứ bình thường, một căn phòng bình thường với một người bạn đang ngồi trên giường. Trên giường chỉ có một cái gối. Tôi

bước vào và đóng cửa lại sau lưng mình.

Khi mẹ về, chúng tôi đưa Annemarie về lại tòa nhà của cô ấy. May mắn là lần này ông-già-hay-cười đang ngủ khi chúng tôi đi qua. Tôi muốn mẹ bị ngạc nhiên khi người gác cửa của Annemarie gọi tôi là “Cô Miranda,” nhưng mẹ chỉ cười với ông mà thôi.

Có thể thấy rõ cha của Annemarie bị mẹ hấp dẫn - mọi người luôn luôn yêu mến mẹ. Ông mời chúng tôi một ít bánh ngọt phủ một lớp bột đường. Mẹ ăn đến hai cái trong khi tôi từ chối, bảo rằng “Vì cháu chưa ăn tối.” Lý do của tôi khiến mẹ phì cười ho cả bột đường ra ngoài. Hai mẹ con tôi khiến cha Annemarie cũng bật cười. Tôi nhìn đường dính trên áo mẹ và thầm nghĩ nếu mẹ biết - dù chỉ một tí ti thôi - lúc này mẹ trông như thế nào, chắc hẳn mẹ sẽ chẳng cười nổi đâu.

Lá Thư Thứ Hai

Bánh mì được giao đến tiệm Jimmy từ rất sớm, trước khi anh đến đó. Tôi vẫn luôn nhìn thấy một bao giấy to đặt dựa vào cánh cửa khóa mỗi buổi sáng khi tôi đi học. Từ tháng Mười Hai năm ngoái đến nay tôi không bước chân vào tiệm Jimmy nữa, nhưng mỗi khi đi ngang tôi vẫn đưa mắt tìm bao giấy đó như một thói quen, và mỗi khi nhìn thấy nó, tôi luôn nghĩ rằng mình có thể ngửi thấy mùi bánh bên trong, mà tôi biết đó chỉ còn là ký ức.

Tháng Mười Một năm ngoái, tôi đếm số bánh giao đến cho anh Jimmy vào bữa trưa hằng ngày, tôi lấy bánh ra đếm rồi bỏ chúng vào cái bao cũ của ngày hôm trước, mỗi lượt hai cái. Tôi nhớ đã tìm thấy lá thư thứ hai của bạn trong đó, khi đang đếm bánh vào một ngày thứ Hai.

Cũng vẫn nét chữ viết tay nhỏ xíu, cũng vẫn mẫu giấy cứng giòn. Nhưng lá thư này bắt đầu bằng tên tôi.

Miranda:

Lá thư của bạn phải một câu chuyện - một câu chuyện có thật. Bạn không thể bắt đầu ngay được vì hầu hết mọi chuyện chưa xảy ra. Mà để từ từ cũng được vì không có gì gấp gáp cả. Nhưng đừng để lâu quá vì trí nhớ của bạn sẽ phai mờ đi. Tôi cần bạn cung cấp càng nhiều chi tiết càng tốt. Chuyển đi rất khó khăn và tôi phải nói hết những yêu cầu của mình trong khi đầu óc còn minh mẫn.

Tái bút: Tôi biết bạn đã cho người khác xem lá thư đầu tiên của tôi. Tôi muốn bạn đừng cho ai khác xem thư của tôi cả. Làm ơn. Tôi không yêu cầu điều đó vì bản thân mình đâu.

Tôi đọc đi đọc lại mẫu giấy. Nhưng phải nói rằng vào lúc đó tôi không hiểu lá thư của bạn có ý nghĩa gì cả. Và tôi cũng phải nói với bạn một điều khác nữa: Tôi sợ. Bạn làm tôi sợ chết khiếp.

“Em đang đếm bánh hay đang học thuộc lòng chúng thế?” anh Jimmy gọi to. Anh đang đứng sau quầy, đưa một khúc đùi heo muối tới lui trên chiếc máy cắt chạy bằng điện thật nhanh, anh thích cách làm này.

Tôi nhét mẫu giấy vào túi và quay lại công việc. Nhưng tôi quên mất mình đã đếm đến đâu nên phải bắt đầu lại từ đầu.

Vài phút sau, một chiếc xe tải chở hàng đỗ xích trước cửa tiệm và anh Jimmy bước ra ngoài nói chuyện với tài xế.

“Này,” Colin gọi chúng tôi ngay sau khi cánh cửa vừa đóng lại sau lưng anh Jimmy, “Thử tìm xem có gì ở trong cái hộp Fred Flintstone nhé.”

“Không được,” Annemarie nói, “Bạn điên à?”

“Annemarie, bạn canh chừng đi,” tôi nói và theo Colin vào phòng sau. Colin đang cầm cái hộp trên tay. Cậu ấy lắc mạnh nhưng không có tiếng động gì cả.

“Này các cậu,” Annemarie la lên, “Đừng!”

“Bọn mình chỉ nhìn thôi mà!” tôi nói lại. “Nhanh lên,” tôi thúc Colin. Cậu ấy đang cố gắng tháo miếng băng cao su dán ở đáy hộp.

“Để mình thử cho,” tôi thì thầm.

“Không,” Colin nói, “Xong rồi.” Miếng cao su nằm gọn trong tay cậu ấy.

Chúng tôi cùng chum đầu vào để xem có gì trong hộp. Trán chúng tôi chạm nhau và tôi giật mình rút đầu lại. Tôi không thể thấy rõ mặt Colin nhưng có cảm giác cậu ta mỉm cười.

“Tuyệt thật,” Colin nói, “Đây những tờ hai đô-la.”

Cậu ta nói đúng. Cái hộp chứa đầy những tờ tiền hai đô-la được gấp thành những hình tam giác nhỏ, với số hai lộ ra bên góc.

“Này, anh ta *đang vào*,” giọng Annemarie thật sự hoảng hốt. Chúng tôi dạt ra và Colin dán lại miếng băng cao su. Tôi bước ra phía trước trong khi anh Jimmy giữ cửa mở cho người giao hàng khiêng một két soda vào.

“Quý cô đâu rồi?” anh Jimmy gọi to, “Tôi cần cậu giúp. Đây là công việc của đàn ông đấy.”

“Xin lỗi,” Colin bước ra, “Em mới đi vệ sinh chút.”

Annemarie mỉm cười với tôi trong khi Colin và anh Jimmy khiêng soda cho vào cái tủ lạnh lớn kể bên cánh cửa.

“Hai người điên rồi,” cô ấy nói, “Bạn biết thế nào mà, phải không?”

Tôi vẫn còn cảm giác là lạ ở chỗ trán Colin chạm vào trán tôi, “Mình biết. Thật điên rồi!”

Chúng tôi quay lại trường. Colin đi giữa. Cậu ta hào hứng nghiêng qua nghiêng lại để vai cậu đụng vào vai chúng tôi và kêu to: “Vào! Năm điểm! Vào! Mười điểm!” trong khi hai chúng tôi cười to như những kẻ khùng.

Những Thứ BẠN Vén Lên

“Sẵn sàng chưa?” chú Richard hỏi mẹ. Lúc này chúng tôi luyện tập căng thẳng hơn. Chú ngồi đối diện với mẹ. Tôi làm người canh giờ. Mẹ nhắm mắt lại, và tôi biết mẹ đang vén một góc tấm mạng che mặt của mẹ lên. Mẹ gật đầu và chúng tôi bắt đầu.

Mẹ nói mỗi người có một tấm mạng che giữa chúng ta với phần còn lại của thế giới, tương tự như tấm mạng che mặt của cô dâu trong ngày cưới, nhưng chỉ có điều là tấm mạng này vô hình. Chúng ta đi khắp nơi, hạnh phúc với những tấm mạng vô hình phủ xuống mặt của mình. Nhìn qua tấm mạng, thế giới mờ ảo hơn, và chúng ta thích như thế.

Nhưng đôi khi tấm mạng của chúng ta bị vén lên trong một lúc, chẳng hạn như khi có một cơn gió thổi qua. Khi tấm mạng được vén lên, chúng ta có thể nhìn rõ thế giới này với đúng bản chất của nó trong vài giây trước khi chúng tiếp tục thông xuống. Chúng ta nhìn thấy những gì tốt đẹp, những gì xấu xa, những buồn, những vui, những yêu, những hận. Hầu hết chúng ta vui vẻ với một thế giới mờ ảo. Nhưng một số người học cách tự vén tấm mạng của mình lên. Khi đó họ không phải phụ thuộc vào cơn gió nữa.

Mẹ không có ý rằng đó là một tấm mạng thực sự. Và nó cũng không phải là phép thuật hoặc những ý nghĩ kiểu như Chúa trời đang nhìn bạn, thiên thần đang ở bên bạn, hay đại loại thế. Mẹ không suy nghĩ theo cách đó. Mẹ chỉ muốn nói rằng hầu hết thời gian, người ta bị phân tâm bởi những thứ vụn vặt và bỏ quên những điều quan trọng.

Để chơi ở Vòng Chiến Thắng, mẹ phải giữ cho đầu óc thật tỉnh táo. Mẹ bảo việc đó cũng giống như vén một góc nhỏ tấm mạng lên, đủ để nhìn thấy nhiều hơn bình thường nhưng không quá nhiều đến mức hoàn toàn bị phân tâm bởi cuộc sống, cái chết và vẻ đẹp của chúng. Mẹ phải “mở cửa tinh thần,” mẹ nói thế, sao cho khi những gợi ý bắt đầu thì mẹ có thể nhìn thấy sợi chỉ kết nối chúng. Dĩ nhiên, nếu nhân vật nổi tiếng cùng chơi với mẹ là một người ngớ ngẩn thì hết hy vọng.

Tôi suy nghĩ rất nhiều về những tấm mạng này. Tôi tự hỏi có khi nào, có ai đó sinh ra mà không có tấm mạng. Ai đó có thể luôn luôn nhìn thấy những điều quan trọng. Ai đó như bạn chẳng hạn.

Những Thứ Bạn Đếm

Trước Lễ Tạ ơn, Colin và Annemarie đứng ở quầy, cân một đồng thịt gà tây bóng nhẫy, chia chúng thành từng nhúm nhỏ khoảng một trăm gam và ngăn ra bằng giấy sáp. Anh Jimmy bảo phải chuẩn bị những thứ này trước cả tuần lễ.

“Nó không bị hư sao?” Annemarie hỏi.

“Không. Nó đầy chất bảo quản ấy mà.”

Colin liếm môi rao: “Măm măm. Gà tây hóa học đây!”

“Im đi!” anh Jimmy nạt.

Lần đầu tiên, tôi cảm thấy hạnh phúc khi đếm bánh mì.

Giờ khi đã có chúng tôi, anh Jimmy dường như không còn việc gì để làm. Anh ngồi trên một chiếc ghế cao phía trước cửa sổ lớn, khoanh tay trước ngực nhìn tôi đếm bánh. Hai bàn tay anh ta kẹp dưới khe nách, chỗ có những vết ố vàng. Lúc này anh đã lắc đầu trước nhát-cắt-chữ-V trong ngày của tôi. Ổ bánh đáng thương đang đợi tôi trên cái khay phía sau Annemarie, trở nên khô lại như mọi ngày. May là anh Jimmy không hạn chế lượng sốt mayonnaise mà chúng tôi có thể sử dụng.

“Xem kìa,” anh Jimmy bỗng kêu lên, hất cằm về phía cửa sổ, “Bạn của các em kìa.”

Phía bên kia đường, Julia đang đi một mình, mang một chiếc ba-lô da màu cam và trên đầu đeo một chiếc băng-đô cũng bằng da màu cam trông khá hợp nhau. Có lẽ mang ba-lô và băng-đô tiếp màu là một thịnh hành ở Thụy Sĩ, tôi nghĩ.

“Anh muốn nói Người đẹp Thụy Sĩ đó à?” tôi chộp hai cái bánh mì ném vào cái bao dưới chân, “Cô ta không phải bạn em. Không hề.”

Anh Jimmy mỉm cười chậm rãi: “Người đẹp Thụy Sĩ. Tên hay đấy.” Anh nhìn chăm chăm bên ngoài một lúc rồi đứng lên: “Em rất hài hước đấy, em biết không?”

Tôi nhún vai, vẫn đếm bánh, nhưng cảm thấy sung sướng. Một lời khen từ anh Jimmy rất hiếm hoi. Khi đếm xong, tôi cột bao bánh lại rồi khiêng nó lên phía sau quầy. Anh Jimmy đã biến vào phía sau. Còn Annemarie thì đang cười khúc khích khi Colin nói gì đó.

Kể từ khi trán hai chúng tôi chạm nhau, mỗi lần nhìn Colin tôi lại có cảm giác là lạ. Nhưng đó là cảm giác tốt chứ không phải cảm giác xấu.

“Tám mươi!” tôi gọi to vào trong với anh Jimmy. Báo một con số chính xác.

“Hy vọng lần tới may mắn hơn!” anh ta hét lại.

Colin nhìn tôi, cười toe toét, làm tôi bỗng có cảm giác lâng lâng. Colin nói: “Anh ta đang mong người ta giao bánh thiếu đấy, bạn biết không. Mỗi ngày bạn nên quẳng một cái bánh vào thùng rác để cho anh ta vui vẻ hơn.”

“Đừng nghe lời cậu ấy, Miranda!” Annemarie xen vào, “Cậu ấy chỉ khiến bạn gặp rắc rối nữa thôi.”

Vừa nói với tôi, Annemarie vừa nhìn Colin. Vẻ mặt cô trông rất buồn cười, như thể cô cũng đang có cảm giác lâng lâng như tôi vậy.

Những Thứ Rắc Rối

Tôi và Annemarie dừng ở phòng vệ sinh lâu bốn trước khi quay lại lớp học sau giờ nghỉ trưa. Cô ấy bảo rằng muốn rửa tay một lần nữa sau khi cân đồng gà tây đó.

“Hôm nay thật vui.” Annemarie nói, ngắm mình trong gương và chải tóc bằng những ngón tay, “Giá như mình có nhiều hơn bốn mươi phút nghỉ trưa nhỉ!”

“Mình ghét đếm bánh mì,” tôi nói, “Chán ngấy!”

Annemarie cười: “Ít nhất thì tay bạn cũng không bị dính mùi gà tây hóa học.”

Ít nhất thì bạn cũng được vui vẻ sau quầy với Colin, tôi nghĩ. Tôi thì luôn phải chạy tới cửa tiệm, chà các vết bẩn, hoặc “kẹt” nói chuyện với Anh-Ổ-Vàng.

“Đi thôi!” tôi nói, “Mình đói lắm rồi.”

Julia đang đứng ngoài cửa lớp, như thể đang đợi chúng tôi.

“Ồ không!” cô ta thở dài rất to và chỉ vào tay áo Annemarie: “Annemarie đáng thương, xem chiếc áo khoác màu lam ngọc ưa thích của bạn kìa. Tội bạn quá!”

Chắc chỉ có mẹ là nghĩ *tôi* đã xúc động khi nghe câu nói ấy.

Annemarie nhìn xuống tay áo khoác, nó dính một chút mù tạc. Tôi không hề biết rằng đó là chiếc áo ưa thích của cô ấy.

“Tẩy sạch ngay ấy mà.” Annemarie nói, “Cha mình sẽ tẩy nó đi.”

Julia dựa vào tường và sửa chiếc băng-đô màu cam trên tóc lại: “Mình không hiểu tại sao bạn phải làm việc. Bạn đâu có cần tiền!” Nói tới đây, cô ta ngừng lại, thoáng nhìn tôi: “Mình không có ý xấu, nhưng chỗ đó thật ghê tởm. Có lần mình thấy một con gián ở đó đấy.”

“Mình thích ở đó,” Annemarie nói, “Ở đó thật sự rất vui.”

“Cái gã làm việc ở đó béo phì.”

“Anh ta không béo phì,” tôi nói, “Và anh ta không làm việc ở đó. Anh ta là chủ cửa tiệm đó.”

“Bọn mình không được trả tiền,” Annemarie nhẹ nhàng nói, “Chỉ có bánh sandwich thôi.”

“Và nước soda,” tôi vẫy lon Sprite trong tay.

“Được rồi,” Julia tiếp tục nói chuyện với Annemarie, như thể tôi không tồn tại, “Mình không biết là bạn ăn sandwich và uống soda đấy!”

Annemarie hơi nhướn mày: “Cũng được mà.”

“Được rồi,” Julia nói, “Quên chuyện đó đi.”

Thầy Tompkin bước ra cửa: “Tại sao ba em không vào lớp? Giờ đọc thầm đã bắt đầu từ năm phút trước rồi.”

Khi chúng tôi đi vào lớp phía sau Julia, tôi thì thầm với Annemarie: “Giờ mình mới hiểu tại sao bạn không thích chơi với bạn ấy nữa. Bạn ấy thô lỗ với bạn *quá*.”

Annemarie im lặng một chút rồi lẩm bẩm: “Ừ, thỉnh thoảng.” Và chúng tôi tách ra, ai về bàn nấy.

Thầy Tompkin để một cuốn sách lên bàn tôi. Thầy luôn muốn tôi phải đọc một cái gì mới mẻ. Bìa sách của thầy có hình một cô gái tươi cười đứng trước những tòa nhà cao. Tôi dẹp cô gái tươi cười và các tòa nhà qua một bên, rút cuốn sách *của mình* ra, và mở ngẫu nhiên để xem mình sẽ bắt đầu từ trang nào.

Meg đang ở trên hành tinh Camazotz. Tất cả các cậu bé đang đứng trước những ngôi nhà giống

nhau, chơi những quả bóng giống nhau. Tất cả những quả bóng đều đập xuống đất và tung lên chính xác cùng một lúc. Sau đó tất cả các cậu bé đều quay lại cùng một lúc và đi vào những ngôi nhà giống nhau cùng một lúc. Ngoại trừ một cậu bé. Cậu ấy đứng yên một mình và trái banh lăn trên đường. Sau đó, mẹ cậu bước ra, trông có vẻ rất lo lắng, và ẵm cậu vào nhà.

Tôi đang thầm nghĩ không biết thầy Tompkin ghét cái ý tưởng về một nơi mà những ngôi nhà giống nhau đến từng chi tiết đến mức nào, thì có vật gì đó chằm vào mặt sau tai tôi đau nhói. Theo phản xạ, tôi quay lại, nhìn thấy Julia đang mím miệng cười, giả vờ đọc sách. Tôi nhìn xuống sàn và thấy sợi thun mà cô ta đã bắn vào tôi. Vào đầu tôi.

Tôi tưởng chúng tôi chỉ đang chọc tức nhau thôi, nhưng tôi đã lầm. Đó là một cuộc chiến.

Những Thứ Vô Hình

Lần thứ ba gặp Marcus, chắc chắn cậu ấy còn nhớ tôi. Khi đó tôi đang ở văn phòng chính, vì thầy Tompkin bảo tôi xuống lấy cho thầy các bản photo.

“Tôi thật không hiểu các em cần biểu đồ hệ thống nước để làm gì.” Cô Bánh-xe vừa nói vừa đưa các bản photo cho tôi.

“Bọn em dùng chúng cho Đường Chính,” tôi nói, “Bọn em đang cố làm những vòi nước công cộng có thể xả nước thật.”

“Ồ! Đó là điều điên rồ nhất tôi từng nghe,” cô nói, vẫy tay xua tôi ra cửa.

Tôi thích mùi giấy mới photocopy. Mẹ bảo tôi thích toàn những mùi độc hại, ví dụ điển hình nhất của mẹ để chứng minh cho vụ này chính là sự thật rằng: tôi thích đứng giữa đám hơi nước thoát ra từ chiếc máy giặt khô để hít thật sâu. Nó có một cái mùi nghe như mùi thức-ăn-mà-không-phải-thức-ăn. Mẹ luôn phải kéo tôi đi và bảo rằng chắc chắn trong mười năm tới người ta sẽ phát hiện nó gây ra những căn bệnh kinh khủng nào đó.

Tôi mang xấp giấy trở lên cầu thang, chậm chậm hít sâu mùi của ba mươi hai tờ giấy mới copy biểu đồ hệ thống nước của Thành phố New York. Bỗng Marcus xuất hiện trên hành lang, vừa đi vừa đọc sách.

“Này,” tôi gọi to, nhưng cậu ta đi ngang qua tôi và vẫn cắm đầu vào cuốn sách. Marcus đi qua văn phòng chính và rẽ vào góc hành lang dẫn đến phòng nha.

Trở lại lớp học, theo lời thầy Tompkin bảo, tôi phát những tờ giấy photo cho mọi người. Tôi vô ý làm rách và cũng vô ý làm nhàu một góc tờ giấy của Julia trước khi phát nó cho cô ấy. Alice Evans đang vắn vẽ trên ghế như thể cô ta đang lắc vòng. Tôi nhướng mắt lên. Không ngạc nhiên vì sao cô ấy là học sinh lớp sáu duy nhất phải mang thêm một bộ quần áo dự phòng đến trường.

Những Thứ Bạn Vẫn Làm

Theo anh Jimmy, cứ mỗi mười hai tờ tiền một đô-la thì chỉ có một tờ hai đô-la được phát hành mà thôi.

“Nhưng người ta vẫn làm thế,” anh nói trong khi tôi mặc áo khoác vào để chuẩn bị ra siêu thị A&P. Cái bóng đèn ở phòng sau bị cháy, anh Jimmy không có bóng dự phòng để thay nên tôi phải đi mua. Anh Jimmy nói tiếp: “Người ta nghĩ rằng tờ tiền hai đô-la rất đặc biệt, vì vậy nên em không thường thấy chúng đâu.”

Đúng thế, tôi nghĩ thầm. Những người như anh đấy! Nhưng tôi vẫn làm mặt tỉnh, vì tôi không được phép biết trong cái hộp Fred Flintstone có gì.

“Tuy nhiên, ở siêu thị A&P người ta ghét chúng lắm. Trong máy tính tiền không có chỗ để tờ hai đô-la. Họ phải để chúng bên dưới cái khay và thường quên đếm chúng. Vì vậy nên em phải hỏi họ đấy.”

“Được rồi,” tôi đáp, “Em sẽ hỏi.”

Annemarie đang mặc tạp dề đứng sau quầy, trông rất vui vẻ. Một số học sinh nhỏ ở trường ghé qua - những khách hàng trả tiền - và cô ấy viết tên họ bằng sốt mayonnaise lên chiếc sandwich trước khi đặt phân nửa bánh mì chữ V hoàn hảo của cô lên trên. Colin đứng kế bên, cũng làm tương tự. Annemarie vẫy tay kêu tôi lại. Tôi thấy hai má cô đỏ hồng, hoặc cô quá nóng hoặc cô đã đánh phấn trang điểm.

“Mình sẽ hỏi anh Jimmy xem bọn mình có thể ăn thịt viên trưa nay được không,” cô thì thầm, “Ngày mai là Lễ Tạ ơn rồi.”

“Tuyệt đấy!” tôi trả lời, mặc dù tôi không thấy món thịt viên hấp dẫn hơn chiếc sandwich pho-mát bình thường của tôi là mấy. Những viên thịt chỉ nằm đó trong nồi, ngày này qua ngày khác. “Chút nữa mình sẽ quay lại,” tôi nói, “Nếu có ai gọi chocolate nóng thì bảo họ đợi mình chút nhé.”

Không có tờ hai đô-la ở siêu thị A&P, và khi tôi quay lại tiệm Jimmy với cái bóng đèn mới, bọn trẻ đã đi rồi. Julia đang đứng trước quầy hàng, còn Annemarie và Colin đang chuẩn bị bữa trưa. Tôi đoán có lẽ anh Jimmy đã từ chối đề nghị thịt viên, vì tôi thấy họ đang chọn pho-mát.

Julia đang tỏ ra phớt lờ tôi. Dường như cô ta đang làm một bài diễn thuyết gắt gỏng về chủ đề pho-mát Mỹ không phải là pho-mát thật. Những ngón tay dài của cô ta chỉ vào món không-phải-pho-mát, và ngay lập tức tôi biết rằng nhát cắt chữ V của cô ta sẽ rất hoàn hảo, rằng thứ Hai tới cô ta sẽ đứng sau quầy với Annemarie và Colin, và rằng chiếc tạp dề của cô ta, dù trông xám bẩn lung tung với tất cả mọi người, nhưng sẽ vừa vặn với Julia như thế nào đó. Cô ta sẽ có cách gấp nó sao cho vừa, một mẹo vặt gì đó mà một người phục vụ ở Paris đã dạy cô.

Anh Jimmy bỗng xuất hiện từ phía sau, mang một chồng khay nhựa còn nhều nước. “Cô,” anh chỉ chồng khay vào Julia, “Ra ngoài. Tôi đã bảo cô ra ngoài rồi mà!”

Julia rút tay lại. Annemarie đỏ mặt. “Bọn em chỉ nói chuyện thôi,” Annemarie nói, “Lúc này không có khách hàng mà.”

“Thật sự, tôi là khách hàng đấy,” Julia nói, khoanh tay trước ngực, “Tôi đến mua sandwich. Tôi có tiền. Cô ta đứng trụ chân trái, chân phải duỗi ra, chiếc mũi giày ống màu xanh lá cây chĩa lên trần nhà.

“Đi ra,” anh Jimmy nói như gầm lên, “Ngay bây giờ.”

Sau khi Julia đi ra, tôi giả vờ đồng ý với Annemarie rằng anh Jimmy hơi bị điên, nhưng khi chúng tôi quay lại trường với những chiếc sandwich pho-mát, tôi cảm thấy một cảm giác ấm áp mới mẻ. Anh Jimmy có thể hơi bần tính, nhưng anh có thể nhìn xuyên thấu Julia, như tôi vậy.

Những Thứ Mắn Mặn

Vào thứ Sáu sau Lễ Tạ ơn, tôi được nghỉ học nhưng mẹ vẫn phải đi làm. Tôi luôn cố gắng không nghĩ đến những lá thư của bạn nhưng thật sự tôi nghĩ đến chúng gần như suốt buổi sáng. Tôi cầm hai mẫu giấy trên tay và đọc đi đọc lại. Việc bạn kêu tôi viết thư cho bạn không có gì đáng sợ, nhưng phần đáng sợ nhất là “Tôi đến đây để cứu mạng một người bạn của bạn,” “Nhớ cho tôi biết chỗ để chìa khóa nhà” và “Đừng cho ai khác xem thư của tôi cả.” Nhìn thấy tên mình trên mẫu giấy thứ hai cũng đủ sồn gai ốc, vì tôi vẫn luôn cố tự thuyết phục rằng lá thư đầu tiên không phải gọi cho mình. Và dòng chữ bạn viết “Tôi sẽ không còn là tôi khi đến với bạn nữa” - tôi không thích câu đó chút nào cả.

Càng suy nghĩ về những lá thư đó tôi càng cảm thấy hoảng sợ.

Một lúc lâu sau, tôi cất những lá thư đi và bật ti-vi lên. Tôi ngồi xem ti-vi khoảng hai giờ thì tiếng gõ cửa quen thuộc của bác Louisa vang lên.

“Khoai tây chiên đây,” bác Louisa vui vẻ nói khi tôi ra mở cửa. Bác mặc đồng phục, cầm một túi nhựa.

Bác Louisa thường mang đồ ăn ở nhà an dưỡng về cho mẹ. Bác không lấy trộm - chúng là những thứ người ta bỏ lại sau bữa trưa, hầu hết là những gói khoai tây chiên nhỏ hoặc bánh quy hình thú. Quản lý nhà an dưỡng nói rằng một khi đồ ăn đã được bày lên khay, nếu không ai đụng tới cũng phải vứt bỏ. Vì vậy nên bác Louisa gom tất cả vào một cái túi mang về cho mẹ tôi. Mẹ sẽ mang chúng đến cho những phụ nữ mang thai đang ở tù trong “hội cha mẹ” mà mẹ quản lý ở dưới phố.

Mỗi tháng một lần, mẹ đi xe điện ngầm đến nhà tù, nói chuyện với những phụ nữ mang thai trong tù về những gì sẽ xảy ra sau khi họ sinh con. Tất cả họ đều nghĩ mẹ giống như một vị thánh khi mang khoai tây chiên và bánh quy hình thú đến cho họ. Mẹ bảo nhà tù là một nơi khắc nghiệt, và nó khiến người ta cũng trở nên khắc nghiệt.

“Nó thay đổi họ,” có lần mẹ bảo tôi, “Nhà tù ngăn không cho người ta trở thành người mà họ có thể trở thành.”

“Vậy sao?” tôi hỏi, “Nó phải ngăn không cho họ phạm tội nữa chứ?”

Mẹ lắc đầu: “Ý mẹ không phải thế. Rất nhiều người phạm những sai lầm tồi tệ. Nhưng ở tù có thể khiến họ cảm thấy con người họ chỉ toàn có sai lầm. Như thế họ thậm chí không phải là người nữa.”

Mẹ mang khoai tây chiên và bánh quy đến cho họ với hy vọng giúp đỡ phần nào. Vấn đề không phải là cái bánh, mẹ nói, mà vấn đề là có người mang bánh đến cho họ.

Tôi nhận cái túi của bác Louisa.

Bác mỉm cười với tôi: “Cháu biết không, càng ngày cháu càng cao lên đấy.”

Tôi dựa vào khung cửa: “Thế ạ?”

Bác gật đầu: “Bác nhớ cháu lắm, Miranda.” Đó là lần đầu tiên chúng tôi nói về chuyện tôi không còn đến nhà bác ấy chơi nữa.

“Dạ.”

Không hiểu sao khi bác nói nhớ tôi, tôi lại có một cảm giác tuyệt vọng mơ hồ. Khi bác đi rồi, tôi tắt ti-vi, nằm dài trên chiếc trường kỷ, nhắm mắt lắng nghe tiếng banh của Sal. Việc lắng nghe tiếng banh khiến tôi cảm thấy dễ chịu hơn trong một lúc. Những âm thanh đó giống như sợi chỉ cuối cùng liên kết hai chúng tôi.

Mẹ không nói chuyện nhiều trong bữa ăn tối ngày hôm đó. Mẹ mặc nguyên bộ đồ đi làm, chiếc váy vải bông với chiếc áo ngắn tay in hình một tách cà phê và dòng chữ *Tự Phục Vụ* bên dưới.

Chú Richard mang dâu tây đến tráng miệng.

“Khỉ thật,” mẹ quăng một trái dâu xuống bàn, Lại SSO nữa.”

“Con nghĩ ăn nho sẽ ngon hơn đây,” tôi cười giả tạo.

“Đừng có bắt đầu, Miranda. Hôm nay mẹ có chuyện bực mình đấy.”

“Thế à?” chú Richard nhướn mày, “Thế mà anh không biết.”

“Làm sao anh biết được,” mẹ vặn lại, “Anh ở tòa án suốt ngày. Anh đâu cần biết cái máy photocopy bị hư hả? Có ai bắt *anh* đánh máy ba lần một tài liệu mười sáu trang không?”

Chú Richard nhún vai: “Nhưng em làm xong rồi. Chuyện qua rồi. Tại sao lại để chuyện đó phá hỏng cả buổi tối của em chứ?”

“Vớ vẩn thật, Ngài Hoàn Hảo!” mẹ giậm chân quay vào phòng, thậm chí không cho chú Richard kịp có cơ hội vỗ đầu gối.

Chú Richard nhìn tôi: “Số Không nói gì với số Tám nào?”

Tôi cười: “Nó bảo: ‘Cậu có cái eo đẹp đấy!’” Chú Richard đã kể cho tôi nghe câu chuyện hài hước ấy ít nhất cũng cả năm rồi.

Sau đó, mẹ xếp chén đĩa vào bồn rửa chén, mở nước rồi đi thay đồ. Tôi đứng nhìn nước chảy từ cái chảo dính dầu mỡ xuống đồng chén đĩa bên dưới. Dòng nước dính dầu phản chiếu ánh đèn trông như một dòng suối lấp lánh. Đôi khi tôi có thể đứng nhìn chăm chăm vào một cái gì đó như thế rất lâu.

Mẹ quay lại, mặc một chiếc quần ngắn và bắt đầu rửa chén. Tôi mở sách toán ra học bài ngay trên bàn bếp. Một phút sau, chú Richard bước vào và hỏi: “Anh có để đôi giày đi làm dự phòng của anh ở đây không? Anh nhớ anh đã để nó trong tủ vài tháng trước, nhưng giờ tìm không thấy nữa.”

Mẹ ngẩng phắt lên: “Em biết rồi. Em biết rồi.”

Cuối cùng chúng tôi cũng biết mình bị ăn trộm cái gì.

Những Thứ Bạn Giả Vờ

Ngày thứ Hai sau Lễ Tạ ơn, chúng tôi bị kẹt phải ăn trưa ở căn-tin trường. Người đàn ông không mặc quần áo đã quay lại, ông ta chạy nhong nhong trên đường Broadway và chúng tôi không được phép ra ngoài.

“Chạy ngoài đường trong bộ đồ Adam vào thời tiết này thì hơi bị lạnh đấy!” Colin nói khi đi ngang bàn chúng tôi để đến bàn của đám con trai. Annemarie cười khúc khích. Tôi thấy Sal cũng ở đó. Cậu ấy liếc nhìn chúng tôi một lần nhưng làm như thể không nhìn thấy tôi.

Tôi nhìn đám con trai, tất cả đều đang cố gắng nói to hơn những người khác. Sal cũng làm thế - thỉnh thoảng tôi lại nghe giọng cậu ấy vang to, và nó nhắc tôi nhớ đến trò chơi mà chúng tôi thường chơi trên xe buýt khi còn nhỏ. Sal đứng cầm cây cột vịn trên xe buýt, tôi cũng sẽ nắm cây cột nhưng nắm ngay phía trên tay cậu ấy. Khi đó Sal sẽ chuyển tay lên nắm cây cột phía trên tay tôi, và tôi chuyển tay lên phía trên tay cậu ấy. Cứ thế cho đến khi hai đứa cùng đứng kiễng chân, nắm cây cột ở phía gần trần xe. Thường thì sẽ có một người lớn la chúng tôi không được chơi trò vớ vẩn đó nữa, xe buýt đông người và một trong hai đứa chúng tôi sẽ té ngã vào người khác.

Annemarie mở gói đồ ăn ra. Điều tệ hại nhất khi bị kẹt ở trường là căn-tin trường toàn những món béo ngậy.

“Không biết anh Jimmy có tự đếm bánh mì không,” tôi nói, “Chắc là không đâu. Dường như anh ta chỉ thích mình làm việc đó thôi.”

Cô ấy gật đầu: “Để bạn có việc để làm.”

“Hừm, cảm ơn nhé,” tôi quăng ống hút sữa của mình vào Annemarie.

“Này, mình không có ý...”

“Phải rồi, bạn không có ý gì hết!”

Bống nụ cười của Annemarie biến mất. Cô vẫn nhìn tôi nhưng có một cái gì đó thay đổi, như thể một chiếc công tắc vừa bị tắt đi bên trong cô ấy. Như thể cô ấy vẫn ở đó nhưng đang làm một cái gì khác trong đầu.

“Annemarie?”

“Đừng!” Julia đứng ngay sau lưng tôi, cầm một hộp sữa trong tay. Trước khi tôi kịp nói gì, Julia đã trượt xuống chiếc ghế ngồi bên cạnh chúng tôi, vẫn nhìn chăm chăm vào Annemarie: “Chút nữa bạn ấy sẽ ổn.”

“Bạn ấy bị gì thế?”

“Đợi đã!” Julia không buồn nhìn tôi. Cô vẫn nhìn chăm chăm vào mặt Annemarie.

Gương mặt Annemarie có chút cử động. Cô đặt tay xuống bàn, chớp mắt và hỏi: “Gì thế?” như thể cô bỏ lỡ điều gì tôi vừa mới nói.

“Bạn ổn chứ?” tôi hỏi.

Julia đá chân tôi dưới gầm bàn. “Đừng hỏi gì hết!” cô rít lên nho nhỏ.

Dường như chỉ đến lúc đó Annemarie mới thấy có Julia đang ngồi. “Chào Julia!” một nụ cười nở trên mặt cô.

Julia mỉm cười lại: “Chào!” rồi cô quay sang tôi, làm như thể chúng tôi đang nói chuyện: “Sao, Miranda, cái sân chơi thế nào rồi? Ý mình là Đường Chính ấy.”

Cô ấy muốn nói chuyện về Đường Chính? Bây giờ ư?

Julia nhìn thẳng vào mắt tôi: “Mình nghe nói đề xuất của bạn đã được duyệt. Chúc mừng nhé!”

“Ừm... cảm ơn.”

“Sẽ có xích đu phải không? Bạn định làm xích đu như thế nào?”

Tôi bắt đầu hiểu ra rằng Julia đang muốn cho tôi thấy điều gì đó, dạy tôi làm thế nào để giúp Annemarie.

“Kẹp giấy” tôi nói, “Mình dùng kẹp giấy để làm sợi xích cho xích đu, và mình sẽ cắt những miếng cao su nhỏ từ vỏ xe để làm ghế ngồi.”

Julia gật đầu: “Tuyệt đấy!” Tôi gần như có thể tưởng tượng ra chúng tôi là những người bạn thật sự đang nói chuyện với nhau.

“Gì nữa không?” cô hỏi.

“Cái gì?”

Julia có vẻ khó chịu. Tôi không nhanh trí lắm. Cô nói: “Về cái sân chơi ấy, còn gì nữa không?”

“À... ừm... bập bênh. Chắc chắn sẽ có vài cái bập bênh.”

Annemarie lên tiếng: “Bạn biết không, gỗ balsa làm bập bênh tốt lắm - nó rất dễ cắt. Hình như ba mình có đó”

“Thật à?” tôi nói, “Mình có thể sơn nó màu cam, giống như những cái bập bênh ở Công viên Riverside ấy.”

“Ừ,” Annemarie nói, “Bọn mình có thể bắt đầu làm nó ở nhà mình - có thể hôm nay luôn nếu bạn muốn.” Cô nhìn Julia: “Bạn muốn đến không? Giúp Miranda làm cái bập bênh?”

Trước khi Julia kịp trả lời, tôi nói: “Không gấp đâu. Kế hoạch của mình mới được phê duyệt thôi. Mình có thể bắt đầu vào tuần sau. Dù sao thì bạn cũng định đến nhà mình hôm nay mà, nhớ không Annemarie?”

Tôi cảm thấy Julia không muốn tham gia. Cô đứng lên: “Nói chuyện sau nhé.”

“Chào bạn,” tôi nói.

Annemarie ngẩng lên: “Chào Julia!”

Vài phút sau, chiếc loa thông báo của trường vang lên, gọi Annemarie đến Phòng Y tế.

Annemarie nhún vai, mỉm cười bước đi, bảo tôi: “Chút nữa gặp lại nhé.”

Nhưng cô ấy không quay lại.

Những Thứ Rạn Vỡ

Bên ngoài lớp học, Julia đang đứng chống nạnh đợi tôi: “Trời ạ, bạn là đồ ngốc. Bạn là đồ ngốc, biết không?”

“Tôi là đồ ngốc?”

“Bạn ấy ăn bánh mì suốt trong khi làm cái công việc ngu ngốc mà bạn kiếm cho bạn ấy. Bạn ấy không được phép ăn những thứ đó. Đồ ngốc.”

“Tôi không kiếm cho bạn ấy cái công việc ngu ngốc đó... Thậm chí tôi không biết bạn đang nói gì nữa!”

“Bạn ấy bị động kinh, đồ ngốc. Bạn thật sự là đồ ngốc. Cha bạn ấy có chế độ ăn kiêng đặc biệt cho bạn ấy. Bác ấy làm đồ ăn riêng cho bạn ấy. Bạn ấy không được ăn bánh mì hoặc uống soda.”

“Không à?”

“Không, ngốc ạ. Và nhân tiện, bạn có vấn đề gì với tôi thế hả? Tôi thật sự muốn biết đấy!”

“Cái gì?”

“Vấn đề của bạn. Với tôi. Là gì?”

“Ngoài chuyện bạn gọi tôi là đồ ngốc sáu lần trong một phút vừa qua? Ngoài chuyện bạn bắn dây thun vào đầu tôi ư?”

Julia vẫy tay như thể tôi đang nói về những chi tiết vớ vẩn. “Tôi đang nói về những chuyện trước đó nữa. Bạn luôn luôn ghét tôi. Bạn luôn nhìn tôi một cách hằn học từ khi học lớp ba đến giờ! Bạn định nói là không có hả?”

Tôi nhìn cô ta chăm chăm. Có một cảm giác bắt đầu từ bụng trào ngược lên mặt, và tôi biết khi nó lên đến mặt thì mặt tôi sẽ đỏ lên và tai tôi sẽ kêu ù ù. Chuyện đó vẫn thường xảy ra mỗi khi tôi bị mọi người soi mói. Nếu không khóc, tôi cũng sẽ đỏ mặt. Cả hai đều không ổn.

“Bạn đang nói gì thế,” tôi nói.

Tôi không biết,” Julia nói, “Tôi thật sự không biết. Nhưng một người biết khi nào mình bị ghét - ít nhất là tôi biết.” Cô vung tay lên. Chiếc đồng hồ bạc nhỏ tuột khỏi cổ tay Julia bay rớt xuống sàn một tiếng rạn vỡ khô khốc.

Chiếc đồng hồ quý của cô ta. Lúc này tôi không tự hào gì, nhưng thật sự tiếng rạn vỡ đó khiến tôi cảm thấy thích thú. Tôi liếm môi để khỏi mỉm cười.

Julia cúi xuống nhặt chiếc đồng hồ lên. Tôi nghĩ cô ta sẽ bắt đầu rú lên, nhưng cô chỉ nhìn nó và đưa tay phủi bụi. Mặt đồng hồ có những vết rạn nhỏ ngoằn ngoèo như mạng nhện.

“Khỉ thật,” cô nhăn mặt và thở ra chậm chậm, “Cả ngày hôm nay gặp toàn chuyện gì đâu không.” Cô lăm bầm rồi quay lưng bỏ đi.

Trên đường về nhà, tôi bỗng nhận ra Sal đang đi phía trước, cách một quãng khá xa. Tôi đã biết mỗi lần như thế thì không nên chạy vội lên đuổi theo cậu ấy - vì cậu ấy sẽ chỉ nhìn xuống đôi giày cảm cúi đi tiếp mà thôi. Vì thế nên tôi đi phía sau, nhìn cái nón màu xanh dương của cậu ấy lắc qua lắc lại theo từng bước chân. Có vẻ như cậu ấy nghĩ rằng cái nón sẽ giúp cậu trông “ngầu” hơn khi nó được kéo sụp xuống phía trước.

Bỗng Marcus xuất hiện từ một cánh cửa kim loại khuất kể bên ga-ra. Marcus vẫn mặc chiếc áo khoác màu xanh quân đội. Cậu ta bắt đầu đi dọc con đường, về hướng Sal.

Mặc dù cách Sal khá xa nhưng tôi có thể tưởng tượng ra cậu ấy đang gập người ôm bụng. Tôi biết cậu ấy đang làm gì. Cậu ấy đang tìm cách trốn thoát. Có thể cậu ấy đột ngột băng qua đường, làm như sực nhớ ra cần mua thứ gì đó ở cửa hàng của chị Belle. Nhưng đã quá trễ - Marcus gần như đã đứng trước mặt cậu ấy.

Vào lúc đó, tôi có thể gọi Sal thật to. Việc đó rất dễ dàng. Sal sẽ có lý do để quay lại và đi tránh xa khỏi Marcus. Rồi Marcus có thể ngừng lại nói chuyện với tôi một chút và Sal sẽ thấy là mọi chuyện đều ổn. Cậu ấy có thể không còn sợ Marcus nữa. Tôi suy nghĩ nhiều, vì tôi nhận ra rằng điều đó có thể làm thay đổi mọi chuyện xảy ra tiếp theo.

Thay vì thế, tôi chỉ đứng nhìn. Sal ngồi xuống giả vờ buộc lại dây giày. Đó là một dấu hiệu xin tha thứ. Ngồi xuống để cột dây giày cũng giống như “Tôi-không-đánh-nhau-được,” “Tôi-không-chạy-được,” “Tôi-cúi-đầu-trước-mặt-bạn.” Ngoài ra, trong trường hợp không may bị đánh thật thì tư thế ngồi cũng sẽ giúp bảo vệ những phần cơ thể quan trọng. Tôi tiếp tục đi trong khi Sal ngồi bên lề đường. Marcus bước qua không buồn nhìn cậu ta. Và rồi Marcus đi ngay bên cạnh tôi.

Những Thứ Được Để Lại

“Bạn biết gì không,” Annemarie nói khi tôi gọi điện thoại đến nhà cô buổi tối hôm đó để xem cô có ổn không, “Có người để một bông hồng trên tấm thảm chùi chân trước cửa nhà mình.”

“Tặng bạn ư?”

“Mình không biết... có th...” Dĩ nhiên bông hồng đó để tặng cô ấy chứ còn ai khác nữa đâu!

“Thế có gì khác nữa không? Một tấm thiệp chẳng hạn?”

“Không, chỉ có một bông hồng thôi,” giọng cô nghe rất phấn khích, “Lạ quá phải không? Mình thắc mắc là...”

“Này, mình hỏi bạn cái này được không? Bạn không được phép ăn bánh mì à?”

Annemarie im lặng.

“Không có chuyện gì lớn cả, chẳng qua vì Julia nói rằng...”

“Không,” cô ngắt lời tôi, “Nó cũng là chuyện lớn đấy. Lẽ ra mình nên cho bạn biết. Mình bị bệnh động kinh...”

“Ồ!”

“... và mình không được ăn bánh mì hoặc tinh bột. Nó là một chế độ ăn kiêng điên khùng mà cha mình đọc được ở đâu đó, nhưng nó thật sự hiệu quả. Thường thì mình vẫn ổn. Mọi người thậm chí không biết mình bị bệnh vì nhiều năm rồi mình không bị lên cơn nữa.”

“Sáng nay bạn mới bị lại phải không?”

“Ừ... Mình đã hơi vi phạm chế độ ăn kiêng của mình rồi. Thật vui khi làm việc ở tiệm Jimmy với mọi người, ăn bất cứ cái gì mình muốn và không bị ai ‘giảng đạo’ cả.”

Thật sự thì đã có người “giảng đạo” cho cô ấy đó chứ - Julia đấy.

“Bạn vẫn có thể làm việc ở tiệm Jimmy,” tôi nói, “Chỉ cần đừng ăn bánh mì là được.”

Cô cười to: “Mình biết. Thật ra, cha mình làm đồ ăn trưa cho mình mỗi ngày nhưng mình quẳng tất vào thùng rác trên đường đi học. Cha đúng là kỹ tính quá đáng.”

Điều đó thật khó tưởng tượng.

“Này, mẹ mình nhìn thấy một bông hồng trên tấm thảm chùi chân trước cửa nhà mình khi đi làm về. Bông hồng thật sự rất đẹp. lạ thật, phải không?”

Tôi để Annemarie sung sướng nói về bông hồng thêm một chút nữa, về ai là người đã để bông hoa ở đó và lý do tại sao. Tôi biết cô ấy muốn tôi nói rằng có lẽ tác giả chính là Colin, nhưng tôi không thể thốt nên lời được.

Lá Thư Thứ Ba

Buổi sáng hôm sau là ngày thực sự giá lạnh đầu tiên của tháng Mười Hai.

“Nhớ mang áo khoác có mũ trùm đầu,” mẹ gọi với ra từ trên giường. Giọng mẹ không bao giờ nghe bình thường cho đến khi mẹ dùng cà phê sáng xong. “Tìm trong tủ áo đấy.” Có vẻ như mẹ nghĩ rằng nằm trên giường nghe radio dự báo thời tiết là rất hữu ích. Tôi không thể không liên tưởng rằng, trong cuốn sách của tôi, mẹ Meg luôn chuẩn bị bánh mì Pháp cho cô ấy mỗi buổi sáng. Bà ấy cũng là một bà mẹ đơn thân, vì cha Meg đang bị bắt giữ trên vũ trụ.

Tôi tìm thấy cái áo khoác và mặc vào. Nó vẫn còn những vết bẩn do dính tuyết bẩn năm ngoái. Hơi chật một chút, nhưng cũng tạm ổn.

“Găng tay của con đâu?” tôi hỏi to.

“Tiếc là mẹ không biết.”

“Con lấy ít tiền nhé.”

“Trong túi áo khoác của mẹ đấy.”

Tôi lục áo khoác của mẹ, tìm thấy một bên túi có một tờ năm đô-la và ba đồng lẻ, còn bên kia có chiếc khăn choàng sọc của mẹ được xếp gọn gàng. Tôi lấy mấy đồng tiền lẻ và chiếc khăn choàng.

“Chào mẹ con đi học!”

Ông-già-hay-cười vẫn đang nằm ngủ bên dưới thùng thư. Ông đã tìm được vài tấm bìa cứng để lót lưng. Dù vậy, hẳn ông ấy đang lạnh cóng. Đôi khi, có vài đũa tre đập rầm rầm vào thùng thư và hét lên: “Dậy đi, Quàng quạc!” Tôi hy vọng hôm nay ông ấy sẽ ổn.

Tôi nhìn hơi thở mình bốc khói và bước nhanh tới trường. Mặt trời đã lên nhưng không ấm áp hơn chút nào. Tôi thọc tay vào túi, cảm thấy trong đó có một nắm khăn giấy cũ từ năm ngoái. Khiếp quá! Và những đồng đô-la. Và một cái gì khác nữa, một mẫu giấy nhỏ gấp làm đôi.

Tôi rút nó ra.

Tôi nhận ra nét chữ nhỏ xíu của bạn ngay lập tức, những con chữ run rẩy với những cái móc lạ lùng phía trên các chữ “t” và “l”.

Bạn sẽ muốn có bằng chứng.

3 giờ chiều nay: Ba-lô của Colin.

Ngày Giáng sinh: Du hành vui vẻ.

Tái bút: Cái ngáp thật sự có mục đích của nó. Nó làm mát bộ não bằng cách đưa không khí lên cao thông qua đường mũi. Điều đó sẽ giúp gia tăng sự tỉnh táo.

Mẫu giấy cũng vẫn khô giòn như những mẫu giấy trước.

3 giờ chiều nay: Ba-lô của Colin. Tôi hoàn toàn không biết điều này có ý nghĩa gì, hay làm thế nào bạn biết Colin.

Ngày Giáng sinh: Du hành vui vẻ. Cái này có lẽ liên quan đến cuốn sách của tôi. “Du hành” nghĩa là du hành xuyên không gian hoặc thời gian, hoặc cả hai. Đó chính là cách mà Meg đến được Camazotz, hành tinh nơi cha cô ấy đang bị bắt giữ. Nhưng theo tôi biết thì nó không liên quan gì đến Giáng sinh cả.

Ngày 27 tháng Tư: Trường quay TV-15. Ngày 27 tháng Tư là sinh nhật chú Richard. Nhưng dĩ nhiên vào lúc đó, tháng Mười Hai năm ngoái, tôi không hề biết gì về Trường quay TV-15 đó cho đến khi mẹ nhận được tấm thiệp mời tham dự trò chơi truyền hình *Kim Tư Thập 20.000\$* vài tuần trước đây.

Tôi nghĩ chính phần “Tái bút” mới khiến tôi hoảng sợ nhất. Tôi nhớ ngày mà Sal bị đánh, khi đó tôi đang mang tấm áp-phích *Những Bí Ẩn Khoa Học* về nhà.

Tôi đọc đi đọc lại mẫu giấy cho đến khi tay tôi lạnh cóng và tôi buộc phải cho tay lại vào túi. Mẫu giấy chẳng có nghĩa gì cả. Điều duy nhất nó thực sự giúp ích là nó giúp tôi biết được bạn đang theo dõi tôi. Còn tôi thì không hề biết bạn là ai, Hoặc bạn muốn gì.

Khi tôi đến gần ga-ra, Marcus xuất hiện từ phía sau cánh cửa ngay trước mặt tôi. Cậu vẫn mặc chiếc áo khoác quân đội màu xanh, nhưng hôm nay cậu mang găng tay và đội một cái nón trùm kín tai. Tôi nghĩ có lẽ Marcus sẽ phớt lờ tôi như mọi khi, nhưng không, cậu vẫy tay chào và bước đến đi bên cạnh tôi.

Những Thứ Vô Nghĩa

Chúng tôi cùng đi đến đường Broadway nhưng không ai nói với ai lời nào. Tôi đắm chiêu suy nghĩ.

Cuối cùng, tôi nói: “Mình muốn hỏi bạn điều này.”

“Hỏi đi!”

“Giả sử mình làm một cỗ máy thời gian...” tôi ngừng lại để xem cậu ta có cười tôi không, nhưng cậu ta chỉ gật đầu trông có vẻ suy tư, “Và giả sử mình quyết định mình muốn quay lại ngày thứ Tư tuần trước. Giả sử mình muốn đi xem phim trong khi mình vào lúc đó vẫn đang ở trường.”

“Ừ.”

Tôi phì ra một đám khói trắng: “Mình sẽ không thể *quay lại* thứ Tư trước được nếu mình chưa khởi hành quay lại, đúng không? Ý mình là, mình sẽ không biết mình có thật sự đến đó được không cho đến khi mình thực sự *đến* được nơi đó?”

“Đúng thế. Trong thí nghiệm của bạn, bạn sẽ không biết bạn có đến được đó không nếu bạn chưa khởi hành. Trừ khi vào ngày thứ Tư tuần trước, bạn nhìn thấy chính mình đang đi lang thang trên đường. Hoặc chúng ta có thể hỏi người bán vé rạp phim,” Marcus nghiêm túc trả lời.

“Sao cơ?”

“Ở rạp phim đấy, chỗ mà bạn định đến. Bởi vì chúng ta có thể hỏi người bán vé xem bạn có đến đó không. Khi đó chúng ta sẽ biết bạn có đến đó được hay không.”

“Nhưng mình chưa đi mà. Thậm chí mình còn chưa làm cỗ máy thời gian nữa.”

“Thì sao? Vấn đề không phải là khi nào bạn *đi*. Vấn đề chỉ là bạn có *đến nơi* được hay không. Khoan, mình nói lại nhé. Thật sự khi nào bạn đi cũng là vấn đề đấy. Bởi vì nếu năm mươi năm nữa bạn mới khởi hành đi ngược thời gian thì ngay cả nếu bạn đến được nơi đó, người bán vé có lẽ cũng sẽ không nhận ra bạn.”

“Bạn đang nói gì thế?”

“À, giả sử bạn làm xong cỗ máy vào năm bạn năm mươi tuổi. Lúc đó bạn sẽ...”

“Sáu mươi hai,” tôi nói. Chúng tôi đang đợi đèn xanh để băng qua đường. Trường học ở phía bên kia. Rất nhiều trẻ em đang đến trường từ bốn hướng, tất cả đều trùm kín nón và khăn choàng.

“Ừ, lúc đó bạn sáu mươi hai tuổi, và bạn leo vào máy rồi đi ngược thời gian về lại ngày thứ Tư tuần trước, tháng Mười Hai năm 1978. Bạn đi đến rạp phim. Người bán vé sẽ nhìn thấy một bà-cụ-sáu-mươi-hai-tuổi, đúng không?”

“Đúng,” tôi nói. Đến giờ thì mọi thứ đều hợp lý.

“Vì vậy nên nếu hôm nay chúng ta đến rạp phim hỏi người bán vé xem thứ Tư tuần trước chú ấy có gặp bạn không, thì chú ấy sẽ nói là không. Bởi vì chú ấy không thể biết rằng bạn chính là bà-cụ-sáu-mươi-hai-tuổi đó được. Hiểu không?”

Tôi lắc đầu: “Nếu chúng ta hỏi vào hôm nay, thì chú ấy không thể nhìn thấy mình được. Mình sẽ chưa có ở đó, vì mình chưa đi trở lại mà.”

“Ngốc quá,” một giọng nói vang lên phía sau chúng tôi, “Thật sự không phức tạp thế đâu.”

Tôi quay lại và nhìn thấy Julia trong chiếc áo khoác dài. Cô ta đang đứng ngay sau lưng chúng tôi, cũng đợi đèn xanh để qua đường.

Marcus phớt lờ Julia và nhìn tôi: “Bạn vẫn còn suy nghĩ về cuốn sách đó à? Về những đứa trẻ không nhìn thấy chúng đang đáp xuống đám bông cải xanh ư?”

Tôi im lặng. Tôi không muốn Julia nghe tiếp cuộc nói chuyện này.

“Nghĩ về nó như thế này,” Marcus nói, không buồn quan tâm đến Julia, “Thời gian không phải là một đường thẳng kéo dài và mãi thẳng trước mặt chúng ta theo một hướng. Nó... ừm... thời gian là một cấu trúc, thật sự...”

“Xem nào,” Julia cắt lời Marcus, nhìn tôi, “Nếu bạn thật sự không hiểu cậu ta nói gì, để tôi giải thích cho.”

Tốt đấy, tôi thầm nghĩ. Julia sắp giải thích về bản chất của thời gian.

Tôi quay lại nhìn cô ta: “Ừ bạn nói đi.”

Cô tháo một chiếc găng tay của mình ra - chiếc găng lông màu vàng nhạt rất đẹp - và rút một chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay. “Nghĩ về nó như thế này:” cô nói, giơ chiếc nhẫn lên. Đó là một chiếc nhẫn vàng đính hạt vòng quanh.

“*Kim cương ư*,” tôi nói. “Kim cương hạt tằm thôi,” cô nhún vai, “Xem này. Hãy tưởng tượng mỗi giây phút thời gian là một hạt kim cương trên chiếc nhẫn này. Giả sử chiếc nhẫn thật sự rất lớn, với kim cương khắp chung quanh, và mỗi hạt kim cương là một giây phút thời gian. Hiểu không?”

Marcus im lặng nhìn Julia.

Tôi cười: “Thời gian là một chiếc nhẫn kim cương! Hay thật đấy. Cảm ơn nhé!”

“Bạn ngậm miệng lại và nghe tiếp được không? Nếu bạn tìm ra một cách nào đó để đưa mình đến một thời gian khác, có thể qua một dạng cổng dịch chuyển nào đó - thì bạn sẽ có thể *tái tạo* các nguyên tử của bạn, chứ không phải di chuyển theo kiểu bước đi thật sự, mình nghĩ vậy như thế có thể sẽ rất khó khăn...”

“Để chuyện này nói sau được không,” tôi nói, “Mình sắp chết cồng đây.” Chúng tôi vẫn còn đứng bên đường, mặc dù đèn đã chuyển thành màu xanh và quay lại màu đỏ.

“Thôi được. Nói nôm na thế này - chúng ta cũng giống như đang nhảy từ hạt kim cương này sang hạt kim cương khác, giống như một nhân vật trong phim hoạt hình đang chạy trên một cái thùng tròn. Chúng ta buộc phải di chuyển liên tục, không có lựa chọn nào khác.”

“Giờ thì chúng ta đang ở bên trong phim hoạt hình, trên một cái thùng phuy ư?”

Julia thở dài lắc đầu: “Thôi quên cái thùng đi. Quay lại với chiếc nhẫn.” Cô giơ chiếc nhẫn lên lần nữa: “Giả sử chúng ta đang ở đây,” cô chỉ móng tay vào một hạt kim cương. “Và chúng ta tìm được cách nhảy thẳng đến đây,” cô chỉ vào một hạt kim cương khác cách đó một quãng. “Việc chúng ta từ đâu đến là không quan trọng. Nếu chúng ta đang ở trên hạt kim cương đó thì chúng ta đang ở giây phút đó. Chúng ta đến từ hạt kim cương phía sau nó hay mười hạt phía trước nó, điều đó không quan trọng. Nếu chúng ta ở đó nghĩa là chúng ta ở đó. Hiểu không?”

“Không, không hiểu. Những gì bạn đang nói thật sự vô...”

“Mình hiểu,” Marcus lên tiếng, “Mình hiểu. Mình biết cô ấy muốn nói gì.”

“Cảm ơn nhé,” Julia nói, “Mình mừng vì ít nhất cũng có ai đó ở đây có cái đầu.” Và cô đi thẳng qua đèn đỏ trong khi Marcus ngơ ngẩn nhìn theo sau.

Tôi quay sang cậu ta: “Thế bạn cũng muốn nói rằng hạt kim cương tằm đó sẽ ở lì ở đó, và bỗng nhiên có một đám trẻ đáp xuống *đám bông cải xanh* của hạt kim cương đó ư?”

Marcus sáng lên: “Khoan, mình biết vấn đề của bạn rồi! Bạn đang nghĩ rằng thời gian tồn tại trong hạt kim cương phải không? Không phải thế đâu. Mỗi giây phút - mỗi hạt kim cương - cũng giống như một tấm ảnh chụp nhanh vậy.”

“Ảnh chụp của cái gì?”

“Của mọi thứ, mọi nơi! Không có thời gian trong một tấm hình, đúng không? Chính sự *nhảy* từ

một hạt kim cương sang hạt tiếp theo là cái mà chúng ta gọi là thời gian, nhưng như mình đã nói, thời gian không thực sự tồn tại. Như cô bạn bạn này nói, một hạt kim cương là một giây phút, và tất cả mọi hạt kim cương trên cái nhẫn đều diễn ra *cùng một lúc*. Nó giống như một ngăn kéo đầy những tấm hình.”

“Trên chiếc nhẫn,” tôi nói.

“Đúng thế! Tất cả các hạt kim cương đều tồn tại cùng một lúc,” trông Marcus rất hoan hỉ, “Vì vậy nên nếu bạn nhảy ngược lại, bạn sẽ có mặt ở giây phút đó - bạn ở *trong bức tranh* đó - bạn đã luôn luôn ở đó và bạn sẽ luôn luôn ở đó, cho dù vào lúc đó bạn chưa biết.”

Tôi không hiểu gì cả, và chân tôi bắt đầu tê cứng. “Thôi quên đi,” tôi nói: “Tất cả những thứ này khiến mình phát điên mất.”

Marcus gật đầu như thông cảm với sự chậm hiểu của tôi: “Mình nghĩ có lẽ đó là do cách suy nghĩ theo lẽ thường của bạn. Bạn không chấp nhận được ý tưởng đến trước khi đi, ý tưởng rằng mọi giây phút đang diễn ra cùng một lúc, và rằng chính chúng ta mới là người di chuyển...”

Đủ là đủ. Tôi ngắt lời cậu ta: “Tại sao bạn đánh Sal.”

“Ai cơ,” cậu ta ngơ ngác, như thể tôi vừa thay đổi câu chuyện từ một chủ đề bình thường sang một chủ đề hoàn toàn điên khùng vậy.

“Bạn của mình, Sal. Cậu đâm vào bụng cậu ấy mà không có lý do gì cả. Ở phía trước ga-ra ấy. Rồi cậu còn đánh vào mặt cậu ấy nữa.”

Marcus gật đầu: “Ừ, đúng thế. À mà không - có lý do đấy.”

“Vớ vẩn. Mình biết cậu ấy không làm gì cậu cả.” Tôi bắt đầu run rẩy, dù hai tay nhét sâu vào túi và chiếc khăn choàng của mẹ quấn kín đầu.

“Mình đánh cậu ta có lý do,” Marcus nói, “Những gì bạn đang nói là mình không có sự biện minh. Mình không nói việc đó là đúng. Mình chỉ nói là mình làm thế có lý do, lý do ngốc nghếch của riêng mình.” Tôi nhìn cậu ta: “Lý do gì?”

Cậu ta nhìn xuống đất, nhún vai: “Cùng lý do tại sao mình làm hầu hết mọi việc khác... mình muốn xem chuyện gì sẽ xảy ra.”

“Cậu có ý gì khi bảo ‘Chuyện gì sẽ xảy ra?’ Cậu ấy bị chảy máu mũi, đó là chuyện đã xảy ra đó! Và cậu ấy đã gần như thổ huyết.”

“Ngoài những chuyện đó, ngoài những chuyện bình thường,” Marcus nhíp mũi giày xuống đường, “Thật ngớ ngẩn, thật sự, thật sự rất ngớ ngẩn.”

“Rồi sao nữa?”

“Sao cái gì?”

“Thế chuyện gì đã xảy ra, ngoài những chuyện bình thường đó?”

Marcus lắc đầu: “Không, mình không thể nói được.”

Tôi muốn nói với Marcus rằng cậu ấy đã sai lầm, rằng thật sự có chuyện đã xảy ra, rằng buổi chiều hôm đó Sal đóng sầm cửa trước mặt tôi và không bao giờ mở cửa cho tôi vào nữa. Nhưng ngay lúc đó, tôi nhìn thấy ông- già-hay-cười đang đi đến gần chúng tôi. Tôi chưa bao giờ thấy ông ta ở gần trường như thế. Ông ta cúi gằm về phía trước, miệng lẩm bầm gì đó, mắt dán chặt vào cái thùng rác bên cạnh Marcus.

Ông- già-hay-cười không nhìn thấy chúng tôi đứng đó cho đến khi ông ta đến sát Marcus. Cuối cùng khi nhìn lên thấy chúng tôi, ông ta buộc miệng chữ thề, quay ngoắt lại và bắt đầu chạy như thể đang chạy đua nước rút.

Chúng tôi đứng nhìn ông ta chạy về hướng Broadway và biến mất sau góc đường.

“Lạ thật,” tôi nói.

“Ừ,” Marcus đồng ý, “Đây là lần thứ hai rồi đấy.”

Bằng Chứng Thứ Nhất

“Anh đã nói với em rồi mà!” anh Jimmy nói vào buổi trưa hôm đó, sung sướng vỗ xuống bàn, “Họ sẽ không bao giờ nghĩ là có người đi đếm bánh mì. Không bao giờ họ nghĩ thế!” Số bánh giao hôm nay bị thiếu hai ổ. Tôi đã đếm đến hai lần cho chắc chắn.

Anh Jimmy khệnh khạng đi đến cái điện thoại với một nụ cười rộng hết cỡ.

“Cậu sẽ khiến anh ta vui vẻ cả ngày đấy,” Colin thì thầm, “Hoặc có thể cả tuần.” Colin đang xếp những lát thịt và đặt chúng gọn gàng lên những mẫu giấy sếp hình vuông.

Tôi nhìn những ngón tay của Colin khi cậu ta cẩn thận cầm từng lát thịt. Cậu ta không đập bẹp chúng như anh Jimmy hay làm. Thay vì thế, cậu ta xếp chéo chúng thành hình như một chiếc quạt. Một khi đã bắt đầu nhìn chăm chăm vào cái gì đó thì tôi không thể dừng được, cũng giống như bị thôi miên vậy.

“Mình nói chuyện với Annemarie tối qua,” tôi nói, “Mình nghĩ ngày mai bạn ấy sẽ đi học lại.”

Colin gật đầu: “Tốt.” Thật khó tưởng tượng cậu ấy lại rón rén đến đặt một bông hồng trước cửa nhà ai đó, nhưng có lẽ bọn con trai đôi khi cũng hay gây ngạc nhiên như thế.

“Này,” bỗng Colin nói, “Bạn biết không, mình ngán sandwich phó-mát với rau rồi.” Cậu ta liếc nhìn anh Jimmy một cách gian tà. Anh Jimmy vẫn đang ôm điện thoại nói chuyện về hai ổ bánh thiếu. Colin thì thầm: “Bạn muốn một miếng pizza không?”

Chúng tôi làm như thể mọi việc vẫn bình thường, chuẩn bị cái sandwich cho mình và gói nó lại như thể sẽ ăn nó ở trường. Sau đó chúng tôi chạy đến chỗ để pizza. Việc đó thật điên rồ, và chúng tôi cảm thấy mình đang làm một việc sai trái. Chúng tôi chạy vội về trường, nhồi miếng pizza vào miệng và cúi thấp người khi đi qua cửa sổ để anh Jimmy khỏi trông thấy. Chúng tôi bị kích động đến mức khi đã đến trường rồi, cả hai vẫn cười ngật ngèo.

Hắn chúng tôi đã vào lớp quá đột ngột nên mọi người đang đọc sách đều ngẩng lên nhìn chúng tôi. Julia nhướn mắt lên.

“Hai em lại đi trễ,” thầy Tompkin nói. Toàn bộ cảm giác phấn khích biến mất, chúng tôi về chỗ của mình đọc sách.

Với cuốn sách mở trên bàn, tôi ngồi suy nghĩ về mẫu giấy trong túi áo: **3 giờ chiều nay: Ba-lô của Colin.** “Bằng chứng” đầu tiên của bạn. Tôi phải nhìn vào ba-lô của Colin xem - có hay không - một thứ gì trong đó đang chờ đợi tôi.

Đúng ba giờ, tôi đến chỗ cất đồ cầm cái ba-lô của mình để chuẩn bị về nhà. Ba-lô của Colin chỉ cách tôi vài mét. Tôi nghe tiếng cậu ấy nói chuyện với Jay Stringer ở cuối phòng, gần Đường Chính. Julia cũng đang đứng đó, cố gắng thuyết phục Jay Stringer một lần nữa về UFO^[2] bằng những lá thiếc ngu ngốc của cô ta, rằng nó bay lên, bay xuống con đường trên một sợi dây vô hình ngu ngốc như thế nào. Dự án của Julia vẫn chưa được duyệt.

Tôi vươn tay ra mở dây kéo chiếc ba-lô của Colin. Trong đó có một bì hồ sơ bằng vải bông, giấy rơi vương vãi, một cuốn sách bìa mềm, và cái bánh sandwich phó-mát buổi trưa mà cậu ấy chưa ăn. Cái bánh thấm dầu qua lớp giấy gói và bốc mùi dưa chua. Không có gì bất thường cả.

Tôi sờ xuống đáy ba-lô và thấy có một chùm chìa khóa nằm trên một đồng đất, hoặc có thể là lá cây già nhỏ. Tôi kéo cái ba-lô ra ánh sáng và thấy đó không phải là một đồng đất mà là một đồng vụn. Vụn bánh mì.

Tôi vỗ vào phía sau cái giỏ, cảm thấy có cái gì đó gồ lên phía sau bì hồ sơ. Tôi kéo nó ra. Hai ổ bánh mì của anh Jimmy. Bụi bánh mì rơi khắp nơi. Colin hẳn đã lấy cắp chúng ngay từ trong túi giao bánh mì khi không ai để ý.

Những Thứ Bạn Cho Đi

Tôi để những cái bánh mì lại chỗ cũ, mặc áo khoác vào, xốc ba-lô lên vai và nhảy hai bước một xuống cầu thang. Có một đám trẻ bên ngoài như mọi khi, chơi đùa và trò chuyện dù trời vẫn rất lạnh và đang bắt đầu mưa. Tôi nhìn quanh tìm Sal, như mọi khi. Không có dấu hiệu nào của cậu ấy cả. Tôi quần chiếc khăn của mẹ quanh tai, tiến lên ngọn đồi phía bắc để đến nhà Annemarie.

Thật vô lý. Vấn đề không phải là Colin đã lấy bánh mì - thật sự đó là điều mà tôi có thể mong đợi ở một người như Colin. Nhưng trong đầu tôi đầy những câu hỏi: Làm thế nào ai đó có thể biết rằng Colin sẽ lấy bánh mì? Và mẫu giấy được bỏ vào túi áo khoác của tôi từ khi nào? Tôi không nghĩ ra rằng bạn có thể bỏ nó vào đó trong cái ngày mà bạn để mẫu giấy đầu tiên lên cuốn sách của tôi. Tôi không hiểu gì cả, mãi đến sau này.

Và tại sao lại là *tôi*? Tôi nhảy qua một vũng đầy nước mưa và bước đến trước tòa nhà của Annemarie. Tại sao tôi lại là người nhận được những lá thư này? Tại sao tôi phải làm một cái gì đó về một điều gì đó không hay sắp xảy ra? Thậm chí tôi còn không biết tôi phải làm gì! Viết một lá thư về một điều chưa xảy ra ư?

“Miranda,” suy nghĩ của tôi bảo, “Sẽ không có gì xảy ra đâu. Ai đó đang trêu ghẹo bạn đó thôi.” Nhưng nếu suy nghĩ của tôi không đúng thì sao? Nếu ai đó thật sự cần được cứu mạng? Và nếu đây không phải là một trò chơi?

Người gác cửa tòa nhà vẫy tay mời tôi vào. Ở trên lầu, cha Annemarie mở cửa với một điều thuốc chưa đốt trên môi và hỏi tôi có muốn một ít mì lạnh với sốt vùng hay không.

“Dạ không, cảm ơn bác.”

“Thế thì nước chanh có ga nhé?” Bác giúp tôi cởi áo khoác ra - lớp vải lót áo khoác đã dính chặt vào áo len của tôi.

Tôi bước lên phòng Annemarie với một ly nước chanh cho tôi, một ly nước đá cho cô ấy, cùng một đĩa hạt hạnh mà cha cô đã làm nóng lên. Hạt hạnh nóng nghe có vẻ hơi kỳ, nhưng thật sự thì chúng khá ngon.

Annemarie vẫn đang mặc đồ ngủ, nhưng trông cô có vẻ bình thường. “Cha mình cứ bắt mình ăn hoài,” cô nói, cầm lên một nắm hạt, “Cha còn không cho mình thay đồ nữa. Cha bảo mặc đồ ngủ tốt cho tinh thần. Thế có điên không?”

Tôi ngồi xuống mép giường của cô: “Bông hồng đó phải không?” Trên chiếc bàn cạnh giường có một bông hồng được cắm trong một cái lọ bạc nhỏ xinh xắn, như những thứ thường thấy ở nhà Annemarie.

Cô gật đầu và nhìn nó. Bông hoa trông thật hoàn hảo - vừa mới nở, như một tấm ảnh trong tạp chí vậy.

“Mình đã cố vẽ nó,” Annemarie nói. Cô cho tôi xem một xấp giấy nhỏ gắn gáy lò xo. Cô đã vẽ phác bông hồng bằng viết chì đen, hết trang này đến trang khác.

“Trời!” tôi thốt lên, “Mình không biết là bạn vẽ đẹp thế.”

Cô gấp xấp giấy lại: “Thỉnh thoảng cha chỉ mình vài ‘tuyệt chiêu’. Có rất nhiều ‘chiêu’ để vẽ. Hôm nào rảnh mình sẽ chỉ bạn.”

Nhưng tôi biết không bao giờ tôi vẽ được như thế, cũng giống như tôi không thể cắt nhát-cắt-chữ-V của anh Jimmy hoặc không vẽ được cái sơ đồ Đường Chính cho ra hồn.

“Này,” tôi nói, “Có thể *cha* bạn đã để bông hồng ở đó.”

“Có thể,” Annemarie cau mày, và tôi cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm, “Nhưng cha nói không có.”

“Nhưng chỉ có như thế mới giải thích được làm thế nào người đó đi lên cầu thang mà người gác

cửa không gọi bạn,” tôi cảm thấy mình đang mỉm cười, “Cha bạn rất tinh tế. Có thể là bác ấy đấy.”

Tôi thật khốn khổ, ngồi ở mép giường cô ấy và cảm thấy mình thật hèn hạ. Nhưng tôi không thể dừng được. Tôi không muốn bông hồng của Annemarie là do Colin tặng. Có lẽ tôi không chịu được khi cô ấy có quá nhiều người xung quanh, có thể vẽ đẹp và cắt bánh mì cũng rất tuyệt. Có thể tôi muốn giành Colin cho riêng mình.

Cha Annemarie ló vào: “Có ai muốn uống nước thêm không?”

“Dạ không, cảm ơn bác,” tôi nói, dù cái ly của tôi đã cạn và rằng tôi còn dính đầy hạt hạnh, Cháu phải về đây.”

“Ở lại năm phút nữa đi,” bác nói, “Bác đã bỏ cái áo khoác của cháu vào lò sấy rồi.”

Và thế là tôi phải ngồi lại với cái miệng khát nước. Sau đó tôi mặc cái áo khoác khô và ấm nhưng vẫn còn dơ bẩn vào, đi thang máy xuống tiền sảnh nhà Annemarie, nơi có những chiếc đèn rực rỡ ánh vàng và người gác cửa nhớ tên tôi. Trời đã tạnh mưa.

Trời rất lạnh nên đám con trai không tụ tập trước ga-ra như mọi khi. Thậm chí đường cũng rất vắng người.

Ánh đèn sáng trong cửa hàng của chị Belle trông rất mời mọc giữa bầu trời chiều ảm đạm, và tôi nghĩ mình có thể ghé vào một chút. Tôi đã kể cho chị Belle nghe câu chuyện trong sách, một chút ở đoạn này và một chút ở đoạn kia, Meg đã cứu cha trốn thoát như thế nào, và tôi đã miêu tả trận chiến đầu tiên của cô với NÓ, một tên độc ác có bộ não khổng lồ và muốn thao túng tất cả mọi người. Tôi biết chị Belle sẽ cho tôi một ít kẹo vitamin C và có thể một tách chocolate nóng. Nhưng đã khá trễ và tôi không muốn đi bộ về nhà khi trời tối hẳn, vì vậy nên tôi quyết định tiếp tục đi.

Đầu tiên tôi nghĩ ông-già-hay-cười không có ở góc đường. Nhưng sau đó tôi thấy ông đang ngồi co rúm, dựa vào thùng thư và ngược nhìn tôi đi qua. Trong một thoáng, tôi bỗng thấy gương mặt ông có cái gì đó rất quen thuộc, và lần đầu tiên tôi để ý ông trông rất già nua. Tôi nhớ bác Louisa đã nói rằng người ta có thể già đi rất nhanh nếu không đủ ấm. Tôi bỗng cảm thấy ông thật đáng thương. Có lẽ ông khiến tôi nhớ đến ông Nunzi ở trên lầu. Hoặc có thể tôi muốn làm một việc tốt, để bù lại những suy nghĩ tồi tệ với Annemarie, mặc dù cô ấy không thật sự nhận ra. Dù sao đi nữa, tôi bắt chuyện với ông ta.

“Ông ơi!” tôi vừa nói vừa mở ba-lô ra, “Ông ăn sandwich không?” Tôi vẫn còn chiếc sandwich pho-mát chưa ăn vào buổi trưa. Tôi lấy nó ra: “Pho-mát và cà chua.”

“Bánh mì có cứng không?” giọng ông nghe có vẻ mệt mỏi, “Tôi không ăn được bánh mì cứng. Răng yếu.”

“Không cứng lắm,” tôi nói. Nó là chiếc bánh cắt chữ V đẹp nhất của tôi từ trước đến nay, hơi bị mềm do nước cà chua ngấm vào suốt cả buổi chiều.

Ông đưa một tay lên và tôi đặt chiếc bánh mì vào tay ông.

“Hôm nay đám cháy lớn cỡ nào?” ông hỏi.

“Cháu... không chắc lắm,” tôi nói, giả vờ như tôi biết ông ta đang nói về chuyện gì, “Cháu không có dịp để... kiểm tra.”

“Không có gì che mưa,” ông nói, nhìn chiếc bánh sandwich trong tay, “Đáng lẽ họ nên dựng cái mái vòm lên.”

“Có thể ngày mai,” tôi nói.

Ông ngược lên nhìn tôi. Và bỗng nhiên tôi thấy ông ta có vẻ quen thuộc đến kỳ lạ. Có cái gì đó trong mắt ông khiến tôi bị thu hút. Ông nói: “Tôi chỉ là một ông già, còn bà ấy thì đã mất rồi. Đừng sợ nhé!”

“Vâng.”

Ông gật đầu: “Thông minh đấy!”

Những Thứ Bể Tắc

“Mẹ biết sao không?” tôi nói với mẹ khi mẹ đi làm về, “Ông-già-hay-cười không hoàn toàn bị điên đâu. Ông ta chỉ là một NGĐ thôi.”

“NGĐ là gì?”

“Người Giả Điên.”

“Con đang nói chuyện gì thế?”

“Hôm nay con cho ông ta một cái sandwich. Ông ta có vẻ rất bình thường.”

“Con cho ông ta một cái sandwich à?”

“Chỉ là cái sandwich thừa ở tiệm Jimmy thôi.”

“Trời ạ, Mira, sao con lại cho ông ta cái sandwich thế?”

“Sao thế? Con tưởng mẹ sẽ đồng ý?”

“Con tưởng mẹ sẽ đồng ý cho con quan hệ với một người có vấn đề thần kinh sao?”

“Quan hệ gì cơ? Con chỉ cho ông ta một cái sandwich thôi mà!”

“Chúng ta đã nói chuyện này rồi, Miranda. Mẹ tưởng con biết cách tự lo thân. Đó là lý do duy nhất mẹ để con đi lang thang một mình!”

“Con chỉ đem một cái sandwich cho một người vô gia cư! *Mẹ* mới là người làm việc cho những kẻ tội phạm và chơi với những người tù mang thai.”

“Không phải mọi người bị buộc tội đều là tội phạm, con biết mà. Ngoài ra, *mẹ* không phải là một đứa trẻ mười hai tuổi.”

Tôi chỉ vào áo mẹ có in một chiếc cầu vồng: “Mẹ mặc đồ như một đứa trẻ mười hai tuổi!” Cảm thấy nước mắt sắp trào ra, tôi chụp hai gói khoai tây chiên mà bác Louisa mang đến, chạy vào phòng và đóng sầm cửa lại.

Vài phút sau, mẹ gõ cửa rồi bước vào: “Mẹ xin lỗi. Con đã làm một việc tốt. Mẹ không nên la con như thế?”

“Thế tại sao mẹ lại la con?”

Mẹ ngồi xuống giường kể bên tôi: “Mẹ không biết. Có lẽ mẹ muốn điên lên khi nghĩ tới việc con tự gây nguy hiểm cho mình. Mẹ muốn con luôn luôn được an toàn, nhưng không bao giờ có chuyện đó cả, phải không? Mẹ rất tin con, Miranda ạ. Mẹ muốn con biết điều đó. Chỉ là... mẹ không muốn phạm sai lầm nữa. Mẹ không thể chịu nổi dù chỉ một sai lầm nào nữa.”

“Mẹ đang nói gì thế? Sai lầm nào?”

Mẹ cười: “Trời ạ, mẹ nên bắt đầu từ đâu nhỉ? Mẹ đã phạm hàng triệu sai lầm. May mắn thay, con vượt trên hầu hết tất cả những sai lầm đó.”

“*Hầu hết* tất cả? Là bao nhiêu?”

Mẹ cười: “Mẹ không biết. Chắc là chín trăm chín mươi chín ngàn...”

“Như vậy vẫn còn... sao cơ... còn đến một ngàn sai lầm nữa!”

“Chú Richard muốn dọn đến đây,” mẹ nhẹ nhàng nói, “Chú ấy muốn cưới mẹ.”

Thật bất ngờ. Chú ấy *muốn* ư? Tôi bỗng có cảm giác nhẹ hẫng. Tôi cảm thấy một niềm vui lạ lùng. Tôi bảo mẹ: “Thế thì tuyệt!”

“Con nghĩ thế à?” mẹ lại cười trong một thoáng, rồi giọng mẹ chùn xuống, “Mẹ không biết. Mẹ chỉ không thể... Mẹ không biết làm thế có đúng không.”

“Mẹ không yêu chú ấy à?”

“Có... Nhưng mẹ không biết làm như thế, đối với con, có đúng không.”

“Vì vậy nên mẹ không cho chú ấy chìa khóa nhà... Vì con phải không?”

Mẹ chầm chậm lắc đầu: “Mẹ không biết. Mẹ cảm thấy bế tắc, như thế mẹ sợ phải đi bước nữa, lỡ mẹ bước sai thì sao? Mẹ cần thêm thời gian để suy nghĩ.” Mẹ đứng lên: “Chắc nước sôi rồi. Mười phút nữa ra ăn spaghetti nhé.”

Lại spaghetti. Tôi nhận ra chúng tôi cũng đang bế tắc. Về rất nhiều mặt.

Những Thứ Cột Ruy-băng

Ngày cuối tuần tiếp theo, Annemarie sẽ qua nhà tôi chơi và là lần đầu tiên cô ngủ đêm lại.

“Hai đứa có vẻ ngày càng thân thiết nhỉ,” mẹ vừa nói vừa giúp tôi kéo cái giường xếp trong nhà kho ra, “Như thế tốt đấy, phải không?”

“Mẹ không hút bụi à?” tôi nói, “Phía sau mấy cái cửa nhà mình đầy bụi.”

“Cho mẹ thử cái nào, Mira,” mẹ cau mày.

“Con nói thật đấy - sáng nay con thấy một con gián trong phòng tắm. Nhà mình càng ngày càng bầy hầy.”

Mẹ nhìn tôi. Dường như một cơn bão sắp nổi lên. Nhưng mẹ kìm lại và nói: “Con muốn thì tự làm đi.” Nói rồi mẹ bỏ đi.

Tôi kéo cái giường xếp vào phòng mình, xếp dọc theo cái giường của tôi như trước kia tôi và Sal thường để. Sau đó tôi thắc mắc không biết con gái thì nên để giường theo hướng nào. Có nên để nó sát tường đối diện không? Hay là nên xếp nó thành hình chữ L với cái giường của tôi để hai chúng tôi có thể nằm sát đầu với nhau? Cuối cùng tôi quyết định đặt hai cái giường thành hình chữ L, đứng lùi lại, điều chỉnh góc độ, rồi vào kho lấy tấm trải giường.

Khi còn nhỏ, tôi và Sal thường năn nỉ mẹ và bác Louisa cho Sal qua nhà tôi ngủ vào cuối tuần. Rất nhiều buổi tối tôi thiếp đi, hạnh phúc với Sal nằm trên chiếc giường xếp kế bên.

Nhưng đến sáng là cậu ấy biến mất. Mỗi khi thức dậy, tôi chỉ thấy chiếc giường trống với tấm trải sọc cuộn thành đống, và mẹ sẽ bảo tôi rằng đêm qua Sal bị đau bụng, hoặc nhức đầu, hoặc nằm mơ thấy ác mộng... rồi muốn về nhà.

Mẹ sẽ đưa tôi một cái khăn giấy và bảo: “Mẹ không hiểu tại sao cứ phải như thế mãi. Nửa đêm thì Sal khóc rồi sáng ra thì đến phiên con khóc.”

Vài tuần sau, chúng tôi sẽ thử lại. Và tôi luôn tin rằng *lần này* Sal sẽ ở đó cho đến sáng để khi thức dậy tôi sẽ nhìn thấy cậu ấy. Cuối cùng thì chúng tôi không thử nữa. Nhưng mỗi lần nhìn đến tấm trải giường sọc, tôi lại cảm thấy buồn ngủ.

Nhưng đó là tấm trải duy nhất mà chúng tôi có có thể vừa với chiếc giường xếp. Tôi trải nó lên giường rồi qua phòng mẹ lấy thêm một cái gối. Mẹ vẫn còn đang giận dữ trong phòng khách. Tôi phủi chiếc gối, cẩn thận đặt nó lên giường và đứng ngắm nghía. Mọi thứ trông có vẻ ổn.

Tôi vẫn còn đứng đó khi chuông cửa reo, và tôi có thể hình dung ra Annemarie cùng cha cô đang đứng ở tiền sảnh sặc mùi thuốc lá cùng cái trần nhà xấu xí, vừa đủ ánh sáng, đầy mạng nhện và xác bọ. Trông như một cảnh ma quái vậy.

Tôi chạy xuống, nhìn qua lỗ khóa cửa: “Ai đó?”

Giọng cha cô vang lên: “Annemarie và ông bố chưa cạo râu của cô ấy đây!”

Tôi vui vẻ reo lên một tràng dài mạnh mẽ theo kiểu hiểu “vô cùng chào đón bạn tại đây.” Cánh cửa nặng quá nên phải mất một lúc mới từ từ mở ra được.

Mẹ bước xuống đứng kế bên tôi trước cánh cửa chính, luồn tay vào tóc và không nói gì cả. Mẹ mặc quần jean và đã thay một chiếc áo thun cao cổ màu đen.

Ngay lúc đó, đứng kế bên mẹ, tôi bỗng nhận ra sự thật. Sự thật là mẹ cũng nhìn thấy tất cả: sơn tường bong tróc, những đầu thuốc lá trên cầu thang... mọi thứ. Nó dội vào tôi như thể nước ngầm xuống cát, nhanh chóng và nặng nề.

Nhưng tôi không thể xin lỗi mẹ vì những gì tôi đã thốt ra. Tôi muốn, nhưng tôi không thể. Thậm chí tôi không thể cười với mẹ nữa.

“Xin chào,” mẹ nói như reo vởi cha của Annemarie, “Rất vui vì Annemarie có thể ở lại qua đêm với chúng tôi.”

Cha Annemarie đưa mẹ một hộp các-tông chứa đủ thứ, nào hộp nhỏ, nào túi nhựa. Bác nói: “Chắc Miranda đã nói với chị là Annemarie có một chế độ ăn kiêng đặc biệt.”

“Ồ,” mẹ nhìn tôi, “Thật ra...”

“Không sao đâu,” bác cười to và ấn cái hộp vào tay mẹ, “Tôi đã mang tất cả những thứ cần thiết trong đây. Nếu thích thì chị cứ thoải mái thử nhé. Tôi tự thấy rằng cũng không tệ lắm đâu!”

Mẹ mỉm cười nhận cái hộp: “Thật tuyệt! Cảm ơn anh. Tôi có biết...”

“Không sao đâu,” cha Annemarie nói tiếp. Tôi thấy những thứ trong hộp được cột ruy-băng tím và xanh, như những món quà Giáng sinh.

Tôi và Annemarie chơi trò ghi âm trong phòng ngủ của tôi. Mẹ mang cho Annemarie một đĩa đồ ăn đặc biệt của cô ấy và một đĩa khoai tây chiên cho tôi. Sau đó chúng tôi xem ti-vi trong phòng khách một lúc trước khi đi ngủ. Khi đang xem phim *Love Boat*, chúng tôi bỗng nghe một tiếng động mạnh trong bếp, sau đó là một tràng cười nhàu của mẹ.

Một phút sau, mẹ ló vào phòng, nhìn Annemarie: “Xin lỗi. Xem như cháu không nghe tiếng động ấy nhé! Bác làm đổ nước nhỏ đông lạnh vào chân.”

Annemarie cười toét: “Dạ không sao ạ.”

“Mẹ bạn thật tuyệt!” Annemarie nói khi chúng tôi nằm trên giường. Annemarie úp mặt vào cái gối của mẹ: “Mình thích mẹ bạn lắm. Bác ấy như một người-lớn-thật-sự, bạn biết không? Và bác ấy cũng đối xử với bạn như một người-lớn-thật-sự. Cha mình thì vẫn làm như mình là một đứa trẻ vậy.”

“Có lẽ thế.”

Nhưng ai muốn được đối xử như một người-lớn-thật-sự chứ? Tôi nghĩ. Tôi muốn được đối xử như Annemarie và có những gói bánh được cột dây ruy-băng.

Khi tôi mở mắt ra vào sáng hôm sau, Annemarie vẫn còn ở đó. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, như thể suốt đêm qua tôi đã lo lắng rằng cô ấy sẽ biến mất. Có lẽ tôi đã lo lắng thật nhưng không nhận ra điều đó.

“Cảm ơn trời, bạn dậy rồi!” cô nói. Annemarie đang nằm, một tay chống đầu, “Mình kêu bạn dậy cả hai mươi phút rồi. Bạn ngủ như chết vậy!”

“Mấy giờ rồi?” tôi tung chăn choàng dậy.

“Tới giờ ăn rồi,” cô nói, “Mình đói quá.”

“Bạn ăn ngũ cốc được không?” tôi hỏi, “Mình chỉ biết làm ngũ cốc và nướng bánh mì thôi.”

“Không,” cô đáp, “Mình không ăn được cả hai thứ đó. Bạn có trứng không?”

Chúng tôi đi vào bếp.

“Xin chào,” mẹ đang đứng trước bếp, làm món thịt xông khói, “Annemarie, hôm qua bác gọi điện thoại cho cha cháu. Cha cháu bảo rằng cháu thích ăn trứng tráng với thịt xông khói.”

“Ngon quá,” Annemarie nói, “Mùi thơm ghê. Chả trách sao cháu đói bụng quá chừng!”

Tôi đứng sững sờ. Mẹ thường ngủ rất say, lay cũng không dậy. Thế mà hôm nay mẹ thức dậy lúc bảy giờ rưỡi sáng để làm món trứng tráng với thịt xông khói cho chúng tôi. Tôi muốn ôm mẹ quá. Nhưng tôi không làm thế.

Những Thứ Đỏ Hồng

Tuyết rơi nhẹ vài ngày trước kỳ nghỉ Giáng sinh. Tuyết luôn khiến tôi cảm thấy vui vẻ. Thầy Tompkin cho phép chúng tôi nghỉ làm bài tập toán để dành nguyên buổi sáng tập trung vào các dự án của Đường Chính. Annemarie giúp tôi làm những cái xích đu. Một ngày khởi đầu vui vẻ.

Khi chúng tôi đến tiệm Jimmy thì tuyết đã ngừng rơi. Lề đường đầy tuyết tan khiến đôi giày của tôi ướt sũng khó chịu. Sáng nay mẹ ngủ quên không nghe dự báo thời tiết nên tôi là người duy nhất không mang giày ống trong thời tiết này.

Khi Colin đẩy cửa tiệm Jimmy, anh Jimmy từ sau quầy nhảy ra, đóng sầm cửa trước mặt chúng tôi và tì người vào cánh cửa.

"Gì thế!" Colin cười, nghĩ rằng anh Jimmy muốn đùa, và xô cửa ra lại. Nhưng tôi có thể nhìn mặt anh Jimmy rõ hơn Colin nên tôi biết đó không phải trò đùa.

"Biến đi!" anh Jimmy la to qua lớp kính, "Đừng quay lại nữa! Bọn mày may mắn là tao chưa gọi cảnh sát đấy!"

Annemarie đặt tay lên vai Colin: "Mình nghĩ anh ta nói nghiêm túc đấy!"

"Sao cơ?" Colin nhìn chúng tôi rồi quay lại nhìn anh Jimmy qua cánh cửa. "Có chuyện gì thế?" cậu ta hét lại.

Anh Jimmy để một chân tì vào chân cửa. Anh nhìn chúng tôi trừng trừng. Một số người qua đường nhìn xem có chuyện gì nhưng không ai đứng lại cả.

"Có người ăn trộm hộp tiền Fred Flintstone của tao!" cuối cùng anh ta nói, giọng nghe hung dữ, "Một trong ba đứa!"

Dĩ nhiên chúng tôi bảo anh ta - xuyên qua cánh cửa - là chúng tôi không làm. Nhưng anh ta quyết tâm không cho chúng tôi vào.

Chúng tôi đi sang tiệm pizza và nói chuyện xem ai có thể đã lấy cắp những tờ hai đô-la của anh Jimmy. Ngoài bốn mươi lăm phút một ngày mà chúng tôi ở đó thì anh ta luôn ở cửa hàng một mình. Có thể ai đó đã lẻn vào khi anh ta đi vệ sinh. Anh ta thường đặt cái bảng "*Sẽ quay lại sau năm phút*" ở cửa sổ và khóa cửa lại, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Đôi khi anh ta chỉ chạy ra phía sau trong một phút và nếu có người vào thì họ sẽ đứng đợi. Có lẽ người ta đã lấy hộp tiền vào lúc đó. Nhưng ai có thể lấy nó ngay phút đầu tiên chứ? Nó chỉ là một hộp nhựa cũ kỹ hình một nhân vật hoạt hình. Nhìn từ xa trông nó không có giá trị gì mấy.

"Mình viết thư cho anh ta đi," Annemarie nói, "À không - hay mình tặng anh ta một tấm thiệp?" Cô lấy cái muỗng vét hết thức ăn còn lại do cha cô làm và đựng vào một cái hộp sữa chua được rửa sạch sẽ. "Đi thôi," cô đứng lên, "Mình sẽ trả tiền."

Chúng tôi đến cửa hàng văn phòng phẩm Gold mua cho anh Jimmy một tấm thiệp. Tôi muốn lấy tấm thiệp có dòng chữ *Thành thật chia buồn* vì anh Jimmy mất hộp tiền, nhưng Annemarie không chịu và chọn một tấm thiệp có in những bông hồng. Tôi cảm thấy hơi kỳ quặc vì tấm thiệp dành cho anh Jimmy trong khi hoa hồng tượng trưng cho tình yêu. Annemarie bảo tấm thiệp trông có vẻ chân thành, nhưng tôi nghĩ cô ấy thích nó vì nó gợi nhớ đến bông hồng bí ẩn của cô.

"Cậu nghĩ sao?" Annemarie giơ tấm thiệp trước mặt Colin.

Colin nhún vai: "Cũng được."

Annemarie không nói gì, nhưng có vẻ như cô hy vọng một câu trả lời cởi mở hơn một chút. Cô đưa tấm thiệp cho nhân viên tính tiền: "Cô tính cái này vào tài khoản của cha cháu nhé."

"Được thôi, Annemarie. Bạn Julia của cháu đâu rồi? Nghỉ bệnh ở nhà à?"

Annemarie đỏ mặt: “Không, bạn ấy ở đâu đây thôi.”

Cô nhân viên tính tiền mỉm cười và đưa Annemarie một cuốn sổ gáy xoắn. Annemarie mở cuốn sổ ra, viết tên và ngày tháng vào.

Một tài khoản tín dụng ở cửa hàng Gold. Tôi nghĩ về những cây viết thơm mùi dầu trị giá hai đô-la rưỡi, những cuốn nhật ký bìa da có ổ khóa với những chiếc chìa nhỏ, những chiếc quạt chạy bằng pin mà bạn có thể mang trên một sợi dây đeo quanh cổ khi trời nóng.

“Này Annemarie,” Colin nói, “Mua cho mình mấy tấm thẻ bóng chày đi.”

Annemarie lại đỏ mặt: “Mình không thể. Ý mình là mình không được phép. Xin lỗi.”

Colin nhún vai mỉm cười: “Không sao đâu.”

Đôi khi tôi muốn véo má Colin thật mạnh đến khi cậu ấy rớt cả răng ra mới thôi.

Sau giờ học, tôi và Annemarie về nhà cô ấy chơi. Cha Annemarie mang cho chúng tôi một loại thịt xông khói cuộn khá lạ mà chúng tôi có thể ăn bốc được.

Chúng tôi viết lên tấm thiệp của anh Jimmy:

Anh Jimmy thân mến,

Bọn em không lấy hộp tiền Fred Flintstone của anh. Bọn em không biết ai đã lấy nó (có lẽ ai đó đã lén vào lúc anh đi vào nhà vệ sinh chẳng?).

Bọn em có thể quay lại vào ngày mai không?

Ký tên

Các nhân viên của anh,

Annemarie, Miranda, và Colin

Tôi cất cái thiệp vào ba-lô để sáng hôm sau nhét vào cửa tiệm Jimmy khi tôi đi học. Sau đó chúng tôi nằm trên thảm trải phòng Annemarie và lên kế hoạch những việc sẽ làm trong kỳ nghỉ Giáng sinh: Annemarie muốn dạy tôi vẽ, dù tôi bảo cô ấy rằng tôi không khéo tay lắm đâu, chúng tôi sẽ có thể đi xem phim, và thậm chí cha cô còn nói rằng bác sẽ dẫn chúng tôi đi trượt tuyết ở Công viên Trung tâm.

Tôi cố gắng không nghĩ xem Sal sẽ làm gì. Có lẽ cậu ấy sẽ tiếp tục chơi bóng rổ cho đến khi tuyết rơi nhiều đến mức không thể chơi được nữa.

Những Thứ Sụp Đổ

Buổi sáng hôm sau, trên đường đi học, tôi ghé ngang tiệm Jimmy và luồn tẩm thiếp xuống dưới cánh cửa đóng. Vào giờ nghỉ trưa, bà chúng tôi cùng nhau đến Broadway. Anh Jimmy đang làm bánh cho một khách hàng. Khi thấy chúng tôi qua cánh cửa kính, anh đổi nét mặt và lắc đầu.

“Mình nghĩ anh ta muốn nói ‘Không’ đấy,” Colin nói.

Chúng tôi đứng trước cửa trong một phút. Khi người khách cầm cái sandwich đi ra, anh Jimmy liếc nhìn chúng tôi. Colin chấp tay dưới cằm như thể đang cầu nguyện và làm bộ mặt cún-con-vô-tội, một trò đùa ngớ ngẩn nhưng cũng khá dễ thương. Anh Jimmy lấy một cái khăn lau bàn, và rồi anh giơ tay vẫy chúng tôi vào mà không buồn ngẩng lên.

“Vậy bọn em có thể quay lại làm việc chứ?” Colin hỏi khi chúng tôi đã vào trong.

Anh Jimmy nhìn chúng tôi. “Các em là những đứa trẻ tốt,” anh nói, “Nhưng phần lớn thời gian các em không biết mình đang làm gì đâu.”

“Bọn em không lấy hộp tiền!” tôi nói. Anh Jimmy vẫy tay ra hiệu cho tôi im lặng.

“Anh biết. Anh đã suy nghĩ chuyện đó rồi. Các em có thể quay lại làm việc.”

“Hoan hô!” Annemarie mừng rỡ vỗ tay. Còn Colin chạy vòng vòng đập tay với tất cả mọi người, kể cả anh Jimmy, khiến anh cũng mỉm cười.

“Nhưng có một điều kiện,” anh Jimmy nói sau khi sự hào hứng của chúng tôi lắng xuống, “Bạn của các em, Người đẹp Thụy Sĩ bé nhỏ ấy. Đừng để anh thấy mặt cô ta lần nữa.”

“Ai cơ?” Annemarie hỏi.

“Mình nghĩ anh ấy muốn nói Julia,” tôi nói.

“Anh nghĩ Julia lấy tiền à?” Colin cười to, “Julia cần tiền cũng giống như cá cần xe đạp vậy.”

Anh Jimmy lắc đầu: “Có những thứ ăn vào máu rồi em ạ. Tất cả tiền bạc trên đời cũng không thay đổi dòng máu của người ta được.”

“Anh nói ‘máu’ là sao?” Annemarie chống nạnh, “Máu gì?”

Anh Jimmy chỉ tay vào tôi: “Như em gọi cô ta, Người đẹp Thụy Sĩ - Swiss Miss: chocolate nóng.”

Colin hết nhìn tôi rồi quay lại nhìn anh Jimmy. Tôi chợt hiểu ra. Annemarie hiểu ra trước tôi rất lâu.

“Anh... anh... là đồ lợn,” Annemarie nói, “Anh là đồ lợn phân biệt chủng tộc.” Tôi chưa bao giờ thấy Annemarie nổi giận. Cô ấy trông rất đáng sợ và dường như sắp khóc.

Anh Jimmy nhún vai: “Tùy em. Anh không cho phép con bé ăn cắp đồ ở đây. Em cũng không cần quay lại nữa.”

“Tôi không quay lại đâu!” Annemarie la lên, chạy ra ngoài và đóng sầm cửa lại.

“Và đó không phải lý do em gọi cô ta là Swiss Miss!” tôi nói.

Anh Jimmy lại nhún vai, và tôi chạy theo Annemarie. Colin chạy theo tôi. Chúng tôi thấy Annemarie đang bước rất nhanh, vừa đi vừa khóc.

Cô nói gằng từng chữ: “Gã. Béo. Đồ. Lợn. Tôi. Ghét. Hắn.”

Colin nhìn tôi: “Mình không hiểu gì cả.”

Annemarie quay lại đối mặt với chúng tôi: “Anh ta nghĩ Julia lấy nó vì bạn ấy da đen.”

“Không thể nào,” Colin nói, “Anh ta điên rồi.”

Annemarie quay sang tôi: “Swiss Miss là tên bạn đặt cho bạn ấy à?”

“Mình... Không! Có một lần mình nói thế, nhưng mình không có ý... Mình chỉ muốn nói về chuyện bạn ấy luôn khoe khoang về Thụy Sĩ, chiếc đồng hồ và chocolate, và...”

“Vậy sao?” Colin ngạc nhiên, “Mình chưa bao giờ nghe bạn ấy nói về Thụy Sĩ cả.”

“Nếu có người cần tiền,” Annemarie lạnh lùng nói với tôi, “Thì đó là bạn chứ không phải Julia.”

“Bạn nói giỡn à? Mình không có lấy cái hộp tiền ngu ngốc đó!”

“Bỏ đi,” cô nói, “Mình muốn ở một mình.” Và cô quay lưng đi thẳng về trường.

Colin nhướn mắt nhìn theo Annemarie rồi quay lại chìa cho tôi một tờ tiền cuộn tròn: “Ăn pizza nữa không?”

Thế là chúng tôi đến tiệm pizza. Nhưng lần này không có gì vui vẻ. Trên đường về trường, tôi nhận ra Colin không hề thích tôi. Cậu ấy chỉ thích pizza mà thôi.

“Bạn nói đi,” tôi nói với Colin trước khi vào lớp, “Cái hôm bị thiếu hai ổ bánh mì. Bạn lấy phải không?”

“Ừ,” Colin mỉm cười, “Mình nghĩ chắc sẽ... Này, mình không có lấy tiền của anh Jimmy.” Cậu ấy nhìn tôi xuyên qua đám tóc trước mái bằng khuôn mặt chó-con-bị-tổn-thương.

“Mình biết,” tôi nói nhanh, “Mình biết bạn không lấy.”

“Lấy bánh mì chỉ để cho vui thôi.” Colin nói, “Nhưng lấy hộp tiền thì sẽ là... tội ăn trộm, bạn biết đấy.”

“Ừ”

Tôi không nói chuyện với Annemarie suốt buổi chiều hôm đó. Sau giờ đọc sách, Annemarie đi học lớp Nghệ thuật và Âm nhạc, còn tôi thì học Thể dục và Khoa học. Và rồi một số em mẫu giáo đến lớp chúng tôi hát bài hát Chúc mừng Giáng sinh.

Thế là kỳ nghỉ Giáng sinh đã đến.

Kỳ Nghỉ Giáng Sinh

Ba ngày liên tục, bầu trời xám xịt như một tấm trải giường màu trắng dơ bẩn. Tôi nghĩ đến việc gọi điện cho Annemarie nhưng tôi không gọi. Tôi nghĩ sẽ gọi điện cho Colin nhưng tôi cũng không gọi. Tôi nghĩ đúng về Sal - cậu ấy chơi bóng rổ mỗi ngày, và thỉnh thoảng có thêm tiếng cười nói của những đứa con trai khác trong trường. Vào ngày thứ ba, tôi nhẹ nhàng mở cửa sổ phòng khách, nhìn họ chạy lên chạy xuống con hẻm với những cái nón len và hơi khói thoát ra từ miệng họ.

Rồi tôi ngồi lên chiếc sofa và nhắm mắt lại. Tôi tưởng tượng ra thế giới. Tôi tưởng tượng thế giới hàng triệu năm về trước, với những đám mây khí ở khắp nơi, những ngọn núi lửa, và các lục địa trôi nổi va vào nhau rồi lại dạt ra. Được rồi. Thế rồi cuộc sống bắt đầu. Nó bắt đầu ở dưới nước, với những thứ nhỏ xíu, vi sinh vật, rồi một số lớn dần lên. Và một ngày kia có cái gì đó bò từ dưới nước lên bờ. Rồi có động vật, và con người, trông họ gần như giống nhau. Có những khác biệt nhỏ xíu về màu sắc, hình dạng khuôn mặt, nước da. Nhưng về cơ bản thì họ giống nhau. Họ tạo ra nơi ở, trồng lương thực, làm thí nghiệm. Họ nói, họ viết.

Giờ thì đi nhanh hơn một chút. Trái đất vẫn quay vòng quanh mặt trời. Con người có mặt khắp nơi, lái xe hơi, lái máy bay. Và rồi một ngày kia, một người nói với một người khác rằng cậu ta không muốn đi học chung đường với cô bạn ấy nữa.

“Chuyện đó có gì quan trọng không?” tôi tự hỏi.

Có đấy.

Tôi thử một lần nữa. Tôi tưởng tượng thế giới, tất cả đều có màu xanh rất đẹp và trôi nổi trong không gian, những sinh vật, những khu rừng, những sa mạc, những thành phố... Tôi tập trung hơn vào Bắc Mỹ, nước Mỹ, Bờ biển Đông, Thành phố New York. Bọn trẻ đang đi bộ đến trường. Một đứa trẻ có đôi giày ống màu xanh lá cây. Một đứa trẻ có tài khoản tín dụng ở cửa hàng Gold. Một đứa trẻ có chùm chìa khóa trong túi.

“Chuyện đó có gì quan trọng không?” tôi tự hỏi.

Có đấy.

Tôi đứng dậy, bật ti-vi lên và cố gắng không suy nghĩ gì nữa.

Bằng Chứng Thứ Hai

Mẹ không phải làm việc vào buổi sáng Đêm Giáng sinh. Chúng tôi có một cái cây và treo bắp rang lên đó. Mẹ mời vài người bạn đồng nghiệp đến nhà chơi. Chú Richard làm món *Eggnog*^[3] theo một công thức Đức do bà của chú truyền lại. Và mọi người cùng ca hát trong khi tôi ngồi gói những món quà trong phòng. Tôi mua cho mẹ một đôi bông tay, một chai sơn móng tay màu tím có kim tuyến, và vài đôi vớ sọc, dù tôi nghĩ vớ sọc trông thật ngớ ngẩn. Tôi mua cho chú Richard một cây viết có thể tẩy xóa ở cửa hàng Gold.

Buổi sáng ngày Giáng sinh, chúng tôi mở quà sau khi mẹ pha cà phê, như mọi khi. Tôi được tặng một số thứ khá thú vị: một cái vòng tay chuỗi hạt, một cái radio bỏ túi, một cuốn sổ khá đẹp với những đám mây trên bìa, một cái áo và một hộp bánh quy gừng mà tôi rất thích ở một lò bánh gần văn phòng của mẹ và chú Richard.

Khi chúng tôi sắp sửa làm bánh kếp thì chú Richard đưa cho tôi một cái gói cứng hình chữ nhật, rất có thể là sách.

“Con đoán nhé,” tôi nói, “Một cuốn sách phải không?” Tôi tự hỏi không biết nó có phải dạng sách có hình một cô gái tươi cười trên bìa trước hay không.

“Hay lắm. Mở ra đi.”

Đó là một cuốn sách. Thật ra, nó là cuốn sách *của tôi*. Nhưng cuốn này có bìa cứng và ảnh bìa cũng khác. Tôi đọc to tựa sách: “Nếp Gấp Thời Gian.” Và tôi mỉm cười với chú Richard.

“Nó là bản in đầu tiên,” chú Richard nói.

“Richard!” mẹ thốt lên, “Đừng làm thế chứ!” Mẹ khiến tôi nghĩ bản in đầu tiên có lẽ đắt tiền lắm.

“Đọc ở trong đi.” chú nói, “Chú đã lấy chữ ký của tác giả tặng cháu đấy.”

Tôi mở trang bìa ra. Dòng chữ viết lớn và đẹp. Khác hẳn chữ của bạn.

Miranda,

Du hành vui vẻ.

Madeleine L'Engle

Ngày Giáng sinh: *Du hành vui vẻ*. Bằng chứng thứ hai của bạn.

Tôi nhận ra đó không phải một trò chơi. Cầm cuốn sách trong tay, cuối cùng tôi đã tin rằng người viết cho tôi những lá thư đó thật sự biết về mọi thứ trước khi sự việc xảy ra. Bằng cách nào đó.

Khi chú Richard và mẹ vào bếp làm bánh kếp, tôi chạy ngay vào phòng lấy tất cả những lá thư của bạn ra khỏi cái hộp dưới gầm giường.

Tôi đến để cứu mạng một người bạn của bạn, và cứu chính tôi.

Đến từ đâu? Tôi tự hỏi. Đến từ *khi nào*? Tôi bắt đầu tin rằng một người nào đó mà tôi quan tâm đang gặp nguy hiểm thật sự, nhưng tôi vẫn không biết đó là ai, và tôi không biết mình có thể giúp như thế nào.

Tôi nhìn lá thư thứ hai: *Tôi biết bạn đã cho người khác xem lá thư đầu tiên của tôi. Tôi muốn bạn đừng cho ai khác xem thư của tôi cả. Làm ơn. Tôi không yêu cầu điều đó vì bản thân mình đâu.*

Đó là điều tệ nhất: Tôi chỉ có một mình.

Những Thứ Trong Thang Máy

Ngày đầu năm thời tiết ẩm áp lạ thường và đầy nắng. Vào khoảng chín giờ sáng, Sal vẫn hăng say chơi bóng rổ. Tôi nhìn xuống con hẻm. Cậu ấy đang chạy qua chạy lại, mặc một chiếc áo thun và quần short. Cậu đang đeo chiếc đồng hồ mà bác Louisa tặng cậu nhân Giáng sinh. Bác đã ghé ngang và cho chúng tôi xem trước. Nó là một chiếc đồng hồ kiểu cũ, dây đeo bằng da và có những chữ số La mã. Tôi không nghĩ Sal sẽ thích nó, nhưng dường như cậu ấy thích thật.

Hôm nay mẹ ngủ trễ. Tôi để lại một mẫu giấy cho mẹ: *Con ra ngoài chút. Con sẽ mua cho mẹ một cái bánh mì tròn.*

Ông-già-hay-cười không có ở góc đường - có lẽ ông ấy cũng nghỉ lễ. Cửa hàng của chị Belle đóng cửa. Mọi thứ đều có cảm giác bình yên, buồn và vắng vẻ.

Đôi chân lang thang đưa tôi đến trường. Dĩ nhiên trường cũng đóng cửa. Cánh cổng trường để mở. Tôi bước vào, ngồi vài phút trên ghế đá, cảm giác lạ lẫm khi ở đây chỉ có một mình. Tôi cố ý tìm nơi chỉ có một mình để thu hết can đảm, thu hết sức lực... để gọi điện cho Annemarie.

Mười ngày im lặng đã làm dấy lên một câu hỏi trong tôi: “Liệu Annemarie có còn là bạn mình nữa không?” Có một cái điện thoại công cộng ở góc đường. Tôi có một đồng xu trong túi.

Khi đang quay số, tôi bỗng để ý thấy có một người đang đứng dựa vào cái thùng rác ở bên kia đường. Khi ông ta quay lại, tôi nhận ra đó chính là ông-già-hay-cười. Ông ta đứng đó với hai tay chống nạnh, nhìn về phía ga-ra. Tôi nhanh chóng quay lưng lại, vì sợ ông ta sẽ nhận ra và đến gần tôi.

Cái ống nghe điện thoại lạnh ngắt áp vào tai tôi. Khi nó bắt đầu reo, tôi mới nghĩ ra rằng nếu mẹ tôi đang ngủ thì có lẽ cha mẹ của Annemarie cũng vậy.

“Xin chào!” giọng cha Annemarie vang lên, nghe háo hức như thể bác đang ngồi cạnh điện thoại chờ nó reo vậy.

“Chào bác, cháu là Miranda.”

“Chào Miranda! Chúc mừng năm mới!”

“Dạ, chúc bác năm mới vui vẻ. Cho cháu hỏi có Annemarie ở đó không ạ?”

“Có, nhưng nó đang tắm. Cháu đang ở ngoài đường phải không? Nghe như cháu đang gọi điện thoại công cộng?”

“Dạ vâng.”

“Ở gần đây à?”

“Dạ... cháu đang ở trường.”

“À, đến nhà bác chơi đi. Bác sẽ pha nước cam cho cháu ngay bây giờ!”

“Dạ vâng.”

“Cháu sẽ làm Annemarie ngạc nhiên đấy!”

Thế ư? Tôi đi lên đồi. Ánh mặt trời tỏa sáng khắp nơi như một chú bé hiếu động chạy khắp cửa hàng đồ chơi - nó chiếu sáng lấp lánh những cột điện bằng kim loại, phản chiếu trên những cây trụ mái hiên, thậm chí cả trên chiếc kính mát của một phụ nữ đang dắt chó đi dạo với tách cà phê trong tay. Mọi vật đều *tỏa sáng*.

“Chúc mừng năm mới, cô Miranda!” người gác cửa tòa nhà của Annemarie đang đứng bên ngoài cánh cửa láng bóng của tòa nhà. Ông mỉm cười ra dấu mời tôi vào.

Trên đường đi thang máy lên lầu, tôi bỗng có cảm giác thật lạ khi đến mà không báo trước với Annemarie.

Nhưng cũng chính lúc tôi cảm thấy hồi hộp như thế, tôi lại có một cảm giác khác, chỉ có thể diễn tả như là cảm giác yêu thích chiếc thang máy nhà Annemarie. Ván tường gỗ, một chiếc ghế phủ vải trong góc, chiếc chuông nhỏ reo lên mỗi khi đến một tầng lầu. Tất cả tạo cảm giác ấm áp đến mức tôi cảm thấy thật tuyệt nếu được ở trong đó luôn, hoặc ít nhất là ngồi lên chiếc ghế nhỏ và nhắm mắt lại trong một lúc. Và khi chiếc thang máy dừng lại ở tầng có nhà Annemarie, dĩ nhiên tôi phải bước ra, vì người ta phải bước ra khi thang máy đưa họ đến nơi họ muốn đến.

Annemarie mở cửa với mái tóc ướt.

“Chào bạn,” tôi nói, “Mình gọi đến để chúc mừng năm mới, và cha bạn nói...”

Cô mỉm cười: “Vào nhà đi.”

Đó là buổi sáng tuyệt vời nhất. Annemarie cho tôi xem những món quà Giáng sinh của cô ấy. Cô được tặng toàn những món đồ nghệ thuật. Chúng tôi bày chúng ra bàn và bắt đầu vẽ lên một loại giấy vẽ đặc biệt dành để vẽ truyện tranh, cùng với những mẫu giấy có keo dán sẵn để làm suy nghĩ hay lời thoại của nhân vật trong truyện. Rồi mẹ cô chỉ cho chúng tôi cách xếp giấy thành những con ếch, và tôi tỏ ra khá giỏi trong môn xếp giấy. Trong khi đó, cha cô không ngừng mang lên những đĩa thịt xông khói và bánh mì xắt nhỏ, dành riêng cho tôi, để tôi có thể bốc tay.

Rồi mẹ gọi điện đến. Tôi đã hoàn toàn quên mất mẹ. Mẹ rất giận và mẹ bảo sẽ đến đón tôi. Ngay cả cha của Annemarie cũng có vẻ giận.

“Tốt hơn cháu nên mặc áo khoác vào,” bác nói khi tôi vừa gác máy, mặc dù mẹ không thể đến nhà Annemarie nhanh đến thế. Vì vậy nên tôi mặc áo khoác ngồi đợi mẹ trong nhà, và Annemarie ngồi đợi với tôi.

“Ừm... về những việc xảy ra ở tiệm Jimmy...” tôi nói, “Mình không bao giờ định nói... những gì mà anh ta nghĩ là mình muốn nói... Không hề!”

Annemarie nhìn xuống sàn: “Mình tin bạn. Mình cũng không hiểu sao mình lại nói những điều mà mình đã nói... về chuyện tiền ấy... thật ngốc nghếch!”

“Không sao đâu.” Tôi cảm thấy hài lòng vì Annemarie cũng có điều gì đó để xin lỗi, mặc dù tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều về nó. Nhưng không hiểu sao kể từ lúc đó tôi lại bắt đầu suy nghĩ. Và điều đó khiến tôi cảm thấy không vui chút nào.

Chúng tôi nghe tiếng chuông thang máy. Tôi mở cửa nhà Annemarie trước khi mẹ kịp bấm chuông. Tôi nghĩ tôi sẽ có thể thoát nạn nếu cha mẹ của Annemarie không nói chuyện với mẹ.

Không may như thế. “Anh Jerry?” mẹ gọi to. Cha Annemarie vội vã chạy ra: “Ồ chị đến rồi. Tôi không nghe chuông cửa...”

Tôi xin lỗi về chuyện này, mẹ nói.

“Không, *tôi* xin lỗi. Tôi không biết...”

“Chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra nữa... sẽ luôn luôn hỏi ý chị trước...”

Hai người nói chuyện với nhau một lúc, sau đó cả hai quay lại nhìn tôi.

“Đi thôi,” mẹ lạnh lùng bảo tôi.

Tôi nói: “Cảm ơn bác đã tiếp đãi cháu,” và cha Annemarie mỉm cười với tôi, nhưng chỉ vì bác ấy là người tử tế nhất thế giới này.

Chiếc thang máy mở cửa lập tức nên chúng tôi không phải chờ đợi. Trên đường đi xuống, tôi biết mình nên xin lỗi, nhưng tôi chỉ chờ đến khi mẹ bùng nổ cơn giận. Nhưng không, mẹ chỉ òa khóc.

Tôi cũng khóc theo. Cả hai chúng tôi đều khóc khi đi qua tiền sảnh, đi qua người gác cửa và bước ra ngoài ánh nắng mặt trời. Ở đó, lạ lùng thay, hai chúng tôi đều nín khóc. Mẹ hít một hơi dài và nhìn tôi. “Mẹ rất sợ,” mẹ nói, “Khi con đi không trở lại, mẹ thật sự rất sợ. Đừng bao giờ làm thế với mẹ nữa.”

Tôi gật đầu.

“Được rồi,” mẹ nói, “Giờ thì sao?”

“Con không biết.”

“Đi xem phim nhé!”

Thế là hai mẹ con đi xem phim, ăn kẹo và bắt rang, lại còn nắm tay nhau vài phút trên đường về nhà.

Ông-già-hay-cười vẫn đứng ở góc đường như bình thường, đá chân vung vẩy. Khi nhìn thấy chúng tôi, ông reo lên: “Đứa bé thông minh!” Nhưng có mẹ ở đó, mọi thứ khác hẳn, như thể đi ra đường với một tấm chăn quăn chặt quanh mình.

Chú Richard đang đứng dựa tường ở tòa nhà của chúng tôi, đọc một tờ báo.

“Này,” chú làm mặt buồn, “Mình có hẹn mà. Em quên anh rồi à?”

Mẹ thốt lên: “Ồ không, em trễ hẹn bao lâu rồi?”

Mẹ nhìn tôi và mọi người đều bật cười.

Chú Richard nói: “Nghiêm túc nhé, em cho anh một chiếc chìa khóa thì có chết không?” Mẹ nhún vai và bảo rằng chỉ mới có ba giờ rưỡi nên mẹ chưa muốn vào nhà. Vì thế chúng tôi quay ra, cùng đến một nhà hàng dùng bữa tối, nơi đây rất nhiều người chỉ vừa mới ngủ dậy và còn đang ăn sáng.

Những Điều Bạn Nhận Ra

Đó là năm 1979 - một năm mới, và sắp sang một thập niên mới, nhưng trường học thì vẫn là trường học. Jay Stringer vẫn là một thiên tài, buổi hòa nhạc vẫn chán ngấy, và Alice Evans vẫn xấu hổ mỗi khi phải đi vệ sinh. Màn biểu diễn vĩ cầm của các học sinh lớp bốn vừa mới bắt đầu nhưng Alice đã vội vịn vẹo trên chiếc ghế bên cạnh tôi. Trên ghế cạnh bên kia, Jay đang ngồi vừa đọc sách vừa thưởng thức thứ âm nhạc tệ nhất thế giới này.

Tôi nhìn thấy mái tóc vàng của Sal một vài hàng phía trước bên phải. Tôi nhìn chăm chăm vào gáy cậu ấy trong một lúc, thử xem tôi có thể khiến cậu ấy quay lại bằng sức mạnh tuyệt đối của sóng tư duy hay không, nhưng thật khó tập trung khi Alice ngồi kế bên cứ ngo ngoáy như đang múa điệu truyền thống Mê-xi-cô trên ghế. Tôi cố gắng ra dấu với Annemarie, cô ngồi kế Alice, nhưng Annemarie dường như hoàn toàn tập trung nghe nhạc. Cô không hề khó chịu vì điều đó. Vì thế nên tôi quay lại nhìn gáy Sal.

Ngồi ngay trước tôi là Julia. Rõ ràng là Julia cũng chán nghe nhạc không kém gì tôi nên cô ta không ngừng quay tới quay lui. Và rồi cô quay lại nhìn Annemarie. Tôi liếc sang và thấy Annemarie vẫn đang hướng lên sân khấu. Julia nhìn Annemarie. Và tôi nhìn Julia nhìn Annemarie. Những gì tôi thấy là một đôi mắt màu “chocolate pha mười-sáu-phần-trăm ca cao,” một gương mặt màu “cà phê sữa,” và một biểu hiện thân thiết đến mức khiến cả người tôi rung lên như một tiếng chuông. Cái nhìn của Julia dành cho Annemarie cũng giống như cái nhìn của tôi. Cái nhìn của tôi dành cho Sal.

Và bỗng nhiên tôi nhận ra ba điều:

Thứ nhất, chính Julia đã để bông hồng tặng cho Annemarie.

Thứ hai, Julia quan tâm đến Annemarie, nhưng Annemarie không nhận ra điều đó. Bởi vì tôi chen giữa.

Thứ ba, Alice Evans sắp tè ra quần.

Tôi quay sang Alice. “Này,” tôi nói, “Mình muốn đi vệ sinh. Bạn đi với mình không?”

Đôi khi bạn cảm thấy mình tồi tệ nhất ngay khi bạn không muốn tồi tệ nữa. Điều đó cũng giống như bạn nhận ra căn phòng tối như thế nào ngay trước khi bật đèn lên. Và cách bạn thường cư xử, những việc bạn thường làm, cũng giống như những bóng ma mà mọi người đều thấy nhưng giả vờ không thấy. Cũng như khi tôi rủ Alice Evans đi vệ sinh, tôi không phải là một trong những ả con gái trước đây thường tra tấn cô ấy, nhưng trước đây tôi cũng chưa bao giờ chìa một ngón tay ra giúp cô ấy, hay thậm chí tỏ ra tử tế với cô ấy dù chỉ một phút.

Alice ngừng vịn vẹo và nhìn tôi nghi ngờ: “Bạn muốn đi vệ sinh... Thật không?”

“Ừ.” Ngay lúc đó, tôi không mong muốn gì khác hơn là tôi muốn Alice cảm thấy an toàn với tôi. “Thật mà!”

Tôi nghiêng người về phía trước và giơ tay vẫy để thầy Tompkin có thể nhìn thấy tôi từ chỗ của thầy ở cuối hàng ghế, và tôi nói với thầy ngang qua tai Jay Stringer và Colin, hai người đang ngồi giữa thầy và tôi.

“Em muốn đi vệ sinh.” Nói ra những lời này có cảm giác như một sự hy sinh cao cả, một món quà quý giá dành cho vũ trụ. Tôi không biết tại sao, nhưng cái nhìn của Julia khiến tôi quyết tâm đưa Alice đến phòng vệ sinh trước khi cô ấy làm ướt quần.

“Bây giờ à?” thầy Tompkin thì thầm.

“Dạ vâng.”

Thầy nhướn mày: “Được.”

Thầy Tompkin khép chân một bên để chúng tôi đi qua. Jay Stringer và Colin chụm đầu vào

nhau rồi Jay bật cười. Đầu óc tôi bắt đầu phân tích - Nếu Jay là người cười thì Colin hẳn là người nói đùa. Có thể một chuyện đùa gì đó về tôi. Tôi chụp tay Alice và kéo cô theo sau. Rồi chúng tôi men theo lối đi đến phòng vệ sinh.

Những Thứ Bạn Nài Xin

Ngay khi Alice đi vào phòng vệ sinh, tôi vội vã chạy đến văn phòng. Có rất nhiều điều tôi muốn làm nhưng không thể làm được, chẳng hạn như ôm hôn mẹ, hoặc ít ghen tị với Annemarie hơn. Tôi có một điều muốn làm và tôi không muốn điều này được liệt vào danh sách những điều trên. Nhưng tôi cần phải thật nhanh.

“Miranda?” cô Bánh-xe nhìn tôi nghi ngờ, “Không phải em đang ở buổi hòa nhạc sao?”

“Dạ, em đang ở buổi hòa nhạc - ý em là em đã ở đó và sẽ quay lại đó ngay. Alice đang ở trong phòng vệ sinh. Cô cho em xin một mẫu giấy được không?”

“Không.” cô Bánh-xe trả lời, “Tôi không có dư giấy để cho.”

“Cô làm ơn... làm ơn cho em một mẫu giấy nhỏ thôi. Một góc của một mẫu giấy cũng được.”

Nếu tôi không làm điều đó ngay bây giờ thì tôi sẽ không bao giờ có cơ hội làm nữa.

Cô Bánh-xe thở dài. Sau đó, vẫn ngồi trên ghế, cô đá cho chiếc ghế lăn tới cái bàn kế bên. Trên bàn có một xấp giấy ghi chú màu hồng. Cô xé tờ giấy trên cùng, gấp đôi rồi gấp tư, sau đó cẩn thận xé tờ giấy dọc theo hai vết gấp. “Nhanh lên!” tôi thúc giục trong đầu, “Nhanh lên!”

“Đây,” cô đưa tôi một góc tư của tờ giấy hồng và nhìn tôi với vẻ mặt như muốn nói “Hy vọng em sẽ không quay lại đây nài xin một tờ giấy khác nữa.”

Tôi nhặt một cây viết trên bàn, viết vội vài chữ lên mẫu giấy.

“Mình tưởng bạn bỏ mình rồi,” Alice đang đứng trước phòng vệ sinh, trông có vẻ lo lắng.

“Mình à?” tôi nói, “Không đâu.”

Alice mỉm cười. Mọi người có vẻ thích con người mới của tôi.

Chúng tôi ép người qua hàng ghế để quay lại chỗ cũ. Colin và Jay Stringer lại thì thầm và cười với nhau. Annemarie nghiêng người nhìn tôi như muốn hỏi “Đi đâu về vậy?” Tôi thì thầm “Đi vệ sinh.” Cô gật đầu và tiếp tục nhìn lên sân khấu.

Tôi gấp nhỏ mẫu giấy hồng. Sau đó tôi nghiêng người về phía trước và quẳng tờ giấy vào lòng Julia. Tôi không có nhiều thời gian - trong đó chỉ viết có hai từ: *ĐÌNH CHIẾN*.

Và bên dưới tôi ghi số điện thoại của tôi.

Những Thứ Đảo Ngược

Buổi chiều hôm đó, Sal rủ Colin về nhà chơi. Tôi nhìn thấy họ đi trước, thay phiên nhau trượt trên tấm ván của Colin. Một người chơi ván trượt của Colin, còn người kia đập bóng của Sal - họ luân phiên nhau chơi, cười đùa vui vẻ và tôi muốn tham gia đến nỗi tim như muốn vỡ tung ra. Tôi quyết định ghé qua cửa hàng của chị Belle.

Chị Belle cầm hũ kẹo vitamin C dẻo để sau bàn tính tiền lên lắc lắc trước mặt tôi. Tôi gật đầu, chị lấy ra bốn viên kẹo bỏ vào tay tôi.

“Sao thế?” chị hỏi.

“Không có gì.”

“Kể chuyện tiếp chứ?”

“Ừm, em kể đến đâu rồi?”

“Bà-dì-Quái-vật.”

“Ừ, Bà-dì-Quái-vật. Hành tinh của Bà-dì-Quái-vật rất hoàn hảo - nó có mùi rất thơm, thức ăn rất ngon, mọi thứ đều mềm mại dễ chịu. Nhưng Meg không thể ở lại đó. Cô phải quay lại cứu em trai. Họ để cậu ta lại đằng sau, với NÓ, chị nhớ không?”

Chị Belle gật đầu: “Cô ấy phải quay lại một mình à?”

“Ừm, cô ấy là người duy nhất có thể làm thế, bởi vì cô ấy gần gũi với em mình hơn ai hết. Phải là cô ấy mới được.”

Chị Belle lại gật đầu.

“Và thế là cô ấy quay lại đó, Camazotz. Khi đó em trai cô đã hoàn toàn thuộc quyền kiểm soát của NÓ. Vì thế nên cậu ấy nói những điều khủng khiếp với cô ấy, trong khi NÓ cũng cố gắng hút lấy Meg để giành quyền kiểm soát bộ não của Meg. Cô cố gắng chống cự lại, nhưng rất khó khăn. Và rồi, ở phút cuối cùng, cô nhận ra thứ duy nhất có thể đánh bại NÓ: tình yêu. NÓ không hiểu tình yêu.”

“Ồ,” chị Belle thốt lên, “Thật sâu sắc.”

“Vì thế nên Meg đứng đó và suy nghĩ xem cô yêu em mình đến mức nào - người em trai *thật sự* của cô chứ không phải người em đang bị NÓ kiểm soát, người đang đứng đó với cái miệng mở rộng và đôi mắt xoay tròn. Cô ấy bắt đầu hét lên nhiều lần là cô ấy yêu cậu ấy, và thế là... *Bùm*, cậu ấy trở lại thành chính mình. Đó là cách cô ấy cứu em trai. Mọi chuyện hóa ra rất đơn giản.”

Chị Belle khiến tôi ngạc nhiên: “Ừm... yêu một người thì đơn giản nhưng rất khó biết khi nào mình nên nói ra điều đó.”

Vì lý do gì đó, câu nói của chị Belle khiến tôi muốn khóc. “Dù sao đi nữa,” tôi nói, “Họ thành linh quay trở về nhà. Họ đáp xuống vườn rau bên ngoài ngôi nhà, trên đám bông cải xanh. Thế là hết chuyện.”

Dĩ nhiên tôi không thể không nghĩ đến những gì Marcus đã nói, rằng nếu họ về nhà năm phút trước khi đi thì lúc đi hẳn họ đã phải nhìn thấy mình đang quay về trước khi họ nhận ra là mình đã đi. Nhưng tốt hơn không nên kéo chị Belle vào cuộc tranh luận này.

Tác giả truyện tên gì?

Tôi đánh vần tên tác giả cho chị.

Có vài khách hàng bước vào, chị Belle chạy ra bán hàng. Trong khi đó tôi đi vẩn vơ quanh cửa hàng. Tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ trộm vài trái nho, nhưng chúng trông cũ và dập. Tôi mở tủ lạnh lấy một chai sữa chocolate, kiểm tra ngày hết hạn của nó rồi mang nó đến bàn tính tiền cùng với tờ năm đô-la mà tôi đã lấy trong túi mẹ sáng hôm kia.

“Có cái này lạ lắm,” chị Belle nói, cầm tờ tiền của tôi, “Em thấy người đứng bên kia đường không?” Chị chỉ ra cửa sổ phía trước. Bên kia đường là ông-già-hay-cười đang đi tới đi lui, tiếp tục vung vẩy đá chân.

“Ông ta làm sao?”

“Ừm, xem này,” chị nâng cái khay nhựa trong ngăn kéo của máy tính tiền lên cho tôi nhìn vào. Bên dưới là những tờ tiền hai đô-la nhàu nát đầy nếp gấp.

“Vài tuần trước, đột nhiên ông ta bắt đầu đến đây mỗi ngày để mua một miếng bơ trắng với một trái chuối, và ông ta luôn luôn trả tiền bằng những tờ hai đô-la.”

Tôi nhìn chăm chăm vào những tờ tiền.

“Em muốn chị lấy chúng thối tiền cho em không?” chị Belle hỏi.

Tôi gật đầu, và chị Belle đưa tiền thối cho tôi. “Xin lỗi,” chị Belle nói, vuốt phẳng những tờ tiền, “Chúng nhăn nheo quá. Em tin không, tất cả những tờ tiền ông ta đưa chị đều được gấp thành hình tam giác. Lần đầu tiên chị còn nghĩ đó không phải tiền thật nữa. Chị bảo ông ta điên rồi!

Bộ não của tôi đang làm công việc đó, nó hét vào tôi. Nó hét rằng: “*Ông-già-hay-cười* ăn trộm hộp tiền Fred Flintstone của anh Jimmy? *Ông-già-hay-cười* ư?”

“Ông ta bị điên thật,” chị Belle nói một cách trầm tư, “Nhưng có vẻ rất lịch sự. Lịch sự luôn có cái giá của nó.”

Vài phút sau, tôi ra về. Khi tôi đi ngang ông-già-hay-cười, ông ta đang giơ nắm đấm lên trời và đá chân vào dòng xe đang vội vã hướng về Đại lộ Amsterdam. Vài chiếc xe bóp còi với ông. Khi nhìn thấy tôi, ông ta chỉ tôi và kêu to: “Đứa bé thông minh! Đứa bé thông minh!”

Tôi quẳng hai viên vitamin C cuối cùng vào miệng, tưởng tượng đến cảm giác được-quấn-chắn như khi có mẹ ở bên cạnh. Và tôi điềm tĩnh đi ngang qua ông-già-hay-cười, trong đầu thầm nghĩ: “Ừm, ông ta rất lịch sự.”

Colin và Sal đang ở dưới tiền sảnh chơi ván trượt và bóng rổ. Họ làm ồn đến mức bà Bindocker ló đầu ra ngoài la lên rằng họ đang làm con mèo của bà hoảng sợ.

“Này,” Colin kêu to khi nhìn thấy tôi, “Mình *nghĩ* bạn sống trong tòa nhà này. Bạn chơi ván trượt không?” Cậu ấy nhặt tấm ván đưa cho tôi.

Tôi liếc nhìn Sal. Sal đang tỏ vẻ tập trung cao độ vào trái bóng như thể tảng bóng là một khái niệm vô cùng lý thú vừa mới được phát hiện ra vậy. Gần đây cậu ấy nghĩ ra cách vẩy tay chào tôi mà không liếc nhìn.

“Không, cảm ơn,” tôi nói, “Mình phải đi đây.”

Nhưng Colin là Colin. Nếu cậu ấy đọc được cảm xúc của bạn, cậu ấy sẽ không để lộ ra. “Mình đến nhà bạn chơi được không?” cậu ấy không dừng lại, “Bọn mình định đi chơi bóng rổ ở sau tòa nhà - bạn có đến đó chưa? Chỗ đó tuyệt lắm! Đi nhé!”

Tôi bảo Colin rằng mẹ tôi bị ốm ở trên lầu và tôi đang vội về nhà với mẹ.

“Bạn mua sữa chocolate cho mẹ à?” Colin chỉ chai sữa trong tay tôi.

“Ừ,” tôi bước lên cầu thang, “Mẹ mình thích nó” Và tôi nhảy lên lầu hai trước khi cậu ấy kịp nói thêm gì nữa.

Khi tôi mở khóa cửa, căn hộ giống như một cái ôm ấm áp - cái tủ lạnh kêu rì rì, đèn chiếu sáng phòng khách, và trong đầu tôi nghĩ “An toàn!” Tôi đi xuống bếp, mở chai sữa chocolate và lấy gói khoai tây chiên cuối cùng của bác Louisa. Những phụ nữ mang thai trong tù thể là hết hy vọng.

Bỗng chuông điện thoại reo vang.

“Xin chào?”

“Có phải tòa nhà Sinclair không? Vui lòng cho tôi nói chuyện với Miranda!”

Tôi tròn mắt: “Xin chào Julia, Miranda đây!”

Đó là lần đầu tiên. Chúng tôi chỉ nói chuyện khoảng năm phút. Julia bảo mẹ cô có một công thức làm bánh không cần dùng bột và chúng tôi có thể làm bánh sinh nhật cho Annemarie. Không kịp suy nghĩ xem mình có thật sự muốn hay không, tôi đồng ý đến nhà Julia sau giờ học ngày mai để cùng làm bánh với cô ấy.

Ngoài trời tối hẳn. Bỗng có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa. Tôi bật dậy trên chiếc sofa. Một cái gõ cửa nhẹ là một điều bất thường. Mọi người đến nhà tôi đều bấm chuông, ngoại trừ bác Louisa với tiếng gõ đều quen thuộc. Tôi sợ - những lá thư của bạn khiến tôi sợ.

Một cái gõ nhẹ nữa.

“Ai đó?” tôi gọi với ra.

Không có tiếng trả lời. Tôi nhìn qua khe cửa.

Colin đang đứng, ôm miếng ván trượt phía trước như một tấm khiên, trông cậu ấy có vẻ rất ngộ nghĩnh.

Tôi mở cửa: “Gì thế?”

Colin bước lên hai bước, đứng ngay trước mặt tôi hơi lưỡng lự một chút, rồi bỗng hôn tôi một cái. Sau đó cậu ấy đứng im chờ đợi. Rồi tôi cũng hôn lại cậu ấy. Colin mỉm cười rồi chạy biến xuống cầu thang.

Có những ngày mọi thứ đều thay đổi. Hôm ấy là một trong những ngày đó.

Những Thứ Ngọt Ngào

Mẹ Julia có cả một kệ sách dạy nấu ăn: *Nấu Ăn Không Béo, Nấu Ăn Làm Ốm, Nấu Ăn Giảm Cân...*

“Mẹ mình luôn luôn ăn kiêng,” Julia nói, cầm một cuốn sách trên kệ, “Mình nghĩ mẹ mua nhầm cuốn sách này. Thật sự nó có chữ ‘bơ’ trong đó.” Cô cười và mở túi bánh Fritos khổng lồ mà cô đã mua trên đường về nhà ra mời tôi.

Tôi lắc đầu. Tôi đã ăn nhiều lắm rồi. Tôi nói: “Mình bắt đầu làm bánh đi.”

Tôi phải gọi điện thoại cho mẹ ở công ty đến ba lần để hỏi xem một thỏi bơ là bao nhiêu muống, có thể dùng cái dụng cụ gọt khoai để gọt táo được không. Lần thứ ba tôi gọi, mẹ hỏi: “Khoan đã, Miranda. Các con có định dùng lò nướng bánh không? Có người lớn ở nhà không?”

Khi tôi nói rằng tôi nghĩ mẹ Julia có nhà dù thật sự tôi không thấy bác ấy đâu cả. Mẹ hỏi tiếp: “Nhưng bác ấy không xem các con làm à? Bác ấy đâu?”

“Mẹ bạn đâu?” tôi thì thầm với Julia.

“Mẹ đang ngồi thiền” Julia nói.

“Ở đây à?”

“Ừ... ở trong tủ. Và tuyệt đối không được làm phiền mẹ.”

“Ừm... bạn nói là mẹ bạn đang ở trong tủ à?”

Julia nhìn xuống miếng lót nôi kiểu Pháp trong tay cô. Cô nói: “Nó là một cái tủ quần áo lớn và rộng, có lối đi, giống như phòng thay đồ.”

Mẹ tôi bảo chúng tôi không được phép bật lò cho đến khi mẹ Julia ra giúp, vì vậy nên chúng tôi đặt thau bột bánh vào tủ lạnh rồi qua phòng Julia xem ti-vi.

Phòng Julia cũng đầy viên đăng-ten như phòng Annemarie - những tấm màn đăng-ten, tấm trải giường viên đăng-ten, rất nhiều gối viên đăng-ten. Sách để khắp trên sàn, một số sách chất thành đống, một số trông có vẻ mòn cũ, một số dường như mới mua, một số lật úp, một số sách đang mở trên chiếc bàn cạnh giường, kế bên chiếc đèn ngủ bằng vải màu cam.

Tôi cố gắng nghĩ ra cái gì đó để nói về đống đăng-ten này. “Cái đèn đẹp đấy!” tôi nói.

Julia chống tay ngang hông nhìn cái đèn: “Thật hả? Mình nghĩ nó xấu hoắc. Mẹ mình chọn đấy.” Cô chỉ tay quanh căn phòng: “Mẹ mình chọn tất cả những thứ này. Mẹ không cho mình treo tấm áp-phích bên ngoài vũ trụ của mình lên nữa. Mình phải treo nó trong phòng tắm!” Cô chìa ngón cái về phía một cánh cửa. *Phòng tắm cá nhân* của riêng cô.

Một cái gì đó rất quen thuộc đập vào mắt tôi. Nó nằm trên chiếc bàn cạnh giường, bên dưới cái đèn ngủ xấu xí. Nó là *cuốn sách của tôi* - hay đúng hơn là chị em sinh đôi với cuốn sách của tôi, cũng cũ kỹ và tả tơi như thế, nhưng với những nếp nhàu khác và một góc bìa bị xé. Tôi đi đến và cầm nó lên.

“Ừm,” Julia nói, “Mình thấy bạn cầm cuốn sách của bạn đi vòng vòng. Mình để cuốn sách của mình ở nhà.”

“Mình được tặng bản in đầu tiên nhân Giáng sinh đấy. Nghĩa là nó là một trong những bản đầu tiên...”

“Ồ thế à? Bạn *thật* may mắn,” Julia thốt lên, “Tất cả những gì mình có chỉ là quần áo. Và nữ trang.”

Tôi nhìn cô ấy: “Mình tưởng bạn thích mấy thứ đó?”

“Ừ, thật sự mình có thích,” cô mỉm cười, “Nhưng mình cũng thích những thứ khác nữa.” Lúc này tôi mới để ý tấm áp-phích *Những Bí Ẩn Khoa Học* của Julia đang dựa vào tường. Tấm áp-

phích của cô có tựa đề “Có Cuộc Sống Thông Minh Ngoài Không Gian Hay Không?” Những chữ hoa của Julia trông đẹp hơn chữ của tôi rất nhiều.

Julia ngồi phetch xuống tấm thảm hồng xù xì phủ kín sàn, liếc nhìn chiếc đồng hồ điện tử, với tay cầm chiếc điều khiển và bật ti-vi lên. Tôi bỗng nhận ra có lẽ những buổi chiều của chúng tôi giống hệt như nhau, trừ việc tôi có thể gọi điện thoại cho mẹ bất cứ lúc nào. Căn hộ của Julia đẹp hơn căn hộ của chúng tôi nhiều, nhưng tôi dám chắc không có điện thoại trong cái tủ-thay-đồ đó.

Tôi nằm xuống tấm thảm và gác đầu lên tay. Julia nhìn tôi, nhìn lên rồi nhìn xuống: “Này, bạn biết tóc bạn màu gì không?”

“Tóc mình hả?” tôi đưa tay vuốt tóc, làm mặt hào hứng: “Màu nâu!”

Cô nhìn mớ tóc, vẻ suy ngẫm: “Không, khi bạn nhìn nó dưới ánh đèn, nó có màu caramel nhiều hơn.”

Màu caramel ư?

Lá Thư Cuối cùng

Tôi đã sắp kể đến đoạn những gì xảy ra ở góc đường. Nếu thật sự viết cho bạn một lá thư, tôi sẽ kể về phần đó rất cẩn thận.

1. Tôi đang đi bộ về một mình sau giờ học, suy nghĩ xem nên tặng gì cho Annemarie nhân ngày sinh nhật.
2. Trời hơi lạnh nhưng không lạnh lắm - bọn con trai đang tụ tập trước ga-ra đùa giỡn ồn ào như mọi khi. Thậm chí họ còn quăng khoai tây chiên vào nhau.
3. Có lẽ lớp Sal được nghỉ sớm vài phút trước lớp tôi - *cậu* ấy đang đi trước tôi một khoảng ngắn. Tôi không cố chạy theo để đuổi kịp cậu ấy.
4. Tôi nhìn cậu ấy đi ngang đám con trai ở trước ga-ra; họ nói gì đó với cậu ấy như thỉnh thoảng vẫn thế. Tôi thấy vài mẩu khoai tây chiên ném vào lưng cậu ấy.
5. Có vẻ như Sal mất kiên nhẫn. Cậu quay lại hét lên: “Im đi!” Cậu vẫn đang đội cái nón len màu xanh sẫm trùm kín trán.
6. Đám con trai chỉ cười. Tim tôi bắt đầu đập nhanh, nhưng tôi không thật sự lo rằng họ sẽ đánh Sal vì họ thường không đánh những đứa trẻ nhỏ. Chọc ghẹo thì có nhưng đánh thì không.
7. Một người trong bọn họ bước ra đẩy vào ngực Sal - không mạnh lắm, nhưng Sal lùi lại vài bước. Cậu hét lên: “Đồ điên!” Đám đông ò lên, nhưng không ai đụng đến cậu ấy nữa.
8. Sal cảm đầu tiếp tục bước về nhà.
9. Marcus bỗng xuất hiện từ phía sau cánh cửa kim loại khuất kể bên ga-ra.
10. Sal nhìn thấy Marcus và vội vàng bỏ chạy.
11. Marcus la lên: “Đứng lại!” và bắt đầu chạy theo Sal.
12. Tôi nhìn thấy ông-già-hay-cười phía bên kia, ngay góc đường. Ông ta đang đứng trong tư thế của một cái kẹp quả hạch, nhìn chúng tôi.
13. Marcus sắp bắt được Sal. Cậu ta kêu to: “Dừng lại! Đợi đã!”
14. Đó là khi tôi nhìn thấy một điều kỳ lạ xảy ra. Có cái gì đó kể bên ông-già-hay-cười, như một bộ phim cũ chớp lên vài giây rồi biến mất. Nó xảy ra giữa hai chiếc xe hơi đang đỗ, trông như một người đàn ông đang lấy tay ôm đầu. Ông ta trần truồng. Và rồi ông ta biến mất.
15. Sal vẫn tiếp tục chạy. Marcus vẫn tiếp tục chạy. Và tôi bắt đầu chạy.
16. “Này, này... cậu!” Marcus kêu lên. Hẳn nhiên cậu ta đã quên mất tên Sal.
17. Sal ngoái đầu nhìn về sau và bắt đầu chạy nhanh hơn. Cậu ấy đã chạy gần tới góc đường. Xe cộ qua lại như mắc cửi trên Đại lộ Amsterdam.
18. “Sal!” tôi gào lên, “Dừng lại!” Nhưng cậu ấy không dừng lại.
- “Dừng lại!” Marcus kêu to, “Tôi muốn...” rồi bỗng cậu ta nhận ra rằng Sal đang chạy trốn chính cậu. Cậu chạy chậm lại: “Này, coi chừng đấy!”
19. Sal bước xuống đường, vẫn tiếp tục chạy và ngoái lại nhìn.
20. Tôi bắt kịp Marcus. Tôi nghĩ cả hai chúng tôi đều nhìn thấy chiếc xe tải cùng một lúc. Đó là một chiếc xe tải lớn, đang chạy rất nhanh.
21. “Dừng lại!” Marcus kêu thét lên. Cậu ta chỉ vào chiếc xe tải với cả hai tay: “Coi chừng! Coi chừng!”
22. Tôi không biết người lái xe tải đang làm gì - xem danh sách giao hàng hay nghe radio - nhưng ông ta không thấy Sal ở giữa đường, và ông ta không chạy chậm lại.

23. Tôi bắt đầu hét lên và bịt tai lại. Tôi luôn luôn bịt tai lại mỗi khi không muốn chuyện gì đó xảy ra, giống như tôi làm rớt một cái ly và không muốn nó bị vỡ. Tôi thường thắc mắc tại sao tôi không bịt mắt hay bịt miệng, hoặc cố thử chụp cái ly lại.

24. Tôi thấy Sal quay đầu lại, và tôi biết chính xác khi nào chiếc xe tải sẽ đâm vào cậu ấy. Nó thật sự đã gần lắm rồi. Bước tới nữa là sẽ bị đụng. Sal đang chạy quá nhanh nên không thể dừng lại được. Dừng lại ngay lập tức thì có thể có cơ may sống sót, nhưng cậu ấy không thể.

25. Đầu tôi kêu ong ong: “Sal sắp chết!”

26. “SAL SẮP CHẾT!”

SAL
SẮP
CHẾT.

28. Đột nhiên, ông-già-hay-cười xuất hiện giữa đường, giơ chân phải lên đá một cú thật mạnh.

29. Chân ông ta đá trúng người Sal.

30. Sal bay ngược về phía sau, ngã ào xuống đất.

31. Chiếc xe tải đâm vào ông-già-hay-cười.

32. Marcus ngồi bệch xuống đất và òa khóc như thể không còn có ngày mai. Khóc thật nức nở.

33. Tôi chạy đến chỗ Sal đang nằm bất động với cánh tay kẹp bên dưới người một cách bất bình thường. Sal! tôi gào lên, Sal! Trông cậu như thể chết rồi.

34. Chiếc xe tải thảng một tiếng rít dài ghê rợn, và người tài xế chạy xuống xô tôi khỏi Sal.

35. Ai đó (sau này tôi mới biết đó là chị Belle) kéo tôi đi ngang một cái đồng khủng khiếp giữa đường và kêu to: “Đừng nhìn! Đừng nhìn! Đừng nhìn!” Chị kéo lê tôi qua đường và thả tôi xuống kế bên thùng thư ở góc đường, rồi chị quay lại chỗ người tài xế đang cúi xuống bên cạnh Sal, làm gì đó với cậu ấy. Có một chiếc giày lật úp dưới chân tôi.

36. Tôi nhìn rồi lại nhìn chăm chăm vào chiếc giày. Đó là một chiếc giày màu đen có đế độn cao khoảng năm xen-ti-mét. Đó là một chiếc giày của chú Richard.

37. Mọi thứ bắt đầu quay cuồng. Tôi nhắm mắt lại dựa đầu vào thùng thư kim loại lạnh lẽo. Khi mở mắt ra, tôi nhìn chăm chăm vào bốn chữ cào nguệch ngoạc trên lớp sơn màu xanh dương của thùng thư. Bốn chữ viết chồng lên nhau:

Sách
Bao
Túi
Giày

38. “Sách,” “Bao,” “Túi,” “Giày.” Tôi đọc đi đọc lại những chữ này. Và rồi trong đầu tôi bỗng nhìn thấy một bức tranh. Tôi nhìn thấy cuốn sách mà tôi mượn ở thư viện với lá thư đầu tiên của bạn dính lên đó. Tôi nhìn thấy một bao bánh mì che giấu lá thư thứ hai của bạn. Tôi nhìn thấy lá thư thứ ba được rút ra từ trong túi áo khoác cùng với đồng khăn giấy dơ của mùa đông năm ngoái. Và rồi tôi nhìn xuống chiếc giày lật úp dưới chân mình. Chiếc giày bị trộm từ căn hộ của chúng tôi.

39. Tôi cúi xuống, nhặt nó lên và từ từ lật nó lại. Bên trong là một mẫu giấy nhỏ cứng giòn giống như ba mẫu giấy trước:

Đây chính là câu chuyện mà tôi cần bạn kể. Câu chuyện này và mọi thứ khác dẫn đến nó.

Hãy giao lá thư của bạn bằng tay. Bạn biết phải tìm tôi ở đâu.

Xin lỗi vì những hướng dẫn ngắn gọn này. Chuyển đi thật khó khăn; tôi không thể mang theo cái gì cả, và một người chỉ có thể mang chừng đó giấy trong miệng.

40. Tôi nghe tiếng Sal khóc. Tôi nhìn lên. Người tài xế xe tải đang quỳ kế bên Sal, lảm nhảm: “Cảm ơn Trời, cảm ơn Trời, cảm ơn Trời, quả là một phép màu.”

41. Bên kia đường tôi nhìn thấy Marcus, vẫn đang cúi gập người khóc nức nở. Tôi có thể thấy người cậu ta run lên. Phía sau cậu ta là đám con trai ở ga-ra, đứng yên sững sờ đến mức trông họ như một bức tranh.

42. Sal không chết. Ông-già-hay-cười đã cứu mạng cậu ấy.

43. *Bạn* đã cứu mạng Sal.

44. Bạn là ông-già-hay-cười.

45. Bạn là cái đồng khủng khiếp giữa đường.

46. Bạn đã chết.

Những Điều Khó Khăn

Tối hôm đó, chú Richard ở nhà với tôi trong khi mẹ ở bệnh viện với bác Louisa. Sal bị gãy một tay và ba chiếc xương sườn. Cậu ấy phải nằm lại bệnh viện để theo dõi.

Chú Richard đã gọi bánh pizza. Chú hỏi: “Cháu có muốn nói chuyện không?”

“Dạ không,” tôi đáp, “Chắc là để sau đi.”

Chú gật đầu: “Khi nào muốn nói chuyện thì gọi chú nhé.”

Sau bữa ăn tối, tôi đóng cửa phòng và bày những lá thư của bạn lên giường. “Suy nghĩ đi,” tôi tự nhủ, “Suy nghĩ đi, suy nghĩ đi, *suy nghĩ đi!*” Tôi lấy những sợi dây ra, thắt nút, cởi nút, rồi lại bắt đầu thắt nút.

Chuyến đi rất khó khăn. Tôi sẽ không còn là tôi khi đến với bạn nữa.

Chuyến đi rất khó khăn và tôi phải nói hết những yêu cầu của mình trong khi đầu óc còn minh mẫn.

Và điều lạ nhất là: *Chuyến đi thật khó khăn; tôi không thể mang theo cái gì cả, và một người chỉ có thể mang chừng đó giấy trong miệng.*

Tôi sờ những tờ giấy, tất cả đều nhỏ và giòn. Bạn đã mang chúng *trong miệng* ư?

Chuyến đi rất khó khăn.

Khó khăn đến mức khiến một người bị rối loạn tâm thần và ra đường đứng lảm nhảm sao? Chuyến đi gì mà khó khăn đến thế với một người? Ai lại muốn có một chuyến đi như thế?

Đầu tôi lại bắt đầu kêu ong ong: “Và tại sao? Tại sao, tại sao, *tại sao?*”

Để cứu Sal. Đó là lý do tại sao bạn đứng ở góc đường đó ngày này qua ngày khác. Đó là lý do tại sao bạn luôn đá ra đường - bạn đang *luyện tập*. Tất cả là để cứu Sal. Bởi vì, bằng cách nào đó, bạn biết.

Du hành xuyên thời gian là có thể, Marcus nói thế. Trên lý thuyết.

Tôi đến để cứu mạng một người bạn của bạn, và cứu chính tôi.

“Chà,” tôi nói to, “Bạn đã cứu mạng Sal, nhưng bạn đã thất bại thê thảm với mục tiêu thứ hai.”

Chú Richard gõ cửa. Tôi giật bắn mình.

“Xin lỗi,” chú nói, “Chú không định làm cháu sợ. Chú nghĩ cháu muốn ra ngoài ăn chút nho.”

Chú Richard mang nho đến cho tôi. Chúng tôi xem ti-vi và ăn một tô nho lớn ngon lành nhất thế giới. Chắc chắn chúng không phải từ cửa hàng của chị Belle.

Thật tuyệt khi ngồi xem ti-vi chung với chú Richard. Tôi không còn tự dằn vò mình với những câu hỏi nữa. Tôi thấy chú Richard nhìn tôi vài lần, nhưng chú không nói gì. Và như thế cũng tốt.

Khi tôi gần ngủ gục trên chiếc sofa, chú Richard tắt ti-vi và bảo tôi đi ngủ. Nhưng khi mọi thứ trở nên tĩnh lặng thì tôi không thể ngủ được. Những lời thư của bạn văng vất trong đầu tôi.

Hãy giao lá thư của bạn bằng tay. Bạn biết phải tìm tôi ở đâu.

Bác Louisa bảo tôi rằng một số người già ở nhà an dưỡng chết đi mà không có gì để lại và cũng không ai thân thích. Bác nói họ được chôn cất ở một hòn đảo đâu đó ở phía bắc Manhattan. Tôi nghĩ có lẽ đó cũng là nơi mà bạn sẽ đến.

Tôi vẫn còn lo lắng và cảm giác hơi lạnh khi cửa phòng tôi mở ra. Mẹ bước vào ngồi xuống cạnh giường.

“Sal sẽ ổn thôi,” mẹ thì thầm, vòng tay ôm tôi, “Các xét nghiệm làm xong rồi. Có lẽ sáng mai cậu

ấy sẽ được về nhà.”

Tôi không nói gì. Tôi sợ rằng nếu nói thì tôi sẽ nói quá nhiều - tôi sẽ nói tất cả về những lá thư, về chiếc giày của chú Richard, những tờ hai đô-la, mọi thứ... Và tôi nghĩ nếu tôi nói với mẹ thì có lẽ Sal sẽ gặp chuyện gì đó không may. Vì vậy nên tôi chỉ rúc vào cánh tay mẹ. Và mẹ ngồi yên cho đến khi tôi ngủ thiếp đi.

Những Thứ Được Hàn Gắn

Tối hôm sau, sau khi ăn tối, mẹ dắt tôi đi thăm Sal và bác Louisa ở tầng dưới. Thật lạ khi bước vào đó, nơi mà tôi biết rất rõ nhưng lại không ghé đến khá lâu rồi - cảm giác như lần đầu tiên nhìn lại gương mặt của chính mình trong gương sau nhiều tháng trời.

Sal đang ngồi trên giường với một tay bó bột. Mẹ cẩn thận ôm hôn cậu, sau đó mẹ và bác Louisa ra bếp nói chuyện. Bác Louisa đã kéo một cái bàn đến bên trái giường để cậu ấy có thể với đến bằng cánh tay còn khỏe. Trên bàn có một đồng tạp chí và vài gói bánh kẹo.

“Ồ,” tôi nói, “Kẹo Tootsie Pops phải không? Mẹ bạn đúng là tâm lý!”

Sal mỉm cười, nhìn thẳng vào mắt tôi: “Hôm qua ở bệnh viện mẹ còn mua cho mình đồ ăn McDonalds nữa.”

“McDonald’s à?” tôi kêu lên. Bác Louisa luôn nghĩ rằng McDonald’s là một âm mưu khổng lồ chống lại sức khỏe của toàn nước Mỹ. “Thế sao bạn chưa *chết*?”

Câu đùa đó hơi quá gần sự thật vừa xảy ra. Sal cười, nhưng tôi cảm thấy mình đỏ mặt.

Với cánh tay còn khỏe, Sal lục lọi túi kẹo Tootsie Pops trên bàn, tìm một cây kẹo màu tím đưa cho tôi. Cậu nói: “Nho đấy.”

“Chà, bạn còn nhớ à?”

Câu đùa đó cũng hơi quá gần sự thật. Tôi cảm thấy đầu mình râm ran và chắc chắn tôi lại đang đỏ mặt một lần nữa.

“Mình nhớ mọi thứ,” Sal nói một cách nồng nhiệt. Dường như cậu ấy đang rất vui vẻ. Có vẻ như cậu ấy cũng quên mất rằng chúng tôi không còn làm bạn với nhau nữa.

“Thật sao?” tôi vừa nói vừa mở cây kẹo ra, “Thế bạn có nhớ vì sao bạn không thích mình nữa không?” Tôi ngạc nhiên với chính mình khi đặt ra câu hỏi đó, nhưng khi đã hỏi, tôi thật sự muốn biết câu trả lời.

“Mình vẫn thích bạn mà! Dĩ nhiên là mình vẫn thích bạn. Mình chỉ muốn... mình không biết... có lẽ là nghỉ ngơi một thời gian... chà... nghỉ ngơi!” cậu khoát tay, “Bạn hiểu không?”

“Nhưng tại sao? Mình đâu phải là người đánh bạn đâu?”

Cậu lắc đầu: “Đánh mình là sao? Bạn đang nói chuyện gì thế?”

“Thế bạn nghĩ mình đang nói chuyện gì? Cái ngày Marcus đánh bạn ấy. Cái ngày mà bạn bị chảy máu ướm chiếc áo Yankees xanh - và đóng sầm cửa trước mặt mình!”

“Khoan, Marcus là ai?”

Tôi bỗng nhận ra mình thật ngốc - đừng bao giờ bảo Sal rằng Marcus là một người tốt. Tôi nhớ đến cái ngày tôi thấy Sal ngồi xuống giả vờ cột dây giày. Có lẽ mỗi ngày cậu ấy đều sợ gặp Marcus ở khu nhà đó. Có lẽ mỗi buổi sáng tỉnh dậy cậu ấy đều nghĩ đến điều đó. Và có lẽ tôi đã có thể làm gì đó để giúp cậu ấy, từ lâu lắm rồi.

“Marcus là người đã đánh bạn trên đường. Người mà bạn chạy trốn ngày hôm qua...”

“Ồ,” Sal ngắt lời tôi. Cậu nhìn xuống chân. Dưới chân cậu có một khối sưng cộm lên bên dưới lớp băng. “Đúng thế, cậu ta khiến mình hoảng sợ. Cậu ta ghét hay thù hằn mình cái gì đó.”

“Cậu ấy không ghét bạn,” tôi nói, “Thật sự không có. Mình nghĩ hôm qua cậu ấy chỉ cố gắng xin lỗi thôi.”

Sal nhún vai. “Nếu bạn nói thế...,” cậu nhìn tôi, “Nhưng chuyện đó không có gì liên quan đến bọn mình cả.”

“Nhưng cái ngày Marcus đánh bạn - đó là ngày mà bạn không muốn chơi với mình nữa. Bạn

không còn...”

Sal lắc đầu: “Không. Từ trước đó cơ.”

Và tôi lặng lẽ nhủ thầm: “Có nhớ không? Có nhớ những lần vào tháng Chín, khi Sal không xuất hiện sau giờ học để cùng về với mình nữa? Có nhớ những lần cậu ấy bảo không có tiền để ra ngoài ăn trưa trong khi mình biết là cậu ấy có? Có nhớ buổi sáng mình đứng chờ cậu ấy dưới tiền sảnh cho đến khi gần như chắc chắn sẽ trễ học, lên nhà bấm chuông mới biết là cậu ấy đã đi trước rồi?”

Và tôi nhớ ra một điều khác nữa. Tôi nhớ khi tôi đang chạy qua đường Broadway, mang tấm áp-phích *Bí Ẩn Khoa Học*, nhìn thấy Sal ở bên kia đường, kêu to bảo cậu ấy đợi. Và cậu ấy đứng lại đợi. Sau đó tôi hỏi tại sao cậu ấy không đứng ở chỗ hẹn bình thường của chúng tôi ở trường, cậu ấy chỉ nhìn xuống chân lẩm bầm gì đó, rồi chúng tôi cùng đi về phía Amsterdam trong im lặng tuyệt đối. Cho đến khi Marcus đánh cậu ấy.

Ngày hôm đó Sal đã đi về trước không đợi tôi. Và đó không phải lần đầu tiên.

Nhưng hôm nay cậu ấy ở đây, nhìn thẳng vào mắt tôi. Và chúng tôi cảm thấy như thể là *chính mình*. Tôi hỏi: “Vậy khi nào chúng ta mới trở lại bình thường được?”

“Đó là vấn đề, Mira. Chuyện đó *không* bình thường. Mình không có một người bạn nào khác cả! Không có những người bạn thật sự.”

Mình cũng không! Tôi muốn nói to lên như thế. Và tôi bỗng nhận ra - đó là tất cả những gì cậu ấy muốn nói. Chúng tôi chỉ có nhau mà thôi. Mọi chuyện đã như thế từ lâu rồi.

Cậu ấy vẫn đang nói: “Ý mình là, bạn có nhớ tuần thứ hai ở trường, khi bạn bị ốm không? Cả tuần đó mình chỉ chơi một mình. Suốt tuần. Một mình đi ăn trưa, một mình sau giờ học... Bạn đừng hiểu lầm, nhưng đôi khi mình muốn chơi đùa với bọn con trai.” Sal ngáp. “Mình phải uống thuốc,” cậu nói, “Vì cái tay ấy. Nó khiến mình buồn ngủ.”

“Bạn chỉ cần *nói* với mình thôi mà,” tôi nói, “Bạn chỉ cần nói trước tất cả những điều này với mình. Mình nghĩ bọn mình nói với nhau mọi thứ.”

“Không phải mọi thứ,” Sal lơ mơ nhìn tôi, “Dù sao, mình cũng cố ra dấu với bạn nhưng bạn không hiểu.”

Mẹ và bác Louisa bước vào. Bác Louisa bảo Sal: “Mẹ nghĩ chắc con mệt rồi.” Bác quay sang mẹ: “Thuốc giảm đau ấy mà! Nó uống thuốc, nói huyền thuyên cả hai mươi phút, sau đó thì buồn ngủ, y như một cái đồng hồ.”

Bác ôm tôi thật chặt khi chúng tôi ra về. Bác nói: “Bác rất mừng vì hai đứa có dịp nói chuyện với nhau.” Và tôi tự hỏi không biết có phải bác đã cố ý dành hai mươi phút đó cho tôi hay không.

Những Thứ Bạn Bảo Vệ

Cô Bánh-xe chưa xong việc. “Tôi vẫn còn đang làm việc với cái danh sách đó,” cô nói, đẩy vài cây kẹo trên bàn sang cho tôi, “Em ngồi đi. Tôi sẽ xong ngay đây.”

Như thế cũng tốt. Hai ngày kể từ sau vụ tai nạn, tôi nghĩ về những lá thư của bạn hàng ngàn lần và ít nhất cũng rất nhiều lần cố gắng đẩy hình ảnh cơ thể bạn đang nằm trên đường ra khỏi đầu. Tôi không ngủ được và tôi rất mệt.

Cái kẹo Bit-O-Honey vừa tan trong miệng tôi thì có hai cảnh sát bước vào văn phòng.

Cô Bánh-xe ngẩng lên: “Tôi có thể giúp gì cho các anh?”

“Trường có em nào tên là Marcus Heilbroner đang theo học không?”

Mặt cô vẫn bình thản: “Tôi nghĩ là có. Nhưng thầy hiệu trưởng không có đây, và...”

“Không sao. Chúng tôi chỉ cần nói chuyện một chút với Marcus Heilbroner. Có vẻ như cậu ta thích chơi rượt bắt ngoài đường, và chúng tôi cần nói chuyện với cậu ta về việc đó. Phòng nào thế?”

Cô gái đầu: “Tôi không... Tôi không chắc lắm... Tôi sẽ kiểm tra xem.”

Tôi bắt đầu hoảng sợ. Cô Bánh-xe biết tất cả mọi học sinh trong trường, và cô biết rõ họ học ở lớp nào, phòng nào mà không cần suy nghĩ. Tôi nhận ra cô đang lo sợ cho Marcus.

Tôi nhìn vào lưng hai người cảnh sát và nghĩ đến những điều mẹ kể, về những người bị bắt vào tù, và một số người trong họ không bao giờ còn được như trước nữa. Tôi không thể để điều đó xảy ra cho Marcus. Tôi nghĩ đến cảnh cậu ấy run rẩy đứng khóc bên vệ đường sau tai nạn, cậu đã cố gắng ngăn cản Sal khi chiếc xe tải chạy tới như thế nào, và cậu không hề biết rằng Sal hề nhìn thấy cậu là bỏ chạy.

“Em muốn dùng điện thoại,” tôi nói với cô Bánh-xe.

“Cái điện thoại này à?” cô đặt bàn tay nặng nề lên trên, “Không.”

“Cô làm ơn!” tôi nói.

“Không.” Cô nói cộc lốc rồi kéo một ngăn kéo đầy những tấm thẻ ra và bắt đầu tìm kiếm trong khi hai viên cảnh sát đứng nhìn.

“Xem nào,” cô nói, “Hillerman, phải không? Cậu ta học lớp nào nào?”

Hai cảnh sát nhìn nhau. “Heilbroner,” một người nói, “Cô có danh sách theo thứ tự bảng chữ cái không?”

“Dĩ nhiên!” cô nói, “Nhưng nó nằm đâu đó ở đây...”

Cô lặn cái ghế đến tủ hồ sơ ở bức tường phía sau.

Tôi rời văn phòng một cách bình thường. Nhưng ngay khi đến khúc quẹo, tôi nhảy lên và cầm đầu chạy thẳng đến cuối hành lang. Trong đầu tôi nghĩ đến chiếc điện thoại màu trắng ở phòng nha sĩ.

Chú nha sĩ đang ngồi thư giãn trên ghế, trông có vẻ thoải mái với tách cà phê và tờ báo.

“Chào Miranda,” khi thấy tôi, chú ngồi thẳng lên, “Cháu có danh sách bệnh nhân chưa?”

“Cháu mượn điện thoại được không?” tôi nói to, “Khẩn cấp!”

Chú nha sĩ có vẻ ngạc nhiên nhưng vẫn gật đầu: “Được, cháu dùng đi!”

Tôi gọi cho mẹ ở công ty.

“Mẹ giúp con với,” tôi nói, “Cảnh sát đang ở trường và con nghĩ một người bạn con sẽ bị bắt.”

“Nhưng tất cả các luật sư đều đang ở tòa án” mẹ nói.

Tôi bắt đầu khóc: “Mẹ đến được không, mẹ? Ngay bây giờ?”

“Mẹ hả?” mẹ ngẩn ra một chút rồi nói, “Được, mẹ đến ngay.”

Sau khi gác máy, tôi nghe chú nha sĩ hỏi với đầy vẻ quan tâm: “Có chuyện gì thế?”

“Marcus gặp rắc rối,” tôi đáp, “Cảnh sát đang ở đây và có thể họ sẽ bắt cậu ấy. Cậu ấy không làm gì sai cả. Nếu mẹ cháu đến đây, mẹ có thể giúp được.”

“Marcus là một đứa bé tốt,” chú nha sĩ điềm đạm nói, “Luôn luôn là một đứa bé tốt.” Chú gấp tờ báo lại và rút cây viết trong túi ra: “Thế nào, Miranda, cháu sẽ là trợ lý của chú sáng nay chứ?”

Tôi chạy thật nhanh đến phòng học của Marcus, nắm chặt tờ giấy của chú nha sĩ trong tay và gần như suýt lao vào lớp: “Marcus!” Tôi vẩy tờ giấy trước mặt thầy Anderson.

“Bình tĩnh nào! Chuyện gì thế?” thầy Anderson trừng mắt nhìn tôi và tôi đứng lại. Thầy kiểm tra tờ giấy: “Được rồi, Marcus, đi đi!”

Marcus gạt đầu và bắt đầu sắp xếp lại đồng sách trên bàn.

“Bỏ sách đó đi,” tôi gọi to, “Chú nha sĩ cần gặp bạn *ngay bây giờ*.”

Khi ra ngoài hành lang, tôi nói: “Bạn phải trốn đi. Cảnh sát đang ở đây và mình nghĩ là họ muốn bắt bạn đấy!” tôi định chạy về phía cầu thang.

Marcus bình tĩnh nói phía sau tôi: “Khoan đã! Có lẽ đi từ từ thì tốt hơn đấy.”

Cậu ấy nói đúng. Năm giây sau, chúng tôi đi ngang hai người cảnh sát đang trên đường đến lớp học của thầy Anderson. Họ thậm chí không buồn liếc nhìn chúng tôi.

Chú nha sĩ khóa cửa lại phía sau chúng tôi. Sau đó chú nhìn tôi: “Mẹ cháu là luật sư à?”

“Gần như thế.”

“Tốt. Thế thì chúng ta chỉ cần ngồi đây cho đến khi mẹ cháu đến.”

Các cảnh sát không đến phòng nha sĩ ngay được - họ mất một thời gian tìm kiếm. Có vẻ như không ai giúp họ cả.

Họ gõ cửa, và chú nha sĩ gọi vọng ra: “Xin lỗi, tôi đang bận. Vui lòng đợi một phút.”

Tôi tự hỏi chúng tôi sẽ làm gì khi hết một phút đó. Chú nha sĩ chỉ ngồi đó đọc báo. Marcus nhìn xuống hai bàn tay cậu. “Giá như mình mang theo cuốn sách,” cậu ấy quay sang kết tội tôi.

“Cảm ơn đấy à?” tôi nói, “Mình đang cố cứu cậu đấy!”

“Có em nào biết chuyện này là như thế nào không?” chú nha sĩ hỏi.

Marcus và tôi nhìn nhau.

“Mình đã cố ngăn cậu ta lại.” Marcus nói.

“Mình biết. Nhưng cậu ấy sợ bạn.”

Cậu ta ấn ngón tay vào ngực mình và nói:

“Sợ mình à?”

“Bạn đấm cậu ấy mà, nhớ không?”

“Mình biết,” Marcus gục xuống, hai tay ôm đầu. “Trời ạ,” cậu lẩm bẩm, “Giờ thì ông ấy đã chết. Ông già ấy. Ông ấy cũng sợ mình nữa. Có nhớ ông ấy chạy trốn mình không? Nhưng mình chưa bao giờ làm gì ông ấy cả! Mình thề đấy!” giọng cậu như vỡ ra và hai vai cậu bắt đầu run rẩy.

“Đó không phải lỗi của bạn,” tôi nói nhanh. “Ông ấy...” Nhưng tôi không biết nói gì nữa. Vì đó *một phần* cũng là lỗi của Marcus. Marcus không muốn điều đó xảy ra, nhưng nếu cậu ấy không

đuổi theo Sal, Sal sẽ không chạy xuống đường, và như thế hẳn *bạn* sẽ còn sống?

Chú nha sĩ nhìn chúng tôi: “Tốt hơn đừng nói chuyện.” Chú nhìn về phía cánh cửa.

Thời gian chậm chậm trôi qua. Các cảnh sát đứng đợi, gõ cửa, tiếp tục đợi, nói chuyện gì đó qua điện đàm, lại gõ cửa, rồi họ biến mất và quay lại gõ cửa tiếp. Sau đó họ bắt đầu kêu to những câu như: “Tốt hơn cậu ta nên có mặt trong đó khi ông mở cửa đấy, bác sĩ.”

Và chú nha sĩ nói to điều gì đó về sự gây mê và thời gian khô bột, và chú chỉ có hai tay. Những điều đó không có ý nghĩa gì lắm.

Marcus nhìn chăm chăm xuống sàn. Đến lúc này tôi mới để ý là sàn nhà cũng được lát bằng những viên gạch lục giác trắng như phòng tắm ở nhà tôi. Trong đầu tôi sắp xếp các hình lục giác thành những hình thù và những bông hoa. Việc đó mang lại cảm giác thoải mái lạ lùng.

Rồi bỗng Marcus lặng lẽ nói: “Mình có một người anh tên là Anthony.”

Tôi nhìn cậu ấy.

“Mình muốn bạn biết vì sao mình đánh bạn của bạn vào ngày hôm đó.”

“Sal. Cậu ấy tên là Sal. Bạn không bao giờ nhớ tên ai cả à?”

Chú nha sĩ ra dấu suýt hai chúng tôi.

Marcus hạ thấp giọng: “Ngày hôm trước ngày mình đánh Sal, anh Anthony nói gì đó về bạn gái của một người nào đó trong họ. Mình nghĩ anh ấy chỉ đùa thôi. Nhưng người đó lôi anh ấy lên một chiếc xe và đánh anh ấy tới tấp...”

Tôi nhớ. Tôi và Sal đã băng qua đường để tránh cuộc ẩu đả đó. Anh của Marcus chính là người đã cố thoát khỏi nắp xe nhưng vẫn bị đánh liên tục. “Mình nghĩ mình có thấy,” tôi nói, “Anh bạn đội một cái nón phải không?”

Marcus gật đầu: “Ừ, lúc nào anh ấy cũng đội cái nón đó.”

“Thế bạn làm gì?”

“Không làm gì cả. Mình chỉ tựa cửa đứng nhìn. Sau đó, anh Anthony bảo mình: ‘Em có nghĩ tới chuyện đứng lên không? Giúp anh?’ Anh ấy nói như thể bọn mình không phải anh em gì cả.”

“Những người đó to con hơn bạn mà,” tôi nói.

Marcus lắc đầu: “Không phải thế. Mình không sợ. Chỉ là mình không nghĩ mình... liên can đến những chuyện đang xảy ra. Đôi khi mình nghĩ về cái gì đó và không để ý rằng mình đã đi qua ngôi nhà của chính mình. Những người đó không xem mình là bạn họ. Vì mình không phải là bạn họ.

“Anh Anthony bảo mình: ‘Một ngày nào đó, em sẽ phải đánh ai đó, và em sẽ bị đánh. Rồi em sẽ thấy. Có thể. Có thể em sẽ hiểu đời hơn chút nữa.’ Và mình muốn hiểu đời hơn. Để hiểu *người* nhiều hơn. Vì vậy nên ngày hôm sau, mình đánh Sal. Rồi mình đứng đó như một thằng ngốc và đợi cậu ấy đánh lại mình. Nhưng cậu ấy chỉ gập người xuống khóc mà thôi. Và mình không biết làm gì cả. Thế nên mình bỏ đi. Lúc đó anh Anthony kêu lên: ‘Có chuyện gì thế?’ Và sau đó, ở nhà, anh ấy bảo: ‘Tại sao em đánh những đứa nhỏ hơn làm gì? Em không biết gì cả à?’ Anh ấy bảo mình hết thuốc chữa rồi.”

Tôi cố gắng suy nghĩ xem nên nói gì thì Marcus bỗng nhìn tôi với đôi mắt mở to: “Này, bạn chính là người mang tấm áp-phích đó à?”

Tôi mở miệng: “Giờ bạn mới nhớ hả?”

Marcus gật đầu: “Tấm áp-phích thú vị đấy. Lúc nào mình cũng thắc mắc về cái ngáp. Mình đã đọc một bài viết...”

Tiếng guốc lộp cộp quen thuộc vang lên, tiếng guốc của mẹ. Tôi suýt Marcus và áp tai vào cửa dù chú nha sĩ vậy tôi quay lại.

“Tôi làm việc ở công ty luật Able and Stone,” tôi nghe tiếng mẹ nói, “Tôi có thể giúp gì cho các anh không?”

“Chỉ khi cô có chìa khóa cánh cửa này thôi”, một trong hai cảnh sát cầu nhàu.

Mẹ vẫn tiếp tục: “Tôi đã nói chuyện với thư ký trường. Tôi biết các anh muốn nói chuyện với một học sinh tên là Marcus Heilbroner.”

“Đúng thế.”

“Cậu Marcus Heilbroner, chắc hẳn các anh đã biết, là một người vị thành niên. Chúng ta có thể mượn văn phòng hiệu trưởng vài phút để các anh tóm tắt cho tôi biết những luận lý của các anh. Nhưng dĩ nhiên các anh không thể nói chuyện với em Marcus Heilbroner cho đến khi cha mẹ em ấy được thông báo về điều này. Các anh vui lòng theo tôi chứ?”

Một trong hai cảnh sát chửi thề, nhưng người còn lại nói: “Được rồi. Chúng ta không làm được tích sự gì ở đây cả.” Và cả ba người bước đi.

“Cảm ơn Trời,” chú nha sĩ thở hắt ra. Marcus đứng lên, nhưng chú nha sĩ nói: “Ngồi xuống đi. Bà ấy chưa thoát khỏi họ đâu.”

Khoảng mười lăm phút trôi qua trong khi Marcus nhìn xuống sàn nhà, chú nha sĩ đi vòng vòng, còn tôi ngồi nhìn ra cửa sổ. Cuối cùng tôi nghe tiếng mẹ quay lại.

“Họ đi rồi,” mẹ gọi, “Mở cửa đi nào.” Tôi tung cửa ra. Mẹ đứng đó với mái tóc cột phía sau, mặc chiếc váy len màu xám và chiếc áo cộc tay có thêu phù hiệu của công ty.

Tôi bay đến, vòng tay ôm chầm lấy cái thắt lưng nhỏ bé của mẹ, làm mẹ suýt ngã.

Tôi cảm thấy tay mẹ xoa đầu tôi. “Làm rõ chuyện này xem nào. Ai nói trước?”

Những Thứ Xếp Hàng

Hóa ra chính chị Belle đã báo cảnh sát về Marcus. Chị ấy nhìn thấy mọi việc từ cửa sổ cửa hàng và nghĩ rằng Marcus cố ý rượt Sal xuống đường. Vì thế nên mẹ có thể sắp xếp lại mọi việc. Mẹ lấy lời khai của Sal, cậu phải ký bằng tay trái vì tay phải bị bó bột, lời khai của tôi và của chị Belle. Và vào tuần tiếp theo, các cảnh sát bỏ qua mọi chuyện. Mẹ phải mặc quần áo như người-lớn trong ba ngày liên tục.

“Em biết không, em mặc đồng phục đẹp kinh khủng,” chú Richard bảo mẹ.

Tôi nghĩ mẹ sẽ cho chú một bài diễn văn nhưng mẹ chỉ nắm tay chú và nói: “Cảm ơn. Cậu nói đó từ miệng anh nghe rất ý nghĩa đấy, Ngài Hoàn Hảo ạ.” Trông mẹ có vẻ rất hạnh phúc, và ngay lúc đó dường như hiển nhiên là họ sẽ cưới nhau. Nhưng mẹ vẫn không giao chìa khóa cho chú.

Và rồi mẹ treo bộ áo đó vào tủ. Tôi cất tất cả những lá thư của bạn vào cái hộp dưới gầm giường và không nhìn lại chúng nữa. Annemarie có một bữa tiệc sinh nhật với hai cái bánh, một cái cực dở do tôi và Julia làm, và một cái cực ngon do cha cô ấy làm.

Thời gian trôi qua. Annemarie và Julia giúp tôi làm cái sân chơi trên Đường Chính, và dự án vật thể bay không xác định của Julia cuối cùng cũng được Jay Stringer ký duyệt. Tôi trở thành người bạn đi vệ sinh chung với Alice Evans - chúng tôi nghĩ ra một dấu hiệu bí mật để Alice không phải vịn vịn trên ghế nữa. Tôi và Marcus vẫy tay chào nhau và thỉnh thoảng nói chuyện với nhau, trừ khi cậu ta không để ý thấy có tôi ở đó, và phân nửa thời gian là thế. Vào đầu tháng Ba, chúng tôi bắt đầu tập bài hát tốt nghiệp. Colin hôn tôi thêm vài lần nữa, và tôi nghĩ Jay Stringer đang tìm cơ hội để hôn Annemarie. Tôi không nghĩ có ai dám hôn Julia.

Sau khi tháo bột, Sal bắt đầu chơi bóng rổ lại ở phía sau hẻm. Vài lần tôi vẫy tay với cậu ấy từ trên cửa sổ và một lần cậu ấy hét lên bảo tôi xem cậu ấy biểu diễn ba bước ném bóng. Cậu ấy phải xếp hàng đợi khoảng năm phút để đến lượt mình nhưng lại ném hỏng. Dù sao tôi vẫn vỗ tay và cậu ấy cúi chào điệu nghệ.

Tôi cố quên đi ông-già-hay-cười. Tôi muốn nói là tôi cố quên bạn. Nhưng không được, vẫn còn một thứ chưa giải quyết xong: lá thư mà tôi phải viết.

Đây chính là câu chuyện mà tôi cần bạn kể.

Hãy giao lá thư của bạn bằng tay. Bạn biết phải tìm tôi ở đâu.

Tôi không thể quên được. Thật sự, cố gắng quên đi cũng giống như đang nhớ lại. Nhưng dù sao tôi cũng vẫn cố quên, và cố phớt lờ một thực tế là tôi luôn nhớ đến bạn.

Và rồi, ba tuần sau, mẹ nhận được tấm thiệp từ ban tổ chức trò chơi truyền hình *Kim Tự Tháp* 20.000\$.

Ngày 27 tháng Tư: Trường quay TV-15. Bằng chứng cuối cùng.

Đó là lúc tôi chính thức bỏ cuộc. Tôi sẽ không cố gắng quên bạn nữa. Đó cũng là lúc tôi bắt đầu suy nghĩ lại toàn bộ câu chuyện này. Tôi đã nghĩ về câu chuyện trong đầu mình, và bây giờ tôi tự hỏi có nên viết nó ra không, mặc dù bạn đã chết và có lẽ đã được chôn trên hòn đảo kia. Nếu tôi viết ra, có lẽ tôi sẽ không phải suy nghĩ về bạn nữa, một lần và mãi mãi.

Trò Chơi Kim Tự Tháp 20.000\$

Chú Richard, bác Louisa và Sal cùng đi với chúng tôi đến Trường quay ABC TV-15 để xem mẹ thử sức trong trận chiến hai mươi ngàn đô-la.

“Miranda, con lấy cho mẹ cái áo len có mấy cái nút nhỏ được không?” mẹ hỏi. Mẹ đang căng thẳng và nghe hơi lạc giọng, “Nếu trời lạnh thì mẹ sẽ không thể tập trung được.”

“Mẹ, ngoài trời có bảy độ thôi.” tôi nói.

“Chính xác. Có thể họ sẽ bật máy điều hòa nhiệt độ mà nó thường hay làm mẹ bị lạnh lắm.”

Tôi mặc áo len vào và ngấm mình lần nữa trước tấm gương trên tủ áo của mẹ. Tôi mặc một cái quần jean mới với chiếc áo sơ-mi tay dài có thêu hoa trên cánh tay mà tôi mượn của Julia. Chú Richard thậm chí còn đánh giày cho tôi bằng chiếc bàn chải đánh giày đặc biệt của chú nữa. Tôi định thử uốn tóc nhưng lại tự nhủ: “Uốn tóc để làm gì, tóc mình chẳng bao giờ quần được!” thế nên tôi thôi, không uốn tóc nữa.

Chú Richard bấm điện thoại từ dưới tiền sảnh gọi lên. Mẹ vội chạy đến trả lời: “Bọn em xuống ngay! Và chúc mừng sinh nhật nhé!” Chúng tôi đi bộ xuống dưới, dừng lại trước cửa nhà Sal và bác Louisa. Cánh cửa mở tung như thể họ đang ngồi sẵn bên trong chờ đợi chúng tôi.

“Ngày trọng đại!” bác Louisa nói như reo lên, “Ngày trọng đại, ngày trọng đại, ngày trọng đại.” Có vẻ như bác còn căng thẳng hơn cả mẹ nữa.

Tôi nhìn Sal. Cậu nhún vai nói: “Mẹ mình cứ thế suốt cả buổi sáng nay.”

Tất cả mọi người đều im lặng khi lên xe điện ngầm.

Có những người mang phù hiệu đỏ đứng ở cửa trường quay.

“Người dự thi cửa bên trái.” một người trong số đó nói, Khán giả cửa bên phải. Và bỗng nhiên tôi nhận ra đến lúc phải chia tay mẹ. Mẹ đứng im bất động, ôm chặt túi đồ. Tôi bước đến ôm mẹ, chú Richard hôn mẹ, bác Louisa nói: “Chúng tôi yêu chị!” còn Sal nhìn xuống sàn chúc mẹ may mắn.

“Mẹ sẽ thắng,” tôi nói, “Con biết chắc thế.”

“Đừng vội hy vọng,” mẹ nói, và chúng tôi nhìn mẹ biến mất sau cánh cửa.

Chúng tôi bước vào trường quay. Nơi đây trông như một nhà hát nhỏ. Trên sân khấu có những vật dụng của trò chơi Kim Tự Tháp 20.000\$: bục dẫn chương trình của Dick Clark, màn hình chiếu từ có thể quay qua quay lại trong Vòng Tốc Độ, và hai cái ghế trống đặt đối diện nhau cho Vòng Chiến Thắng. Mọi thứ trông có vẻ giả tạo và ảm đạm trong ánh sáng mờ mờ. Tôi nghĩ có lẽ chỉ cần một cú đẩy mạnh là tất cả sẽ sụp đổ.

Có rất nhiều người trong khán phòng. Chỗ của chúng tôi ở vào khoảng giữa. Đó là những cái ghế bọc nhung đỏ mà bạn phải lật lên mới ngồi được.

Một người mang tai nghe bước ra hướng dẫn khán giả khi nào nên vỗ tay và khi nào cần im lặng. Ông ta chỉ vào những cái hộp kim loại sáng đèn gắn trên trần giống như những hộp đèn chỉ lối thoát hiểm ở rạp hát, nhưng thay vì chữ Lối thoát hiểm thì nó ghi chữ vỗ tay. Ông giải thích rằng hộp đèn này sẽ nháy lên rồi tắt đi, để báo hiệu cho chúng tôi khi nào cần vỗ tay và khi nào phải ngừng. Chúng tôi phải tập luyện với ông: Vỗ tay, ngưng. Vỗ tay, vỗ tay, ngưng. Việc này thật buồn cười, nhưng bác Louisa và chú Richard tập rất nghiêm chỉnh. Tôi và Sal cười khúc khích và thách nhau vỗ tay sai nhịp.

Đèn sân khấu bật lên, và bỗng nhiên tất cả bừng sáng. Một không gian vô cùng phấn khích. Chú Richard nắm chặt tay tôi. Dick Clark bước ra chào khán giả và bác Louisa bắt đầu nói rằng bác rất thích Dick Clark, rằng ông ấy là một trong những người hấp dẫn nhất trên ti-vi, rằng bây giờ được gặp ông ấy, bác sẽ nghĩ đến ông ấy nhiều hơn nữa, rằng thật đáng ngạc nhiên khi ông ấy

đường như không hề già đi. Hôm nay trông ông ấy vẫn giống y như vào năm 1956. Bác nói sau chương trình bác sẽ hỏi xin chữ ký ông ấy cho những người già ở nhà an dưỡng, chắc hẳn họ sẽ rất mừng. Bác Louisa nói còn nhanh hơn cả bà Bindocker trong cuộc họp hàng tháng của những người thuê nhà nữa. Rồi bỗng bác im lặng. Tôi nhìn sang và thấy bác đang cắn môi.

Mọi thứ bắt đầu diễn ra rất nhanh. Nhạc nổi lên. Dick Clark làm một bộ mặt buồn cười như thể ông sợ mình sẽ bị trể. Và ông nhảy lên bục dẫn chương trình. Những người nổi tiếng bước lên sân khấu. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến tên họ cả. Tiếp theo, mẹ bước ra với mái tóc kẹp gọn gàng, trông mẹ nhỏ nhắn hơn bao giờ hết.

Nhưng mẹ rất tuyệt vời. Vòng Tốc Độ diễn ra khá đẹp. Mẹ đoán được tất cả các từ và giành được số tiền thưởng vòng một. Nhân vật nổi tiếng của mẹ không đến nổi “không có cái đầu.” Thật ra, cô ta cũng khá lạnh lẽo.

Người dự thi kia cũng khá giỏi, nhưng nhân vật nổi tiếng của ông ấy nói quá chậm và còn nói ra một phần chữ cần đoán trong khi ra gợi ý, một sai lầm quá nghiệp dư. Họ mất điểm đó và một vài điểm khác nữa. Trước khi tôi kịp nhận ra, Dick Clark đã đưa mẹ vào Vòng Chiến Thắng.

“Đây rồi,” tôi nghe chú Richard thì thầm, “Mười ngàn đô-la.”

“Mười ngàn đô-la,” tôi lẩm nhẩm, “Mười ngàn đô-la.”

Nhân vật nổi tiếng của mẹ trông rất cương quyết. Mẹ thì có vẻ lo sợ. Dick Clark mỉm cười. Ông ta là người duy nhất tỏ ra thoải mái. Ông ta trò chuyện với mẹ một chút, và tôi biết mẹ đang cố tập trung, để vén một góc tấm mạng của mẹ lên, để mẹ có thể nhìn thấy những điều quan trọng hơn. Để mẹ có thể nhìn thấy sợi chỉ.

Dick Clark vẫn đang nói, và tôi nhận ra: Chúng tôi chưa hề tập dượt phần nói chuyện. Bỗng tôi cảm thấy lo ngại. Làm thế nào mẹ có thể vén tấm mạng lên để nhìn thấy sợi chỉ thần kỳ trong khi Dick Clark cứ nói mãi về công việc ngớ ngẩn của mẹ? Tôi nhìn mẹ, cố giúp mẹ tập trung. Bác Louisa lại tỏ ra căng thẳng và lại bắt đầu thì thầm về Dick Clark: “Ông ấy không già đi. Chỉ đơn giản là ông ấy không già đi. Thật đáng ngạc nhiên.” Tôi thì lẩm bẩm như đọc thần chú: “Sợi chỉ thần kỳ, sợi chỉ thần kỳ,” và tôi nhìn mẹ chăm chăm đến nỗi hai mắt muốn nhúc lên.

Cuối cùng, Dick Clark cũng nói chuyện xong. “Đây là chủ đề đầu tiên của bạn,” ông nói, “Bắt đầu!”

Thế rồi điều lạ lùng nhất xảy ra.

Sợ Chỉ Thần Kỳ

Mẹ nhảy lên nhảy xuống. Tôi nghe tiếng reo hò và vỗ tay của hàng trăm người. Tôi được bế thốc lên và vác lên vai. Tôi được khiêng khỏi chỗ ngồi, trôi bèo bồng trên lối đi. Mọi người vỗ lưng tôi hoặc vói lên nắm tay tôi, và tôi nhìn thấy sân khấu ngay trước mắt. Tôi nhảy vài bước lên sân khấu. Ánh đèn khắp nơi, rất sáng và nóng.

Mẹ vẫn đang nhảy vòng vòng. Mẹ ôm nhân vật nổi tiếng của mình, mẹ ôm Dick Clark. Một chiếc kẹp rớt xuống, treo lủng lẳng trên tóc mẹ. Mẹ ôm tôi, người tôi nảy lên nảy xuống theo những bước nhảy của mẹ nên tôi cũng buộc phải nhảy theo.

Tôi cảm thấy vô cùng sung sướng. Tôi cười, nắm tay mẹ và cùng nhảy lên nhảy xuống với mẹ. Tôi thả mẹ ra, giơ tay lên cao và cảm thấy đám đông reo hò nhiều hơn nữa.

Tôi không hề nghĩ về tấm thảm phủ kín sàn, chiếc máy chụp hình hay chuyến du lịch Trung Quốc.

Tôi nhảy lên nhảy xuống bởi vì ngay khi Dick Clark nói “Bắt đầu,” dường như có một bàn tay vô hình vươn tới vén tấm mạng của tôi lên. Và trong một phút, tôi hiểu ra tất cả. Khi không còn tấm mạng lơ lửng trước mặt, một phút đủ lâu để nhận ra rất nhiều điều.

Tôi nhận ra khi bạn lấy chiếc chìa khóa của chúng tôi từ ống cứu hỏa, khi bạn để những lá thư lại cho tôi, khi bạn trộm đôi giày của chú Richard và hộp tiền Fred Flintstone của anh Jimmy, nghĩa là bạn đã đọc lá thư của tôi. Bạn đã đọc nó rất nhiều lần, mặc dù tôi chưa viết nó.

Đó là lý do vì sao bạn biết chiếc chìa khóa để đâu, ngay cả trước khi bạn hỏi. Đó là lý do vì sao bạn biết hết mọi thứ. Bởi vì tôi sẽ kể với bạn, trong lá thư của tôi. Lá thư mà bạn bảo tôi viết.

“Nhưng điều đó là không thể!” suy nghĩ trong đầu tôi phản đối, “Làm thế nào ông-già-hay-cười có thể đọc được một lá thư *chưa được viết*? Không hợp lý chút nào!”

Lẽ thường chỉ là tên gọi cho cách mà chúng ta thường suy nghĩ.

Du hành xuyên thời gian là có thể.

Bạn đã đến để cứu Sal. Và cuối cùng... cuối cùng... tôi đã hiểu.

Dick Clark không bao giờ già đi. Tôi nghĩ đến những gì Marcus đã nói về việc đi xem phim với cỗ máy thời gian, rằng nếu tôi đi khi tôi sáu mươi hai tuổi thì người bán vé sẽ không thể nhận ra tôi được.

Thậm chí tôi cũng không nhận ra chính mình.

Có thể Dick Clark không bao giờ già đi. Nhưng tất cả những người còn lại trong chúng ta thì sẽ già đi. Tôi sẽ già đi. Sal sẽ già đi, nhờ có bạn. Và Marcus cũng sẽ già đi.

Hãy giao lá thư của bạn bằng tay. Bạn biết phải tìm tôi ở đâu.

Tôi nghĩ đến cánh cửa kim loại khuất kể bên ga-ra, và tôi nghĩ: “Được, mình sẽ làm.” Vì nói cho cùng, bạn vẫn ở đó để đọc lá thư của tôi. Marcus ở đó. Và khi đọc lá thư, cậu ấy sẽ nhận ra rằng cậu ấy đã đến trước khi cậu ấy đi. Đó là nhờ lá thư của tôi.

Và rồi, vào một năm nào đó - năm của đám cháy hay mái vòm - Marcus sẽ trở lại. *Bạn sẽ trở lại.* Bạn sẽ trở lại với cái miệng ngậm đầy giấy. Bạn sẽ không còn là chính bạn khi bạn đến với tôi, nhưng bạn sẽ hoàn tất việc cần làm. Bạn sẽ cứu Sal. Bạn đã cứu Sal.

Marcus là một sợ chỉ thần kỳ. Bạn là ông-già-hay-cười. Bạn là Marcus. Marcus là ông-già-hay-cười. Hay cậu ấy sẽ là ông-già-hay-cười, khi cậu ấy già đi.

Tất cả những điều đó đều không hợp lý! Nào tôi hét lên như thế.

Nhưng tất cả đều là sự thật. Tôi tự trả lời.

Như tôi đã nói, mọi thứ chỉ diễn ra trong một phút. Chính xác là năm mươi lăm giây. Đó là tổng thời gian mẹ đã đoán sáu thể loại và giành được mười ngàn đô-la.

Và rồi mẹ con tôi ở trên sân khấu cùng nhau, nhảy lên nhảy xuống cho đến khi người ta yêu cầu chúng tôi ra ngoài.

Những Thứ Mở Ra

Chúng tôi đi xe buýt về nhà vì chúng tôi nghĩ đi xe buýt sẽ rất vui. Chúng tôi biết rằng bây giờ mình đã giàu rồi và có thể đi taxi bất cứ lúc nào. Và thật sự rất vui. Tôi và Sal không nói chuyện nhiều, nhưng chúng tôi nghiêng ngả ở mỗi khúc quẹo như khi chúng tôi còn nhỏ và thật sự tin rằng mình có thể khiến chiếc xe nghiêng đi.

Sau khi thắng được mười ngàn đô-la, mẹ chơi thêm một Vòng Tốc Độ nữa. Nhưng lần này mẹ phải chơi với một nhân vật nổi tiếng khác.

“Anh ta không phải không có cái đầu,” mẹ nói lúc ở trên xe, “Nhưng anh ta không phải là người nhạy bén lắm.” Họ thua. Nhưng mẹ được giữ mười ngàn đô-la và thêm hai ngàn một trăm đô-la tiền thưởng thời gian nữa. “Không tệ cho một ngày làm việc,” mẹ mỉm cười với tôi, “Không tệ chút nào.”

Khi chúng tôi về đến tiền sảnh, bác Louisa phải thay đồ đi làm.

“Bạn muốn xem ti-vi không?” Sal hỏi tôi.

Tôi bảo tôi thích lắm nhưng để lúc khác.

Khi lên lầu, mẹ bật nhạc lên. Mẹ và chú Richard khiêu vũ trong phòng khách một lúc trong khi tôi ngồi trên sofa nhìn họ cười.

Sau đó tôi vào phòng, đóng cửa lại và kéo cái hộp dưới gầm giường ra. Trên cùng cái hộp là một bì thư lớn cho mẹ - tuần trước chú Richard đưa tôi cất. Bên dưới là quà sinh nhật của chú Richard.

Mẹ ở trong bếp, làm bánh tacos và bánh sinh nhật. Thỉnh thoảng mẹ lại reo lên: “Whoo-hoo! Chúng ta giàu rồi!”

Tôi viết lên bì thư của mẹ: *Con không cần tấm thảm lót khắp sàn nữa. Bác Louisa nói thảm luôn có đầy những con ve bụi.*

Tôi xếp một con ếch giấy cho chú Richard và đặt nó lên trên cái hộp của chú.

Tôi xếp một con ếch giấy cho mẹ và đặt nó lên trên cái bì thư của mẹ.

Lúc nào tôi cũng thích xếp giấy hình con ếch.

Đã đến giờ ăn tối. Chúng tôi ăn bánh tacos. Chúng tôi ca hát. Chúng tôi cắt bánh sinh nhật.

Tôi đưa cho mẹ cái bì thư. “Gì thế này?” mẹ nói, “Hôm nay đâu phải sinh nhật mẹ!”

Mẹ ngắm nghía con ếch. Mẹ đọc dòng chữ của tôi về tấm thảm và nhìn tôi một cách rất buồn cười. Mẹ mở bì thư ra. Bên trong là hồ sơ nhập học của trường luật.

Mẹ nhìn nó: “Nhưng... mẹ không thể.” rồi mẹ ngồi xuống ghế và thốt lên: “Ôi trời!”

Đó chính là kế hoạch bí mật của chúng tôi. Tôi và chú Richard.

Tôi tặng quà sinh nhật cho chú Richard. Chú thích thú ngắm con ếch rồi đặt nó lên bàn, kể bên con ếch của mẹ, để cho những cái chân nhỏ xíu của hai con ếch chạm vào nhau. Chú mở cái hộp ra. Bên trong là hai chiếc chìa khóa, một là chìa khóa cửa tiền sảnh và cái kia là chìa khóa căn hộ của chúng tôi. Tôi đã làm cho chúng một cái vòng - đó là nút dây thuyền chài, thắt bằng hai sợi dây cột thật chặt. Dĩ nhiên chú biết cách mở, nhưng tôi không nghĩ chú sẽ mở nó ra.

Những Thứ Gió Cuốn Đi

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm, tự cắt cho mình một miếng bánh sinh nhật của chú Richard để ăn sáng rồi bắt đầu ngồi viết lá thư. Tôi viết nó vào cuốn sổ có những đám mây trên bìa mà mẹ tặng tôi nhân Giáng sinh. Sau khi viết được một trang, tôi bỗng nhận ra rằng lá thư mình phải viết thật sự là một gánh nặng khủng khiếp. Và tôi bắt đầu cảm thấy thật sự đáng buồn cho Marcus.

Đó không phải là lá thư mà ai cũng muốn nhận. Tôi biết cậu ấy sẽ cảm thấy khuây khỏa khi biết rằng không phải mình đã vô ý gây ra cái chết của ông-già-hay-cười-cái chết của bạn. Đó là điều tốt. Nhưng cùng lúc, cậu ấy sẽ hiểu rằng mình đã nhìn thấy cái chết của chính mình, và tôi nghĩ điều này thật khó chấp nhận. Cậu ấy cũng sẽ nhận ra rằng cậu ấy sẽ tìm ra bí mật của việc du hành xuyên thời gian, một điều khó tin đến mức hầu hết mọi người đều nghĩ đó là một phép màu kỳ diệu. Dĩ nhiên, cậu ấy là người hùng của câu chuyện. Nhưng cậu ấy không có một kết thúc hạnh phúc.

Tôi bắt đầu từ khi bạn mới xuất hiện vào mùa thu năm ngoái, và tôi nghĩ về mọi việc bạn làm - góc đường bạn thường đứng, bài luyện tập đá chân, những từ bạn thường lẩm bẩm: "Sách - Bao - Túi - Giày." Tất cả đều có lý do.

Ngoại trừ một việc. Tôi không hiểu tại sao bạn thích nằm dưới đất, chui đầu xuống dưới thùng thư. Tại sao vậy? Hẳn rất bực mình khi luôn bị bọn trẻ chọc ghẹo vì điều đó.

Tôi từ từ ngẩng đầu lên. Rồi tôi nhồm dậy, trùm một chiếc áo len bên ngoài áo pyjama đang mặc. Tôi để một mẩu giấy trên bàn bếp, chụp chùm chìa khóa của mình và lén ra đường trước khi mẹ và chú Richard thức giấc.

Đó là một buổi sáng khá ấm. Không có ai ngoài đường. Điều này thật tốt vì có lẽ tôi sẽ rất kỳ quặc khi nằm ngửa trên đường và chuồi người xuống dưới thùng thư. Việc đó không dễ dàng như tôi tưởng.

Mọi thứ bên dưới thùng thư thật xấu xí - những tấm kim loại bê bết màu nổi lại và một mớ đinh ốc. Tôi nhìn thấy mẩu giấy ngay lập tức. Nó nhỏ xíu, chỉ khoảng kích cỡ những lá thư mà bạn gửi cho tôi, và nó được chèn vào một rãnh nổi kim loại để có thể nằm phẳng lì bên dưới thùng thư. Tôi nhận ra nó được chèn bởi một chiếc chìa khóa - chiếc chìa khóa cũ của chúng tôi, chiếc chìa mà chúng tôi giấu ở ống cứu hỏa. Tôi điều chỉnh đầu để có thể nhìn thẳng vào tờ giấy. Chắc hẳn bạn cũng phải làm như vậy.

Một gương mặt phụ nữ đang nhìn tôi, vẽ bằng viết chì. Bà ấy cũng già, như bạn vậy. Mái tóc trắng được vén gọn sau đầu. Đôi mắt màu sẫm hơi lệch một bên, và bà ấy có một nụ cười vui vẻ. Đó thật sự là một bức vẽ khá đẹp.

Người ta có thể già đi theo nhiều cách khác nhau, tôi nghĩ. Một số người thay đổi rất nhiều, như bạn chẳng hạn. Tôi có thể nhìn vào mặt bạn suốt cả tuần nhưng không bao giờ có thể tưởng tượng được bạn chính là Marcus. Bạn ốm hơn cậu ấy nhiều, và những cái xương phía trên mắt bạn nhô hẳn ra ngoài. Có lẽ đó là hậu quả của *cú nháy kim cương*. Nhưng gương mặt của bà cụ trên tấm hình vẫn phẳng phất nét trẻ trung. Chắc là ở đời mắt màu sẫm, hay nụ cười của bà ấy. Thật khó nói chính xác chúng ta nhận ra người khác bằng cách nào. Nhưng tôi biết chắc bà cụ ấy chính là Julia.

Marcus và Julia. Tôi nhớ đến lúc Julia rút chiếc nhẫn kim cương ra và giải thích cách nhìn thời gian của bạn ấy, còn Marcus thì nhìn chăm chăm vào Julia. Có lẽ cậu ấy đang nghĩ rằng cuối cùng thì cậu ấy cũng không đơn độc trên thế giới này. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và ngập tràn hạnh phúc. Marcus sẽ không phải một mình. Cậu ấy sẽ có một người bên cạnh. Cậu ấy sẽ có Julia.

Tôi ngo nguẩy bên dưới thùng thư - một người đàn ông đang đứng cùng một con chó lớn màu đen nhìn tôi với vẻ tò mò - và tôi bỗng nhớ đến những gì bạn nói, chính xác tại chỗ này, vào

buổi trưa khi tôi cho bạn chiếc sandwich pho-mát của mình: *“Tôi chỉ là một ông già, còn bà ấy thì đã mất rồi. Đừng sợ nhé!”*

Tôi tin là bạn đã sẵn sàng. Nhưng tôi vẫn cảm thấy buồn.

Tôi để tấm hình lại đó, dùng chiếc chìa khóa của chúng tôi chèn nó lại bên dưới thùng thư. Có vẻ như sẽ không đúng lắm nếu tôi lấy nó đi. Tôi nghĩ nó sẽ ở đó một thời gian dài, và rồi một ngày nào đó, nó sẽ bị gió cuốn đi.

Sal và Miranda, Miranda và Sal

Mấy hôm nay tôi và Sal không đợi nhau nữa. Không cố ý. Nhưng nếu vô tình ra về cùng lúc, nếu cậu ấy không đến nhà bạn hay không đi tập bóng rổ, và nếu tôi không đến nhà Annemarie, Julia hoặc Colin thì tôi và Sal sẽ cùng đi về chung. Và chúng tôi cảm thấy vui hơn với giải pháp này, đi cùng nhau khi muốn đi cùng nhau. Cậu ấy hiểu ra điều đó trước cả tôi nữa.

Chúng tôi đi bộ lên đại lộ Broadway, đi ngang tiệm Jimmy rồi đi về hướng Amsterdam, đi qua ga-ra, bọn con trai ở đó vẫn thường trêu chọc chúng tôi nhưng chúng tôi phớt lờ họ. Sau đó chúng tôi đi ngang cánh cửa nhà Marcus.

Rồi chúng tôi đi qua cửa hàng của chị Belle, băng qua con đường cuối cùng, đến góc đường cũ quen thuộc của bạn, nơi thùng thư vẫn còn những vết cào thành chữ.

Và khi chúng tôi đã qua đường an toàn thì Sal luôn mỉm cười chào tôi. Và đôi lúc tôi nhìn lên, đắm tay vào không trung.

Những món quà chia tay

Lá thư viết sắp xong rồi. Chốc lát nữa thôi tôi sẽ đem nó đến cho Marcus như bạn yêu cầu.

Có rất nhiều điều tôi có thể nói với cậu ấy, những điều tôi nghĩ là tôi đã phát hiện ra, chẳng hạn như người đàn ông không mặc quần áo chạy rong trên đường vào những ngày chúng tôi phải ăn trưa ở căn-tin trường, và bóng người thoắt ẩn thoắt hiện mà tôi nhìn thấy ngay trước khi xảy ra tai nạn - tất cả đều là bạn, khi bạn đang tìm cách đến đây. Bạn nói bạn không thể mang được cái gì cả, và tôi nghĩ có lẽ bạn cũng không mang nổi cả quần áo trên người. Đó là lý do tại sao bạn phải ngậm những lá thư vào miệng.

Hoặc tôi có thể khuyên Marcus vài điều, chẳng hạn như nếu đói bụng thì cậu ấy có thể tìm thấy những bữa trưa tuyệt vời của Annemarie trong thùng rác bên kia đường, vì ngày nào bạn ấy cũng bỏ bữa trưa ở đó suốt sáu tuần lễ. Nhưng tôi chắc chắn bạn có thể tự tìm ra.

Hay tôi có thể kể với cậu ấy về Julia.

Nhưng cuối cùng tôi quyết định sẽ không nói gì nhiều. Tôi sẽ chỉ đưa lá thư này cho cậu ấy và bảo: “Cố đừng đáp xuống đám bông cải nhé.” Cậu ấy sẽ hiểu. Cậu ấy rất thông minh.

HẾT

Chú thích

[\[1\]](#) “Cảnh báo Miranda” - Miranda warning: cảnh báo Miranda khẳng định cho nghi phạm biết các quyền họ được hưởng, bao gồm hai quyền cơ bản: quyền im lặng và quyền có luật sư. Ví dụ: “Anh có quyền giữ im lặng. Bất cứ điều gì anh nói có thể và sẽ được sử dụng để chống lại anh trước tòa án. Anh có quyền nói chuyện với luật sư, và có luật sư hiện diện trong quá trình xét hỏi. Nếu anh không thể thuê luật sư, anh vẫn sẽ được cung cấp một luật sư bằng nguồn tài chính của chính phủ.”

[\[2\]](#) UFO là từ viết tắt của Unidentified Flying Object: vật thể bay không xác định.

[\[3\]](#) Eggnog: món rượu nóng đánh trứng thường uống trong mùa Giáng sinh.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>